

TRƯƠNG ĐÌNH TƯỞNG

Bái Đính

NGÀN NĂM TÂM LINH
VÀ HUYỀN THOẠI



TRƯƠNG ĐÌNH TƯỞNG
Cử nhân Văn - Sử & Luật

- Giám đốc Điện ảnh tỉnh Ninh Bình
- Trưởng Chi hội Văn nghệ dân gian VN
tỉnh Ninh Bình
- Trưởng Chi hội Khoa học Lịch sử VN
tỉnh Ninh Bình
- Nguyên Phó Chủ tịch Hội Văn học -
Nghệ thuật tỉnh Ninh Bình
- Tổng biên tập Tạp chí Hoa Lư
(Văn nghệ Ninh Bình)

Giải thưởng

- Giải A cuộc thi Thơ tỉnh Ninh Bình
- Giải A Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam
- Giải A VHNT Trương Hán Siêu

BÁI ĐÍNH

**NGÀN NĂM TÂM LINH
& HUYỀN THOẠI**

TRƯỜNG ĐÌNH TƯƠNG

BÁI ĐÍNH
NGÀN NĂM TÂM LINH
& HUYỀN THOẠI

(Khảo cứu về Phong thủy - Tâm linh & Huyền thoại
Bái Đính Sơn - các vùng phụ cận và Kiến trúc chùa
- Tượng Phật-Thần-Mẫu chùa Báu Đính cổ
& Chùa Báu Đính mới xây dựng)

(Tái bản lần thứ nhất có bổ sung và sửa chữa)

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	9
Chương I. BÁI ĐÍNH - THIÊN NHIÊN VÀ CẢNH QUAN	15
I. Vị trí địa lý, địa hình và địa danh Báu Đính	15
II. Đường đến núi và chùa Báu Đính	19
III. Thiên nhiên và cảnh quan: Phong thủy Báu Đính Sơn	21
1. Thủ tìm hiểu về phong thủy vùng Báu Đính/Lĩnh Sơn theo quan niệm dân gian cổ truyền	21
2. Dấu tích người Xưa	27
Chương II. BÁI ĐÍNH NGÀN NĂM TÂM LINH	29
I. Nguyễn Minh Không - Quốc sư triều Lý - Ông Tổ khai sinh ra Sinh Dược và Báu Đính cổ tự	29
II. Báu Đính cổ tự - Minh định danh lam: Động Phật, động Thánh, động Tiên trên đỉnh Báu Đính Sơn ..	36
1. Lỗ Lùng - Giếng Ngọc	36
2. Đường lên Minh định danh lam	40
3. Động thờ Phật	41
4. Động thờ thần Cao Sơn	46
5. Đền thờ Lý triều Quốc sư Nguyễn Minh Không ..	54
6. Động thờ Tam tòa Thánh Mẫu	56

Chương III. BÁI ĐÍNH TÂN TỤ - CHÙA BÁI ĐÍNH MỚI -	
NGÔI CHÙA LỚN NHẤT VIỆT NAM	
VỚI NHIỀU KỶ LỤC NHẤT QUỐC GIA	70
I. Đôi nét về Phật giáo Việt Nam qua các thời	71
II. Chùa Báu Đính mới nằm trong trung tâm Phật giáo thời Đinh - Tiền Lê và không gian thiêng qua các thời đại	76
III. Chùa Báu Đính mới - một công trình kiến trúc hoàn thành tráng, kỳ mĩ và những pho tượng phật đồ tể vừa lớn, vừa đẹp đẽ vào bậc nhất Việt Nam nhiều kỷ lục nhất quốc gia	100
1. Tam quan lớn nhất Việt Nam	103
2. Tháp chuông và chuông đồng lớn nhất Việt Nam	105
3. Điện Quan Thế Âm Bồ Tát: Pho tượng Quan Thế Âm bằng đồng lớn nhất Việt Nam	107
4. Điện Pháp chủ: Pho tượng Phật Thích Ca Mâu Ni bằng đồng lớn nhất Việt Nam	110
5. Điện Tam Thế: 3 Pho tượng Tam Thế bằng đồng lớn nhất Việt Nam	123
6. Những công trình phụ trợ khác	132
Chương IV. BÁI ĐÍNH NGÀN NĂM HUYỀN THOẠI	135
I. Thời Hùng Vương dựng nước	135
II. Những mẩu chuyện về ông Khổng Lồ ở vùng Báu Đính	136
1. Ông Khổng Lồ gánh núi	137
2. Sự tích đồi Ba Rau, Đồng Củi, Xó Bép	139
3. Sự tích Bàn Cờ, Ô Thuốc	140
4. Ông Khổng Lồ bắt lươn	141

5. Nút Đô và Lò nước của ông Khổng Lồ	142
6. Sự tích núi Con Mèo	143
7. Một lời nguyền của ông Khổng Lồ	144
8. Sự tích Hòn đá Diều Công và hai con voi hóa thạch	145
9. Động Long Ân và hang Áng Nôi	146
10. Lỗ Lùng - ô Gà	147
11. Sinh Dược - Vườn thuốc của ông Khổng Lồ	148
12. Truyền Thần Y chữa bệnh hóa hổ cho vua Lý	149
III. Huyền thoại về Đinh Bộ Lĩnh gắn với vùng Bai Đinh và sông Hoàng Long	150
1. Truyền con Rái Thần	150
2. Mả táng Hàm Rồng	154
3. Sự tích sông Hoàng Long	159
IV. Các huyền thoại khác	162
1. Sự tích núi Vân, núi Võ, đồi Voi	162
2. Sự tích Cầu Độn	163
3. Chuyện mè con nhà Ngọc	164
4. Kho vàng dun bạc ở đâu?	165
5. Bí mật hai ngôi mộ của hai Công chúa triều Trần	166
KẾT LUẬN	169
TÀI LIỆU THAM KHẢO	173

MỤC LỤC ẢNH

1. Đức Thánh Nguyễn Minh Không (1066 - 1141), Quốc sư nhà Lý, người khai sinh ra "Báu Đính cổ tự" trên đỉnh núi Báu Đính. Tượng đồng nguyên khối, mạ vàng, đặt ở đền "Lý triều Quốc sư" trên đỉnh núi Báu Đính.	37
2. Giếng Ngọc dưới chân núi Báu Đính đã được Trung tâm sách Kỷ Lục Việt Nam cấp bằng xác nhận "Ngôi chùa có giếng lớn nhất Việt Nam"	39
3. Đại tự "Minh Định Danh Lam" khắc nổi trên cửa động Thạch Am thờ Phật, bút tích của Thiên Nam Động Chủ (Lê Thánh Tông)	43
4. Thần Cao Sơn, tượng đồng nguyên khối, thờ trong đền "Cao Sơn Thần Từ" trên đỉnh núi Báu Đính	47
5. Phật Thích Ca Mâu Ni, Tượng đồng nguyên khối mạ vàng thờ trong Động Thạch Am cổ trên đỉnh núi Báu Đính.	51
6. Tam Tòa Thánh Mẫu Tượng đồng nguyên khối mạ vàng thờ trong Động Tiên trên đỉnh núi Báu Đính	55
7. Phật Thích Ca Mâu Ni, Tượng đồng, nặng 100 tấn, lớn nhất Việt Nam; đặt tại Điện Pháp Chủ, chùa Báu Đính mới	101
8. Phật Hiện Tại, tượng đồng, nặng 50 tấn, một trong 3 pho tượng Tam Thế Phật, đặt ở Điện Tam Thế, chùa Báu Đính mới, tỉnh Ninh Bình. Là pho tượng đồng Tam Thế lớn nhất Việt Nam	111
9. Điện Tam Thế chùa Báu Đính tân tự (chùa Báu Đính mới)	127

MỞ ĐẦU

Trong đời sống con người, ngoài mặt hiện hữu còn có mặt “phi hiện hữu” mà người ta gọi là *tâm linh*. Dời sống cá nhân cũng như cộng đồng (gia đình, làng, xã, quốc gia, dân tộc...) cũng như vậy. Mặt hiện hữu có thể nhận thức được bằng trực quan, cảm giác, có thể định tính, định lượng được cụ thể. Mặt *tâm linh* là những cái *triệu tượng, mông lung, huyền bí, thiêng liêng nhưng không thể thiếu được trong đời sống*. Từ ngàn xưa, khi triết học duy vật chưa có và ngay cả thời đại ngày nay điện tử, tin học và công nghệ thông tin bùng nổ, khoa học kỹ thuật phát triển đạt được những thành tựu phi thường, con người đã bay vào vũ trụ, lên sao Kim, sao Hỏa thì mặt tâm linh cũng không thể thiếu, nếu như không nói nó là “*thăng hoa*” ở những biểu hiện vô cùng phong phú, đa dạng khác nhau. Cái cột chặt con người trong cộng đồng làng xã, quốc gia không chỉ có quan hệ hiện hữu ở lãnh thổ, biên giới, chủ quyền, trong đó có chủ quyền kinh tế - xã hội, mà còn nhiều quan hệ khác rất thiêng liêng. Đó là thế giới tâm linh với những biểu tượng, thần tượng, thánh tượng, những kỳ vọng vươn tới *chân - thiện - mỹ*. Đến lúc người ta thức nhận ra rằng, *dời sống tâm linh là nền tảng vững chắc nhất của mỗi quan hệ cộng đồng làng xã và rộng lớn hơn là của cả đất nước*. Thế giới tâm linh là thế giới của cõi thiêng.

mà ở đó, chỉ có những gì cao cả, thiêng liêng, lương thiện và đẹp đẽ mới tồn tại. Cả cộng đồng tôn thờ và kết nhau lại trên cơ sở của *cái thiêng liêng* ấy. Cái đình, chùa làng là tâm linh của làng, xã thậm chí cả một vùng, miền. Đền Hùng, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, hòn Vọng Phu, chùa Thầy, Yên Tử, Côn Sơn, Kiếp Bạc, đền Trần, chùa Hương... là những biểu tượng thiêng liêng của tâm linh dân tộc. Mỗi quốc gia, tôn giáo lại có những biểu tượng tâm linh khác nhau. Hình tượng Phật qua các pho tượng Phật nghìn mắt, nghìn tay, Phật Tuyết Sơn, Phật Di Đà... là biểu tượng thiêng liêng trong ý thức, niềm tin của những tín đồ đạo Phật. Hình tượng Chúa Giêsu trên cây Thánh giá là biểu tượng thiêng liêng về Chúa trong ý thức, niềm tin của những tín đồ đạo Thiên Chúa... Và các tín ngưỡng tôn giáo khác cũng tương tự như vậy. Tín ngưỡng là niềm tin tưởng, ngưỡng mộ về một thần tượng nhất định. Không có tín ngưỡng sẽ không có tôn giáo. Tâm linh tương tự như tín ngưỡng. Song, tâm linh, tín ngưỡng không phải là tôn giáo mà chỉ là khía cạnh dẫn dắt tôn giáo. Tôn giáo đã mượn tâm linh làm cứu cánh và duy trì, phát triển, mở rộng.

KHU CHÙA BÁI ĐÍNH MỚI được xây dựng đầu Thiên niên kỷ XXI - một TRUNG TÂM TÂM LINH lớn của Phật giáo Việt Nam - với nhiều kỷ lục được TRUNG TÂM SÁCH KỶ LỤC VIỆT NAM xác nhận **nhất quốc gia**, là biểu tượng *vừa mới, vừa kỲ ƯU*, nằm trong vùng *Trung tâm Phật giáo của cả nước thời Đinh - Tiền Lê và đầu nhà Lý*, trở thành *cố thiêng trên trực thiêng Đông-Tây và Nam-Bắc của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng*.

Cõi thiêng Báu Đinh đã được hun đúc hàng ngàn năm, nay gặp buổi “*thiên duyên kỳ ngộ*”, cõi linh được thăng hoa, phát tích, tạo nên sự đăng đối, hoàn thiện, hoàn nãy đến diệu kỳ ba Trung tâm linh lớn của ba dòng đạo từ thế kỷ thứ XIV - nhà Trần - đến nay là: Trung tâm **Đạo giáo thời nhà Trần ở Thái Vi - Trung tâm Thiên chúa giáo Phát Diệm thế kỷ XIX - Trung tâm Phật giáo Báu Đinh đầu thế kỷ XXI** trên vùng đất có đô Hoa Lư lịch sử. Đây vừa là sự tiếp nối, vừa là bước phát triển ở đỉnh cao của những biểu tượng tâm linh dân tộc trong vùng. Không những thế mà nó còn là biểu tượng trực rõ của Văn Hóa Tâm Linh tôn giáo trong thời mờ cưa và hội nhập quốc tế với quy mô kiến trúc điện Phật đồ sộ, lộng lẫy, hoành tráng, cùng những pho tượng Phật bằng đồng, bằng đá, những hổng chung đồng vĩ đại, mãi mãi là những tác phẩm nghệ thuật vô giá về kiến trúc, điêu khắc, đúc đồng và chế tác đá mỹ nghệ tuyệt vời cho hôm nay và muôn thế hệ cháu con.

Nơi đây, biểu tượng tâm linh đã có từ ngàn năm nay, ít nhất từ thời nhà Lý, khi đức Thánh Nguyễn (1066 - 1141), người làng Diêm Dương/Giang (Gia Viễn, Ninh Bình) chọn đỉnh núi Báu Đinh làm nơi tu hành, chọn những cánh rừng bạt ngàn xung quanh núi Báu Đinh làm vườn “Sinh Dược” để cứu độ muôn dân. Trước đó, vào thời Đinh-Tiền Lê đến đầu nhà Lý (968 - 1010), vùng núi đồi Báu Đinh là vùng chiến lược về quân sự và kinh tế của kinh đô Hoa Lư tồn tại suốt gần nửa thế kỷ để chống thù trong, giặc ngoài, dựng xây quốc gia Đại Cồ Việt vững mạnh. Nơi đây được coi là cửa ngõ, là căn cứ tiền đồn phòng thu phía Tây của

kinh thành Hoa Lư. Kinh đô Hoa Lư ở thế kỷ X không chỉ có những cung điện dát vàng, dát bạc long lanh, rực rỡ, mà còn đầy đặc các công trình kiến trúc của Phật giáo với những vị Quốc sư danh tiếng lúc bấy giờ trụ trì, kể cả các vị Hoàng đế, quan lại cao cấp và Hoàng thân, quốc thích cũng sùng bái Phật, đưa những vị cao tăng, tài giỏi vào giữ những cương vị tối thượng và tham gia triều chính. *Kinh đô Hoa Lư là trung tâm Phật giáo của thế kỷ X.*

Suốt dăm dài lịch sử dân tộc, hơn một ngàn năm, kể từ khi Hoa Lư là trung tâm chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa và tôn giáo của cả nước, trải qua bao cuộc hưng vong, binh dao, khói lửa, Hoa Lư - Báu Đính vẫn là điểm hội tụ của linh khí núi sông, của tâm linh dân tộc với những kiến trúc lăng tẩm và đền thờ vua Đinh, vua Lê, của dấu vết kinh thành một thời vàng son, một thời ngựa xe tấp nập. Ngày nay, dưới ánh sáng của các quan diêm đồi mới dắt nước, đồi mới tư duy văn hóa và tâm linh văn hóa của Đảng và Nhà nước ta, **Báu Đính mọc dậy chói lòa với những biểu tượng tâm linh thiêng liêng, rực rỡ mới - một trung tâm tâm linh Phật giáo lớn nhất Việt Nam.**

Nói đến khu tâm linh Báu Đính là nói đến *ngàn năm tâm linh*, nơi Quốc sư Nguyễn Minh Không thời nhà Lý tu Phật và hành lễ trên đỉnh núi rồi đặt tên cho núi, cho chùa. Nơi sinh thời, Ngài vừa câu và đăng dó bắt cá, tôm và xây dựng, chăm chút vun trồng vườn thuốc cứu sinh độ thế muôn dân, đặt tên là “*Sinh được*”. Dấu chân đức Thánh Nguyễn đầy đặc từ khắp các bến bờ, sông ngòi

đến các khe suối, đầu non... với bao huyền thoại, huyền tích lưu truyền hàng ngàn đời trong nhân dân, làm cho cả vùng Hoa Lư - Báu Dinh trở thành vùng huyền thoại thiêng liêng, lóng lánh những viên ngọc đa sắc màu của văn học dân gian. Như thế, **Báu Dinh không chỉ có ngàn năm tâm linh mà còn là ngàn năm huyền thoại.**



Chương I

BÁI ĐÍNH - ĐỊA LÝ - THIÊN NHIÊN VÀ CẢNH QUAN

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH VÀ ĐỊA DANH BÁI ĐÍNH SƠN

Núi Báu Đính ở địa phận các xã Lê Xá, Sinh Dược, Xuân Trì xưa, nay thuộc xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Núi Báu Đính là núi có ngọn cao nhất, hùng vĩ nhất trong vùng. Xung quanh núi, dân cư đông đúc, quần tụ lâu đời.

Núi đứng độc lập, trên vùng đồi đất khá cao và bằng phẳng. Ở phía Tây Bắc núi có những quả đồi thấp, nên đất và đồi như tôn cho núi cao và đẹp hơn những quả núi quanh vùng. Núi cao 187m, diện tích trên 150.000m², dáng vòng cung, hai bên vòng lại hình tay ngai, tạo thành một thung ở chân núi, tương truyền xưa kia là vườn Sinh Dược của đức Thánh Nguyễn. Nhìn ở các hướng khác nhau, sẽ thấy núi có hình dáng khác nhau. Nếu từ sông Hoàng Long nhìn lên thì núi có hình dáng con Long mà đang chồm về phía Bắc, u bờm cuộn lên, hai chân sau đạp soái về phía nam, với thế thượng phong.

Tên Báu Đỉnh Sơn có nghĩa gì?

Theo Từ điển Hán - Việt, “Bái” (拜) có nghĩa là “lễ nghi, và vái/lạy”. Lại còn có nghĩa là “trao phong, như phong hầu báu tướng”¹. “Đỉnh” (頂) có nghĩa là đỉnh, như đỉnh núi. Như vậy, Báu Đỉnh Sơn (拜頂山) có nghĩa là núi có lễ bái trên đỉnh cao, hoặc nơi đây đã diễn ra phong hầu báu tướng từ lâu đời.

Tên núi có từ rất xa xưa. Dân gian thường gọi tắt là **núi Đỉnh**. Các sách “Ninh Bình toàn tinh địa chí khảo biện” của Nguyễn Tử Mẫn và *Đại Nam nhất thống chí* - bộ địa lý lịch sử đồ sộ của nhà Nguyễn gọi là núi Báu Linh và chép lại: “*Núi Báu Linh* phía Tây huyện Gia Viễn, ở địa phận các xã Phúc Lai, Sinh Được, Mộc Hoàn, Xuân Trì, Lê Xá và Khoáng Trang thuộc các huyện Phụng Hóa và Gia Viễn, một dải núi dài liền với sơn phân Chi Phong và Trường Yên bên cạnh. Đỉnh núi có đền Thần Cao Sơn”². Như vậy, “Báu Linh” không phải là danh từ chỉ tên một núi cụ thể mà là chỉ cả quần thể núi, đồi trong một vùng rộng lớn của hai huyện Gia Viễn và Phụng Hóa xưa. Theo các địa danh có ghi trên trong sách “*Đại Nam nhất thống chí*” thì nay bao gồm các xã Sơn Lai, Sơn Thành, Sơn Hà (huyện Nho Quan) và xã Gia Sinh, Gia Phong, Gia Minh, Gia Lạc (huyện Gia Viễn). *Núi Báu Đỉnh* chỉ là cá thể trong quần thể *Báu Linh Sơn* đó mà thôi. Không ít người lầm tưởng Báu Đỉnh Sơn với Báu Linh Sơn là một! Trong quần thể núi đồi

1. Từ điển Hán - Việt, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr.36.

2. Hán - Việt từ điển, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2007, tr.209.

Bái Linh ấy, có núi Bá Dinh, trên đỉnh Bá Dinh có thờ thần Cao Sơn.

Vậy *Bái Linh Sơn* có ý nghĩa gì? Theo các bộ từ điển Hán - Việt đã giới thiệu ở trên thì, *Bái Linh Sơn* có nghĩa như sau: “Bái” (拜) có nghĩa như đã giải thích ở từ Bá Dinh. “**Linh**” (嶺) có nghĩa là “đỉnh núi có thể thông ra đường cái được gọi là linh”¹. *Bái Linh Sơn* (拜嶺山) có nghĩa là vùng núi có diễn xướng lễ bái, hoặc nơi đây đã từng diễn ra phong hầu bái tướng. Từ đây có thể di ra đường lớn rất thuận tiện. Diễn xướng lễ bái nơi đây thi đã rõ. Còn nơi đây “đã từng diễn ra phong hầu bái tướng” thi rất nhiều truyền thuyết địa phương và các địa danh cổ còn đến hôm nay phản ánh về việc này từ thời Hùng Duệ Vương (vua Hùng thứ 18) đến nghĩa quân Tây Sơn tập kết nơi đây, té cờ, té kiêm và đức vua phong thưởng ba quân tướng sĩ trên vùng núi đồi này. Vấn đề này xin được đề cập đến trong phần “*Bá Dinh ngàn năm huyền thoại*” ở cuối sách. “Đường lớn” nói đến ở đây là đường Thượng đạo di từ phủ Trường Yên lên phủ Thiên Quan xưa để vào các tỉnh miền trong hoặc lên mạn Hòa Bình, Tây Bắc.

Như vậy, *từ xa xưa, núi Bá Dinh đã là nơi diễn xướng lễ bái lớn trên đỉnh núi*. Và cũng tại đây, theo truyền thuyết, vua Đinh Tiên Hoàng sau khi đánh dẹp 12 sứ quân cát cứ, đức Vua đã cho lập đài tràng để làm lễ phong hầu bái tướng, phong chức tước cho các bá quan văn võ. Điều này cũng rất hợp với truyền thuyết khi định đô ở Hoa Lư, Ngài đã cho

1. Đại Nam nhất thống chí, Sđd, tr. 252.

xây dựng hành cung ở vùng Sơn Lai (giáp liền xã Gia Sinh, cách núi Báu Đính độ 4 - 5km) để xây dựng kinh đô mới. Nơi đây, nhà Đinh - Tiền Lê và cả năm đầu nhà Lý dùng làm nơi tế Trời-Đất. Các vua sau này như Lê Lợi, Quang Trung tiến quân ra Bắc đều lấy núi Báu Đính làm nơi tế Trời-Đất, tế Thần (Cao Sơn) trước khi xuất chinh điêu phat giặc xâm lăng và đều lập nên những kỳ tích về vang, võ công oanh liệt, chói ngời trong lịch sử dân tộc. Trong cuộc chiến tranh Lê-Trịnh với Mạc, Báu Đính là địa bàn chiến lược tranh chấp quyết liệt giữa hai tập đoàn phong kiến này, là đại bản doanh của Đại tướng quân nhà Mạc là Nguyễn Quyện với tướng nanh vuốt là Quận công Bùi Văn Khuê (người Chi Phong, Trường Yên). Khi đại quân nhà Mạc ở đây dưới sự chỉ huy của Quận công Bùi Văn Khuê và các Quận công con trai ông theo nhà Lê - Trịnh (lúc bấy giờ đang đóng hành doanh ở Thanh Hóa) thì tương quan lực lượng nghiêng hẳn về nhà Lê, lại bị mất địa bàn chiến lược này suốt đến Tam Điệp, nhà Mạc yếu thế hẳn về quân sự. Và cũng từ đây, quân Lê - Trịnh có thể ý dốc tiến như vũ bão ra đồng bằng Bắc Bộ, bao vây, chiếm lại Thăng Long, làm chủ toàn bộ đất nước, đẩy nhà Mạc lên Cao Bằng và một số tỉnh biên giới phía Bắc. Xem thế mới biết, một dải núi rừng hiểm trở suốt từ Cúc Phương, Báu Đính tới Tam Điệp, Thần Phù "Trời đất xây dựng, rất là hiểm yếu" (*Hoàng Lê nhất thống chí*) có tầm quan trọng chiến lược như thế nào trong công cuộc dựng nước và giữ nước của cha ông ta.

Dân gian truyền rằng, muôn lên được chùa Thạch Am trên đỉnh núi Báu Đính để lễ Phật, phải qua "*ba Báu*". Qua

làng Bai (xã Sơn Thành, huyện Nho Quan), qua *làng Bai* (xã Sơn Lai, huyện Nho Quan) và qua eo đồi *Ba Rau* lên *Bái Đính Sơn* là “*ba bái*”. Gần *Bái Đính*, xưa kia còn có phường *Bái Ân* (*Sơn Thành, Nho Quan*). Như vậy, vùng này, từ xa xưa đã từng là *không gian lễ bái*, *kết cả phong hồn*, *bái tưởng* như trên đã giải thích, mà *Bái Đính* vừa là trung điểm, vừa là đỉnh cao của diễn xướng tín ngưỡng lễ bái của cả một vùng giáp ranh 3 tỉnh *Ninh Bình - Thanh Hóa - Hòa Bình*. Ngày nay, nơi đây thu hút khách cả nước và quốc tế về tham quan, lễ Phật, lễ Thánh, lễ tiên cầu phúc quanh năm. Ấy là sự lặp lại kỳ thú của diễn xướng lễ bái hàng trăm năm trước - hình thức sôi động của hoạt động tâm linh - trên đất này.

II. ĐƯỜNG ĐEN NÚI VÀ CHÙA BÁI ĐÍNH

Núi *Bái Đính*, nơi có động thờ Phật, thờ Thần và thờ Tiên trên đỉnh núi từ ngàn xưa, nay là **Trung tâm Tâm linh Phật giáo *Bái Đính***, trong quần thể **Du lịch sinh thái Tràng An**, nằm trọn trong lòng xã *Gia Sinh*, huyện *Gia Viễn*, tỉnh *Ninh Bình*.

Chùa *Bái Đính - Trung tâm Tâm linh Phật giáo *Bái Đính** cách thủ đô *Hà Nội* trên 100km, cách thành phố *Ninh Bình* ngót 20km về phía Tây Bắc. Đến Trung tâm Tâm linh *Bái Đính* có thể băng sáu con đường sau:

Con đường thứ nhất: Từ *Hà Nội* hoặc từ thành phố *Ninh Bình* đến thị trấn *Thiên Tôn* (huyện *Hoa Lư*), rẽ vào cổng *Hoa Lư* (xã *Trường Yên*, huyện *Hoa Lư*), đi tiếp lên dê *Hoàng Long* độ 7km nữa là đến.

Con đường thứ hai: Từ núi Kỳ Lân của thành phố Ninh Bình đi theo đường Tràng An, qua xã Ninh Nhất, rẽ phải, theo con đường du lịch vào thăm khu hang động Tràng An, cứ theo con đường rái nhựa, qua hai đường hầm xuyên núi, lên đê Hoàng Long, đến đền Vực Vông, theo đường ven đê sông Hoàng Long, độ hơn 2km là tới.

Con đường thứ ba: Từ Nho Quan xuống, hoặc từ thị xã Tam Điệp lên; từ Thạch Thành, Vĩnh Lộc (Thanh Hóa) đi Rịa, đến dồi Sóng (ngã ba đường Nguyễn Văn Trỗi, thuộc xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan), rẽ vào đường Nguyễn Văn Trỗi, di độ 7 km là tới.

Con đường thứ tư: Từ quốc lộ 1, đến ngã ba Gián hoặc từ thị trấn Nho Quan, theo đường 12C rẽ về Me, di đến khu du lịch nước khoáng Kênh Gà (xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn), qua cầu phao Lạc Khoái (xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn), di độ 7km là tới.

Con đường thứ năm: Từ Hà Nội về, từ thành phố Ninh Bình lên, đến Gián Khâu, xuống thuyền đi theo đường thủy độ hơn 7 km theo sông Hoàng Long là tới.

Con đường thứ sáu: Từ Hòa Bình về, đến thị trấn Nho Quan, xuống thuyền đi theo sông Lạng, qua Kênh Gà vào sông Hoàng Long, đến bến đò Sinh Dược (xã Gia Sinh) là đến nơi. Đường này được dịp thường lâm phong cảnh núi non kỳ vĩ, sông nước nên thơ từ Nho Quan về ngót hai chục cây số, tâm hồn thư thái, lâng lâng.

Như vậy, đến núi Báu Dinh, chùa Báu Dinh - Trung tâm Tâm linh - rất thuận lợi, cả đường thủy và đường bộ. Và từ đây di tham quan tiếp các danh lam, thăng cảnh khác của Ninh Bình hoặc các tỉnh lân cận cũng rất thuận tiện.

III. THIÊN NHIÊN VÀ CẢNH QUAN

1 - Thủ tìm hiểu về Phong thủy vùng Báu Dinh/Lĩnh Sơn theo quan niệm dân gian cổ truyền

Nơi đây, *mùi sông kỳ ngô, phong cảnh hữu tình, nhân sinh vật thịnh*

Sông Hoàng Long là hợp lưu của ba dòng sông: sông Lạng, sông Bôi và sông Lê. Sông Lạng bắt nguồn từ Hòa Bình, chảy qua thị trấn Nho Quan, đổ về, gặp sông Bôi (sông Kiến phong cổ) cũng từ Hòa Bình đổ về ở ngã ba Kênh Gà, (xã Gia Thịnh, Gia Viễn). Sông Hoàng Long chảy đến núi Lê (thôn Lê, xã Gia Sinh, Gia Viễn) nhập thêm dòng sông Lê từ Phú Lộc, Sơn Thành (Nho Quan) đổ vào. Xưa kia, chảy đến Phú Mỹ (xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn), sông Hoàng Long *lượn vòng* về phía Tây Bắc, đến thôn Hoàng Long, Đức Hậu, An Thái (xã Gia Ninh cũ, nay là xã Gia Trung) chảy đến sát chân núi Bồ Đề (xã Gia Vượng), Kỳ Lân (Đại Hữu cổ, nay là xã Gia Phương), rồi *lượn vòng lại* về phía Đông Nam qua Diêm Giang/Dương (xã Gia Thắng), Diêm Xá (xã Gia Tiên, huyện Gia Viễn), tạo thành *vòng cung nước* ôm lấy các xã Gia Trung, Gia Vượng, Gia Phương, Gia Thắng, Gia Tiên. Khúc *uốn quanh* này, sách cổ gọi là **sông Đại Hoàng**. Còn sông Hoàng

Long chi là đoạn sông chảy thăng từ Hán Nam - Hán Bắc (xã Gia Tiên) chảy xuôi qua Thần Thiệu, Thiện Hồi (xã Gia Tân) khoảng 8 km ra Giản Khâu, đổ vào sông Đáy, (sông Thanh/Sinh Quyết cõ). (Đến nay, xã Gia Trung, huyện Gia Viễn vẫn còn địa danh thôn Hoàng Long, gần núi Bồ Đề và núi Kỳ Lân).

Vong cung thủy-khúc uốn quanh của sông Đại Hoàng cõ tạo thành phía trước núi Báu Đề ngày nay không thấy nữa. Năm 1961-1962, Bộ Thủy lợi đã chỉ đạo cho tinh Ninh Bình đào đắp "*nắn thăng*" sông Hoàng Long từ Phú Mỹ (Gia Vượng) đến Hán Nam (Gia Tiên) để tiêu úng/lũ nhanh, "chặt đứt" khúc uốn cong của con Rồng nước không lồ này. Đại Hoàng - Con sông gắn với bao huyền thoại của Đề Bộ Linh thuở sinh thời với hàm nghĩa "Vua Lớn", nơi phát tích nên vị Hoàng đế anh hùng Đại Thắng Minh - người khai sáng ra triều đại nhà Đề về vang trong lịch sử - mà dấu vết còn lại đến nay chỉ là khúc sông "*nội đồng*" nông, nhô, nằm buồn giữa cánh đồng chiêm của các xã Gia Trung, Gia Vượng, Gia Phương, Gia Thắng và Gia Tiên, huyện Gia Viễn. Sông Đại Hoàng cõ ngày nay không còn nữa. Khúc "*uốn cong*" của "*Con Rồng nước*" Đại Hoàng, vẻ đẹp trời cho và thê "*phong thuỷ thiên sinh*" của Báu Đề - Bồ Đề xưa kia đã khác xa ngày nay rất nhiều. Dân gian cho rằng "*long mạch*" Đại Hoàng bị "*đứt - nghẽn*" từ đó! Ngày nay, con sông chảy từ Ngã Ba Kênh Gà được "*nắn thăng*" từ Phú Mỹ (xã Gia Vượng) đến trạm bơm xã Gia Tiên dài gần 6 km chảy

thẳng ra sông Day ở Gián Khẩu được gọi là sông Hoàng Long. Sông Hoàng Long có chỉ là khúc sông từ Diêm Xá xưa (nay là xã Gia Tiên) đến Gián Khẩu, gắn với huyền tích Rồng vàng nổi lên cứu Đinh Bộ Lĩnh qua sông ở đoạn núi Cẩm Guom (xã Gia Tiên, huyện Gia Viễn). Nay sông Hoàng Long là con sông từ ngã ba Đồng Đinh (xã Thuợng Hòa, huyện Nho Quan) đến Gián Khẩu (xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn).

Núi đá, đồi đất chiếm hầu hết diện tích quanh vùng chân núi Báu Đính, ngoài một số ngọn độc sơn như núi Hàn Cay, Hàm Rồng, Hang Trai, núi Nhẫn, núi Làng Đồi, núi Lê, núi Thanh Lương, núi Khám... Núi đồi quanh núi Báu Đính tạo thành hai vòng cung chính:

Vòng cung phía Đông Bắc khởi đầu là núi Hàm Rồng, tiếp đến các núi Hàm Xà, Hàn Cay, Trai Sơn, Oàn/Ôn và núi Phường.

Vòng cung phía Tây Bắc khởi đầu là núi Lê, sát bờ sông Hoàng Long, như con Kỳ lân khổng lồ, tiếp đến các núi Khám, Ủ Bò, Thanh Lương, núi Thờ, Ba Chạc, núi Lê chạy dài vào đến núi Khoai và vùng đồi núi của các xã Sơn Lai, Quỳnh Lưu của huyện Nho Quan.

Cả hai vòng cung núi này đều chầu quy về phía núi Bồ Đinh và núi Kỳ Lân (xã Gia Vượng và Gia Phương, huyện Gia Viễn) - nơi sinh ra vua Đinh, gắn với truyền thuyết "*Má tang hàm rồng*" nói về việc Đinh Bộ Lĩnh đưa hài cốt của cha mình táng vào Hàm Rồng (xem huyền thoại "*Má tang Hàm Rồng*" ở phần sau).

Núi Báu Đính đứng ở vị trí đầu hai cánh cung núi này và cũng là án ngữ vòng cung sông Đại Hoàng. Đầu cánh phía Tây Bắc là núi Lê như một con kỳ lân. Đầu vòng cung Đông Bắc là núi Hầm Rồng (như đầu con rồng không lồ, phù phục bên bờ sông Hoàng Long). Thuyết phong thủy cổ gọi đây là thế đất *Rồng chầu, Lâm phục*.

Phía Đông Nam núi Báu Đính là cả hòn núi trùng điệp từ núi Tru Sơn (núi Con Lợn, cao 208 m) đến núi Án Mã, núi Thung Lang kéo đến Cửa Uy giáp Sơn Hà (huyện Nho Quan). Như vậy, phía trước núi Báu Đính là sông Hoàng Long. Phía sau, núi Báu Đính tựa lưng vào dãy trường thành sơn lũy, gọi là thế "*Tiền thủy hậu sơn*". Bên trái là sông Lê và vòng cung núi Tây Bắc, bên phải là vòng cung núi Đông Bắc. Núi Báu Đính nằm ở thế "*Tả Thành Long, hữu Bạch Hổ*", "*Tiền thủy hậu sơn*".

Núi Báu Đính nổi lên giữa vùng núi và đồi đất cao hơn những núi, đồi khác trong vùng nên thế núi dột kholi, vũng chăi, như *đáng một con long mã truy phong* về phía sông Dai Hoàng cổ, "*nghênh diên*" chầu về làng *Dai Hữu*, đất phát tích vua Đinh Tiên Hoàng và Tứ Trụ triều Đinh, cũng là chầu về *Diêm Dương/Giang*, đất sinh Thánh Nguyễn bên kia sông Hoàng Long: "*Dai Hữu sinh vương, Diêm Dương sinh Thánh*".

Các nhà địa lý còn cho rằng, núi Báu Đính tọa lạc trong vùng sông núi chầu quy theo phong thủy *cực kỳ quý*. Phía trước là sông Hoàng Long - Con sông được mệnh danh là

con Rồng Vàng "*Tam thu tú vĩ*" (Ba đầu bốn đuôi). Tam đầu đó là: sông Kiến Phong cổ (sông Bôi) từ Hòa Bình đổ về. Sông Lạng Phong từ Nho quan đổ xuống và sông sông Lê đổ vào, ba con sông lớn này hợp lưu tạo thành sông Hoàng Long. "*Bốn đuôi*" đó là: Khi sông Hoàng Long chảy xuôi về Đông, đến Trường Yên (cố đô Hoa Lư), tạo nên "*nhi vĩ*" (hai đuôi); sông São Khê (Trường Yên), sông Tranh (chảy qua Ninh Hòa, huyện Hoa Lư; Ninh Nhất, Ninh Tiến (thành phố Ninh Bình). Ra Gián Khâu, trước khi hợp lưu với sông Đáy, sông Hoàng Long tự "*phân thân*" thành "*nhi vĩ*" nứa đê "*phún thuy*" (nhà nước) vào sông Đáy, tạo thành "*tứ vĩ*". Cách đây khoảng hai chục năm, đê "*thuận tiện cho giao thông trên quốc lộ I*", dỡ phai bắc một cây cầu", người ta phá bỏ cây cầu cũ, chặn lắp di một dòng đê làm đường, chỉ còn lại dòng lớn hơn đổ vào sông Đáy. Cho nên, có người ngờ là con Rồng Vàng này chỉ có "*tam thu tam vĩ*". Con sông mang tên "Rồng Vàng" với bao huyền tích ly kỳ từ ngàn năm nay cũng có cuộc đời thật thăng trầm như một đời người vậy!

Như vậy, từ xưa, sông Hoàng Long - Con Rồng Vàng huyền tích có dù "*tam thu, tứ vĩ*" và một "*khúc quanh*" uốn lượn ôm lấy núi Bồ Đề-Dinh-Kỳ Lân, tạo nên "*long mạch*" đại quý để hai thế kỷ (X và XI) sinh ra bậc Đế Vương họ Dinh và Quốc Thánh họ Nguyễn, mà theo truyền thuyết thi các thầy địa lý Tàu thuở đó tôn bao công sức, vàng bạc cũng không có điểm phع tảng ma bố mình vào huyệt Vương - Thánh đó dược!

Nếu vi vòng cung núi đồi Đông Bắc, Tây Bắc núi Báu Đinh và vòng cung sông Đại Hoàng tạo thành hình bầu dục thi nửa hình bầu dục phía Đông Nam là núi đồi mà núi Báu Đinh là đỉnh, nửa bầu dục phía Tây Bắc là sông Đại Hoàng mà núi Bồ Đinh-Kỳ Lân là đỉnh. Núi Báu Đinh như một cái lọng lớn có núi Bồ Đinh-Kỳ Lân làm "*tiềm châm*", núi Tru Sơn - Long Ân là "*hậu bối*". Để dễ hình dung, xin mô hình hóa thể phong thuỷ của Báu Đinh như sau:



Báu Lĩnh là vùng bán sơn địa; Núi đá, đồi đất xen lẫn đồng trũng và đầm lầy, phía Tây nam là sông Lê, phía Tây Bắc là sông Hoàng Long, phía Đông Nam là dải núi Tru Sơn-Cửu Uy. Báu Lĩnh xưa kia là vùng đồi núi và rừng rậm, đến nay, trên núi đồi vẫn còn nhiều thảm thực vật, với

nhiều loại cây cối dày đặc và các thân leo rậm rạp như rừng. Còn nhiều núi giữ được dáng vẻ nguyên sơ, trong đó có núi Báu Đinh. Thực vật ở đây rất đa dạng, có nhiều gỗ quý như: Trai, sến, táo, ô dô, dò vang (cây này còn cho quả ăn rất ngon) mang, muồng, trắc, sura... núi Thờ làng Lương Sơn là rừng sura hàng ngàn cây. Rừng và núi đá không những cung cấp vật liệu xây dựng mà còn có nhiều loại được liệu, động, thực vật khác. Động vật ở đây rất phong phú: dưới sông, dưới đầm, hồ là tôm, cá, ba ba, rái cá... Trên núi là chồn, sóc, cầy hương, đòn, khỉ, sơn dương, trăn, rùa, rắn, ốc núi... Các cụ địa phương kể lại, vào những năm 50 và 60 của thế kỷ trước, vẫn còn hồ về làng bắt lợn. Khi xuống thung hàng đàn để bê ngô bắp của dân.

Chim chóc ở đây cũng có nhiều loại: họa mi, sáo, khướu, đa đa, bìm bìm, cu gáy, vàng anh, phượng hoàng đất (còn thấy xuất hiện ở vùng thung Uí và vùng núi giáp với Trường Yên), gà rừng, chèo bèo... Rau qua dù loại, một số đặc sản nay vẫn còn như rau sắng ở núi Thờ (Lương Sơn), dề ở núi Thanh Lương. Rêu đá hay còn gọi là sún đá thường có sau mưa, lấy về rửa sạch chần qua nước sôi, vắt khô trộn với vụn, rau thơm làm nộm. Trong hầu hết các thung lũng đều có rất nhiều cây rau răm, lá dùng để nuôi lợn, vỏ là nguyên liệu làm giấy.

2. Dấu tích Người Xưa

Theo các tài liệu khảo cổ được công bố gần đây thì vùng Báu Lĩnh xưa kia là địa bàn cư trú của người Việt cổ.

Tại núi Thung Bình (nay thuộc xóm 7, xã Gia Sinh) có 5 hang đá, mỗi hang diện tích từ 50- 70m², cửa hang cao từ 7- 9m so với mặt ruộng. Trên nền hang xuất lộ tầng văn hóa khảo cổ gồm vỏ nhuyễn thể nước ngọt (ốc núi, ốc suối, trùng trục...), vỏ nhuyễn thể nước mặn (ốc bù giác, hầu, sò huyết, ngao dầu...) cùng xương thú và công cụ được chế tác từ đá cuội. Đây là những di tích thuộc thời đá cũ, cách ngày nay trên dưới một vạn năm. Cách núi Thung Bình về phía Đông Nam khoảng 3km là thung lũng, nơi có hang Bụt, đã phát hiện di chỉ khảo cổ học thời Văn hóa Hòa Bình. Những di vật là vỏ nhuyễn thể biển cho thấy, cư dân văn hóa Hòa Bình ở đây đã tiếp xúc vai khai thác nguồn thức ăn biển (biển lúc đó còn vỗ sóng ở vùng Trường Yên, Hoa Lư cách khoảng 3-4km). Điều đáng chú ý là lớp trên của tầng văn hóa khảo cổ còn xuất lộ một số mảnh gốm thuộc thời đại kim khí, cách ngày nay từ 3000 đến 4000 năm.

Như vậy, cho đến nay, chúng ta đã có đủ bằng chứng về Người Việt cổ từ rừng nguyên sinh Cúc Phương tiến dần ra đồng bằng ven biển bằng những di chỉ khảo cổ học phát hiện từ động Người Xưa (Cúc Phương) đến núi Báu Dinh và gần đây là một số hang động Tràng An, Ninh Mỹ (Hoa Lư), mà vùng Báu Dinh - Tràng An là gạch nối của cuộc tiến ra đồng bằng ven biển của người Việt cổ trên đất Ninh Bình

Chương II

BÁI DÍNH NGÀN NĂM TÂM LINH

I. NGUYỄN MINH KHÔNG (1066 - 1141), QUỐC SƯ TRIỀU LÝ - ÔNG TÔ KHAI SINH RA SINH DUỢC VÀ BÁI DÍNH CÓ TỰ TRÊN ĐỈNH NÚI

Vào thời nhà Lý, ở thôn Diêm Dương/Giang (nay thuộc xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình), có ông Nguyễn Sùng, kết duyên cùng bà Dương Thị Mỹ, quê ở Phá Lại, phủ Từ Sơn (Bắc Ninh). Gia cảnh hai vợ chồng Sùng công rất nghèo, nhưng luôn luôn chăm lo làm việc thiện. Ngày 14 tháng 9 năm Bính Ngọ (1066) thời vua Lý Thánh Tông, hai ông bà sinh hạ được một người con trai khôi ngô, tuấn tú, đặt tên là Nguyễn Chí Thành. Cha mẹ chẳng may mắt sớm, Nguyễn Chí Thành mò cua, bắt cá, sinh sống qua ngày, lại kết nghĩa anh em với Từ Đạo Hạnh (? - 1115) và Nguyễn Giác Hải là hai vị chân sư có uy tín đương thời. Khi tu hành đắc đạo, Nguyễn Chí Thành trở về quê nhà dựng chùa viên Quang, sau đó lại sang quê mẹ ở Phá Lại (Hải Dương) và Giao Thủy (Nam Định), Vũ Thư (Thái Bình) dựng chùa, tu hành, lấy vị hiệu là Minh Không.

Nguyễn Minh Không là một nhà sư tài danh lẫy lừng lúc bấy giờ. Ông đã được coi là Thần y chữa bệnh “hóa hổ” cho vua Lý Thần Tông (1128 - 1138). Bộ Đại Việt sử ký toàn thư chép “Khi sứ Đạo Hạnh sáp trút xác (để đầu thai làm vua Thần Tông), bèn đem thuốc vào thần chú giao cho học trò là Nguyễn Chí Thành, tức Minh Không và dặn rằng: 20 năm sau nếu thấy Quốc Vương bị bệnh nặng thì đến chữa ngay”. Quả nhiên, năm 1136, vua Thần Tông bị bệnh “hóa hổ”, thầy thuốc nào cũng bó tay, chỉ có sư Minh Không chữa khỏi, ông được phong làm Quốc Sư, được nhà vua cấp cho nhà ở và vài trăm hộ dân được miễn thuế má, sai dịch để phụng sự. Ngày nay, ở Hà Nội còn có phố Lý Quốc Sư và đền thờ ông.

Phải chăng ông là người Việt Nam đầu tiên áp dụng phương pháp chữa bệnh bằng thuốc Nam và châm cứu? Ông mất ngày 1 tháng 8 năm Tân Dậu, 1141. Hiện nay ở Diêm Xá (Gia Tiên, Gia Thắng, huyện Gia Viễn) và nhiều nơi trong nước có đền thờ ông. Ông còn được mệnh danh là ông tổ đúc đồng, người tạo nên “Tứ đại khí” nổi tiếng ở nước ta thời nhà Lý và Tháp Báo Thiên, chuông Quy Điển, tượng Phật Quỳnh Lâm và đình Phố Minh. Tương truyền, ông đã sang tận Trung Quốc để quyên góp đồng, đúc bốn vật báu đó. Những địa phương có nghề đúc đồng lâu đời như đình Ngũ Xá (Trúc Bạch, Hà Nội), chùa Tô Ông (Lò Đúc - Hà Nội), Yên Ninh (Ý Yên, Nam Định) đều thờ ông là Tổ Đúc Đồng.

Đức Thánh Nguyễn Minh Không là người đã đặt tên vườn thuốc của mình là “Sinh Dược” có nghĩa là “Vườn

*thuốc sống*¹¹ để chữa bệnh cho muôn dân và tên Thạch Am (Am đá), tên Báu Ðinh Sơn (Lễ bái trên đỉnh núi cao), Báu Lĩnh Sơn. Nhiều địa danh khác trong vùng Báu Ðinh và các vùng phụ cận đều do Thánh Nguyễn đặt. Thí dụ hang đá nhốt hổ trị kẽ có tội ở kinh thành Hoa Lư ông đền lập am lê Phật và đổi thành Am Tiên. Chùa ở quê nhà Diêm Giang nơi ông lập để tu hành đặt là Viên Quang Tự (chùa Vườn Sáng). Những tên núi Hầm Rồng, Hầm Xà, Hòn Cay, Tru Sơn, Áng Nòi... quanh vùng Báu Ðinh đều là những địa danh do ông đặt cả.

Đức Thánh Nguyễn đã được nhân dân địa phương đúc tượng, lập ban thờ trên núi Báu Ðinh, nơi thuở sinh thời ông lập am thờ Phật và tu hành. Nói đến Báu Ðinh Sơn, đèn khu tâm linh có ngôi chùa lớn nhất Việt Nam, hiện có 4 kỷ lục ghi net Việt Nam này, không thể không nói tới đức Thánh Nguyễn - Người lập ngôi chùa cổ Thạch Am trên động núi Báu Ðinh và tu hành, trồng cây vườn Sinh Dược và bốc thuốc chữa bệnh cho nhân dân hơn 900 năm trước, người còn để dày đặc các huyền thoại, huyền tích ở khu vực Báu Ðinh Sơn và các vùng phụ cận. Như vậy, đức Thánh Nguyễn là nhà tu hành theo đạo Phật nhưng không chỉ “tu thân” khổ hạnh, tu cầu cho chúng sinh thoát cảnh lầm than đổi khổ, mà hơn thế nữa, ông đã *trực tiếp bốc thuốc chữa bệnh, cứu chúng sinh*. Sự nghiệp tu hành của ông gắn liền với “độ thế” chứ không “Yém thế”, quay

11. Sinh Dược: thuốc sống, có nghĩa là vườn thuốc tự nhiên, đối lập với loại thuốc đã bào chế, sao tẩm. Ở đây nghĩa là vườn thuốc do Thánh Nguyễn chăm trồng tươi tốt.

lung lai với cõi đời đầy nước mắt. Tính nhân văn cao cả của đức Thánh Nguyễn còn để lại tiếng thơm muôn thuở không chỉ ở động Thạch Am thờ Phật mà gắn chặt với địa danh “Sinh lược” - vườn thuốc sống sưu vót nhân寰 thoát bệnh hiêm nghèo. Và chúng ta không chỉ biết đến một đức Thánh Nguyễn tài giỏi, có pháp thuật “Lực tri thần thông” học ở Tây Trúc, hô phong hoán vũ, rút đất thông công, chữa bệnh hiêm nghèo cho đức vua nhà Lý, tác giả của “An Nam tứ đại khí”, mà còn là Thầy thuốc của nhân dân, là một nhà thơ với chi hai bài thơ Đường tuyệt hay còn để lại cho đời.

Nguyễn Minh Không - nhà thơ thời Lý

Lâu nay người ta cứ hay lầm lẫn giữa Dương Không Lộ (? - 1119) với Nguyễn Minh Không (1066 - 1141), cùng là thiền sư Lý triều. Hành trạng của hai ông có nhiều điểm giống nhau nên dễ gây cho nhân gian nhầm lẫn, tuy hai ông khác quê, sống khác thời. Bởi thế, có hai bài thơ “Ngôn hoài” và “Ngư nhàn” người ta cho là của Dương Không Lộ. Sau khi nghiên cứu kỹ hành trạng của hai vị đại quốc sư này, đổi chiều với hoàn cảnh ra đời và căn cứ vào không gian, phong cảnh để cập trong hai bài thơ, nhất là bài “Ngôn hoài”, chúng tôi cho rằng, đây là hai bài thơ của Thánh Nguyễn Minh Không làm khi ngài đang trụ trì ở chùa Báu Đinh và sinh thời thường hay dăng đó, đánh cá trên sông Hoàng Long. Sư Dương Không Lộ quê ở Giao Thủy (Nam Định) thi không thấy sách nào chép ngài sinh sống và chài lưới ở vùng núi non như vùng Báu Đinh và Hoàng Long ca. Tuy nhiên, đây mới là nhận định bước

dầu của chúng tôi. Vẫn dè cần tiếp tục được thảm cứu và trao đổi. Chúng tôi xin chép hai bài thơ lâu nay cho là của Không Lộ thiền sư, nhưng chúng tôi có nhiều cẩn cứ dè lý giải đây là hai bài thơ của Minh Không thiền sư họ Nguyễn, người Diêm Giang/Dương (Gia Viễn, Ninh Bình) để độc giả thường lầm:

言懷

擇得龍蛇地可居
野情終日樂無餘
有時直上孤峰頂
長嘯一聲寒太虛

Ngôn hoài

*Trạch đặc long xà địa khả cư
Dã tình chung nhát lạc vô dư
Hữu thì trực thương cô phong đinh
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.*

(Minh Không thiền sư)

Dịch thơ:

Tô lòng

Lụa nơi rồng rắn đất ưu người
Cà buối tình quê những mang vui
Có lúc thăng lên đầu núi thăm
Một hơi sáo miệng lạnh bầu trời.

(Bản dịch của Ngô Tất Tố)

漁 閑

萬里青江萬里天
一村桑柘一村煙
漁翁睡著無人喚
過午醒來雪滿船

Ngư nhàn

Vạn lý thanh giang vạn lý thiên
Nhất thôn tang già nhất thôn yên
Ngư ông thuy trước vô nhân hoán
Quá ngọ tinh lai tuyết mǎn thuyền.

(Minh Không thiền sư)

Dịch thơ:

Cảnh nhàn của ông chài

*Sông trong trời biếc muôn trùng
Một thôn dẫu lúa, một vùng khói mây
Ông chài ngủ chảng ai lay
Quá trưa tinh giác, tuyết bay đầy thuyền..*

(Ban dịch của Nguyễn Nguyên)

Bài thơ mang đậm chất thiền. Mảnh đất “long xà” mà tác giả đề cập đến trong bài thơ “Ngôn hoài” chính là nói đến vùng đất Sinh Dược, có núi Bài Dinh, nơi ông tu hành trên đỉnh núi (*Hữu thì trực thượng có phong đình - Có hic thẳng lên đầu núi thăm - chính là Dinh Sơn = đỉnh núi - núi có động Thạch Am thờ Phật của ông*) và mảnh đất có núi *Hàm Rồng*, núi *Hàm Xà* “Trạch đắc long xà địa kha cù” (chọn được đất rắn rồng để ở) là *vườn Sinh Dược* của ông bên sông Hoàng Long, nay vẫn còn. Những địa danh này gắn liền với những huyền thoại, huyền tích thời sinh thời Nguyễn Minh Không dăng đó, cá tép, rồi lập am tu Phật nơi đây.

Bản thân Nguyễn Minh Không, một nhân vật địa phương được thần thánh hóa có những pháp luật phi thường (Đạo giáo) thường được dân gian gọi là Ông Không Lỗi; rồi đi thỉnh kinh tu Phật được thụ phong Quốc sư (Phật giáo) là biểu tượng cao nhất của sự hòa đồng và dung nhập giữa tín ngưỡng Phật và Lão. *Nết về không gian*

thờ cùng thì *Bái Đính cõi tự* là biểu tượng cao nhất, tập trung và rực rỡ nhất của sự dung nhập này về tôn giáo và tín ngưỡng của nhân dân trong vòng gần một ngàn năm nay.

Kinh thành Hoa Lư nằm giữa ba mặt là núi đá hiểm trở, như thành lũy vô cùng kiên cố, một mặt là sông Hoàng Long như một chiến hào không lồ. Phía Tây Nam có núi *Bái Đinh* như con *Long Mã truy phong*, là chốt mộc giữ cửa phía Tây và án ngữ đường thương đạo. Phía Đông Bắc có núi *Thiên Tôn* như con *Sư tu phủ phục*, là chốt mộc giữ cửa phía Bắc và án ngữ đường Thiên lý Bắc Nam, đường bộ giao thông huyết mạch chính vào các tỉnh Thanh - Nghệ. Núi *Bái Đinh* thờ Phật. Núi *Thiên Tôn* thờ Thần. Cả hai núi đều là *Son Linh tráng khi* ở hai cửa Đông - Tây của kinh thành Hoa Lư xưa.

II. BÁI ĐÍNH CÕI TỰ (拜頂古寺) : MINH ĐÍNH DANH LAM (銘鼎名藍) ĐỘNG PHẬT, ĐỘNG THÁNH, ĐỘNG TIÊN TRÊN ĐỈNH BÁI ĐÍNH SON

1. Lỗ Lùng - Giếng Ngọc

Trước chân núi *Bái Đinh*, ngay sát đường lên ngôi chùa cổ trên núi, có một giếng nước lớn. Dân gian gọi đây là *Lỗ Lùng Ô Gà*. Ngày nay có mỹ danh là *Giếng Ngọc*.

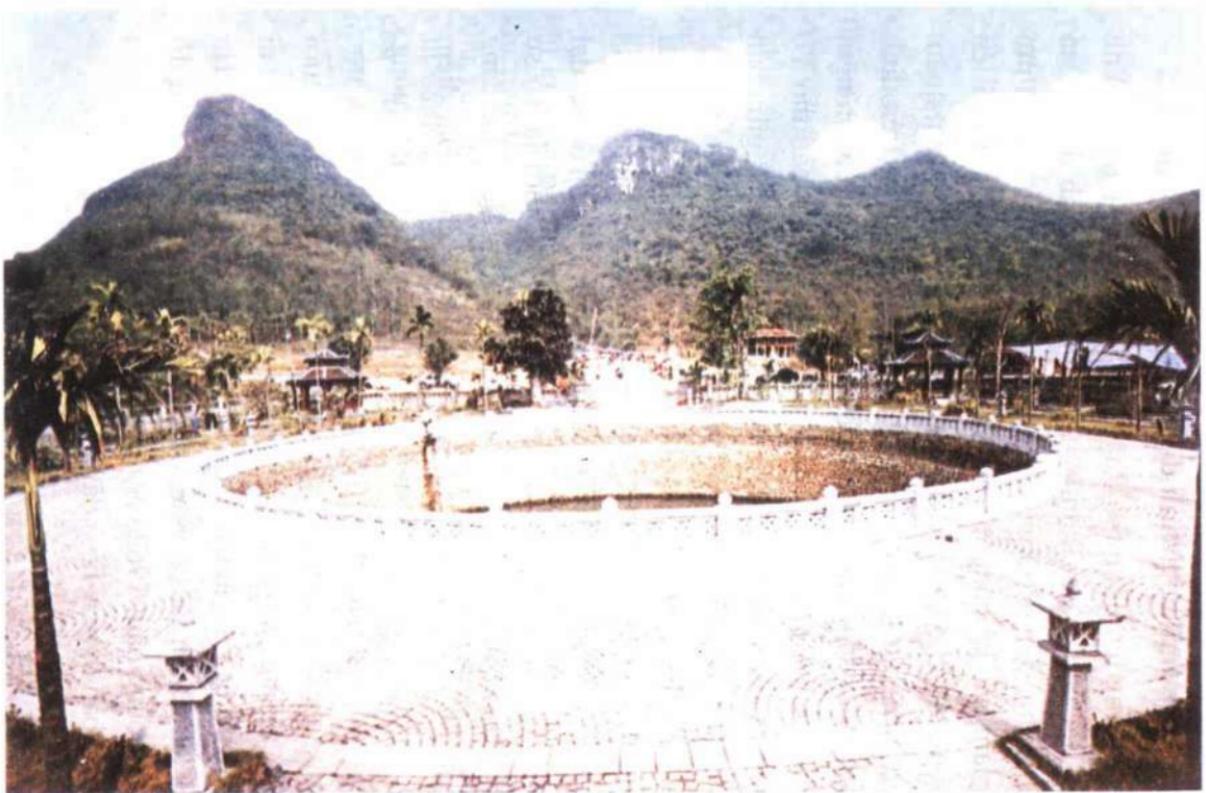
Các cụ địa phương kể rằng, xưa kia, trước khi lên chùa lễ Phật, lễ Tiên, người ta phải trai giới và tắm gội sạch sẽ ở giếng này.



Đại Thanh Nguyễn Minh Không (1066 - 1141), Quốc sư nhà Lý,
người khai sinh ra "Bàn Đinh cò tý" trên đỉnh núi Bàn Đinh
Tượng đồng nguyên khối, mạ vàng, đặt ở đền "Lý triều Quốc sư"
trên đỉnh núi Bàn Đinh.

Tương truyền, đây là giếng nước thuở sinh thời đức Thánh Nguyễn đào để lấy nước thổi cơm, nấu nước, đồ xôi cúng Phật và cũng lấy nước ở đây sắc thuốc chữa bệnh cho chúng sinh. Ông gọi là *Lỗ Lùng Ở Gà*. Từ Lỗ Lùng này chảy thành dòng đến *Lỗ Lùng Quai Vạc* (thôn Định Sơn, Gia Sinh), lên Lỗ Lươn (thôn Định Chàng, Sơn Lai, huyện Nho Quan) là mạch "*tiêu long*", nước không bao giờ cạn. Nước từ các khe núi Báu Dinh chảy xuống, lọc qua khe đá, rễ cây rừng, qua mạch nước ngầm nên trong suốt, ngọt như nước mưa, tụ lại Lỗ Lùng. Nước Lỗ Lùng không bao giờ cạn, ngay cả những năm đại hạn. Mặc dù, Lỗ Lùng ở chân núi có độ cao hơn hẳn các vùng đất xung quanh từ 5 đến 7 mét. Người ta gọi đây là "*Mắt Rồng*" - điểm lột thiền của long mạch Báu Dinh.

Giếng nằm trong khuôn viên rộng 6000m², 4 góc được xây 4 lầu bát giác. Giếng xây thành hình tròn giữa khuôn viên vuông theo quan niệm triết học cổ "*Trời tròn đất vuông*". Đường kính giếng rộng 30m, nước trong suốt, thường xuyên có chiều sâu nước từ 5 - 6m. Miệng giếng được làm lan can bằng đá tiện bao quanh, làm tôn vê đẹp và cổ kính của giếng. Đường đi xung quanh giếng được lát đá rộng, thoang. Mùa hè nước bốc hơi mát, mùa đông tóe hơi ấm áp. Mật giếng có hòn bao phủ mặn sương khói trong huyền ảo lạ lùng. Giếng Ngọc là công trình được Trung tâm sách Kỷ lục Việt Nam (Viet Nam Records book center) cấp bằng xác nhận ngày 12-12-2007: "*Ngôi chùa có giếng lớn nhất Việt Nam*".



C_IMG_Ngoc_dinh_dien_tren_nui_Bai_Dinh_duoc_Trung_tam_sach_Ky_Luc_Viet_Nam_cap_bang_xac_nhan_“Ngoi_chua_cot_gieng_lon_nhat_Viet_Nam”

2. Đường lên “Minh đinh danh lam”

Đường lên động thờ Phật, thờ Thần, thờ Tiên trên đỉnh núi Báu Đinh được làm bằng 265 bậc đá xanh đặc chạm công phu, đẹp đẽ. Xưa kia, người ta chỉ lợi dụng sườn núi để làm bậc kê bằng các phiến đá thô ráp tự nhiên nên lên xuống hơi khó khăn. Bước lên 135 bậc đã là tới Tam quan. Tam quan được xây đẹp đẽ, hai mặt trong ngoài trên đỉnh Tam quan đẽ 4 chữ “*Minh đinh danh lam*”. Leo lên ngót 43 bậc đá nữa, rẽ tay phải hơn 30 mét là đến bàn thờ Tô được kiến lập từ một mài đá núi tự nhiên. Chính giữa bàn thờ đặt tượng *Bồ Đề Đạt Ma* (Bodhisharma) mặc áo đỏ, ngồi tọa thiền. Đây là vị sư Ấn Độ, khoảng năm 520, Ngài theo thuyền vượt biển đến Trung Quốc, tu hành ở chùa Thiếu Lâm trên núi Tung Sơn, trở thành Đông Tô lịch đại Thiền Tông thứ nhất của Trung Hoa, đồng thời là Tổ sư của Thiếu Lâm võ thuật. Tượng ngài thường được tạc dáng ngồi, đặt ở ban thờ Tô (hậu đường) của các chùa. Đặc điểm nhân chúng Ấn Độ của ngài rất dễ nhận biết: Mặt vuông, mũi cao, râu quai nón, ria-râu cằm rậm, có khi mặt được sơn xanh. Bên cạnh tượng Tô Đạt Ma là tượng sư Tô người Việt, không rõ danh tính, mặt vuông, quắc thước. Cá hai pho tượng này nguyên trước đây thờ ở chùa Đà A/Hà của làng Sinh Dược. Sau khi chùa Đà A/Hà bị hỏng và dỡ bỏ, khoảng năm 1962, sư trụ trì trên chùa Báu Đinh chuyển về lập ban thờ sư Tô ở đây.

2. Động thờ Phật.

Từ bàn thờ Tổ Đạt Ma đi lên khoảng 77 bậc đá, rẽ về bên phải 21 bậc đá là đền cừa động hang Sáng - Minh định danh lâm trên đỉnh núi. Cửa động quay hướng chính Bắc, cao hơn 2m. trên có khắc 4 chữ Hán "Minh định danh lâm".

Động Sáng dài khoảng 25m, rộng 15m, trần và nền động đều bằng phẳng. Trong động thờ Phật nên người dân địa phương gọi là *Động Phật* hay *Chùa Hang* và có **Thạch Am** (石庵) (Am đá) thờ đức Thánh Nguyễn Minh Không, Quốc sư triều Lý. Nhưng nay người ta không thờ đức Thánh Nguyễn trong hang Thạch Am nữa, năm 2007 đã làm riêng nhà thờ Ngài ngay giữa vòng cung tay ngai của núi Báu Đính, lối sang giữa hang Sáng và hang Tối.

Tương truyền, vua Lê Thánh Tông (1460 - 1496), một lần kinh lý phương Nam về qua vùng đất Ninh Bình, sau khi ngự lâm phong cảnh núi Non Nước (Dực Thúy Sơn), nhà vua lên ngự lâm phong cảnh Báu Đính Sơn. Khi lên vân cảnh chùa trên đỉnh Báu Đính, nhà vua đề tặng bốn chữ "Minh định danh lâm" (銘鼎名藍) và một bài thơ tú tuyệt chữ Hán như sau:

銘鼎名藍

頂山獨占一名高
保障皇都自昔朝
人傑地靈鐘旺氣
玄山美麗壯金甌

Phiên âm chữ Hán:

Minh đinh danh lam

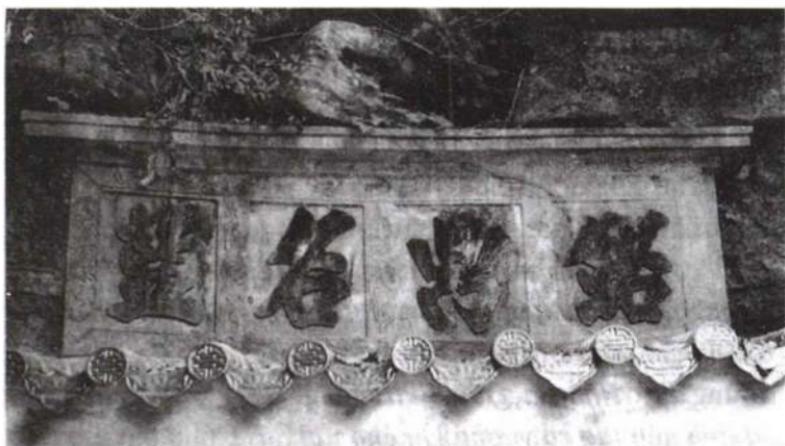
*Dinh Sơn độc chiếm nhất danh cao
Bảo chướng Hoàng đô tự tích trào/triều
Nhân kiệt địa linh chung vượng khí
Huyền sơn mỹ lệ trắng kim âu.*

Dịch thơ:

*Dinh Sơn danh tiếng thực cao xa,
Che chư kinh thành tự thuở xưa.
Nhân kiệt, địa linh nên vượng khí.
Núi thiêng cảnh đẹp vững sơn hà.*

Bốn chữ “**Minh Đinh Danh Lam**” (銘鼎名藍) có nghĩa gì? Theo “Từ điển Hán - Việt: “**Minh**”¹ (銘) có nghĩa là 1 - “*Bài minh khắc trên đá, trên đồ đồng để ghi nhớ*”; 2 - “*Khắc chữ trên đồ vật để kỷ niệm*”. “**Dinh**”² (鼎) có nghĩa là: 1 - Cái vạc (3 chân 2 tai, như *Cửu đỉnh ở cố đô Huế* - TDT), 2 - *Ngôi vua/dé nghiệp*. “**Danh**”³ (名) có nghĩa là: 1-Tên, tên gọi (tên người), 2-Danh nghĩa. 3- Danh *tiếng/tiếng tăm*. “**Lam**”⁴ (藍) có nghĩa là: 1-Xanh da trời.

-
1. Từ điển Hán - Việt, NXB Khoa học, xã hội, Sđd, tr. 1022.
 2. Từ điển Hán Việt, Sđd, tr. 350.
 3. Từ điển Hán Việt, Sđd, tr. 1015.
 4. Từ điển Hán Việt, Sđd, tr. 863.



Đại tự "Minh Định Danh Lam" khắc nổi trên cửa động Thạch Am thờ Phật, bút tích của Thiên Nam Đồng Chu (Lê Thánh Tông)

2-Xanh chàm. Theo Hán - Việt từ điển của Thiều Chửu¹ giải nghĩa rõ hơn: “*Lam*” (藍) gọi tắt là “*Giả lam*”, tức là *nơi thờ Phật*. Tông hợp và phân tích các ý nghĩa được giải nghĩa trong các bộ từ điển trên, ta có thể thấy toát yếu ý nghĩa của bốn chữ “*Minh định danh lam*” có nghĩa *đây là ngôi chùa thờ Phật rất đẹp và có giá trị, xứng đáng được ghi vào minh văn khắc trên đình động để ai cũng biết, cũng ghi nhớ*.

Dựa vào bài thơ của Tuần phủ Ninh Bình Phao Định Hòe khắc trên tảng bia đá đặt ở cửa động Tối trên đỉnh núi Bài Đính có câu “*Bốn chữ đê Minh định danh lam Ay nét bút Thiên Nam Đồng Chu*”, ta có cơ sở cho rằng, bốn chữ “*Minh định*

1. Thiên Chửi, *Từ điển Hán - Việt*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 515.

danh lam" và bài thơ "*Minh đinh danh lam*" là của đức vua Lê Thánh Tông. Thiên Nam Động Chu còn cho chúng ta biết rằng, Bài Đinh Sơn đã "*Bao chướng Hoàng đế tư tích trào triều*" (*Che chở kinh thành tự thuở xưa*), có nghĩa là thế kỷ thứ X - triều đại Đinh và Tiền Lê - núi Bài Đinh là một cản cứ quân sự che chắn cửa ngõ phía Tây Kinh thành Hoa Lư, có giá trị như một *chốt mộc lợi hại án ngữ đường Thượng Đạo, con đường chiến lược vào các tỉnh Thanh - Nghệ và lên men nùi rìng phía Tây bắc lúc bấy giờ*. Và đây cũng là vùng đất "*Nhan kiệt, địa linh nên vượng khí*" (*Người giỏi đất linh nên tạo ra vượng khí cho nơi đây*), như bài thơ trên của đức Vua đứng đầu Hội Tao đàn thời Lê ngợi ca.

Chùa Hang thờ Phật do đức Nguyễn Minh Không lập ước vào khoảng từ năm 1096 đến năm 1106, cùng thời điểm hoặc trước sau một chút với việc lập chùa *Am Tiên* ở Cố đô Hoa Lư, trước thời điểm ông lập chùa *Viên Quang tự* ở Diêm Dương quê nhà. Đây là ngôi chùa ông lập trước khi gặp và kết nghĩa huynh đệ với sư Từ Đạo Hạnh và Giác Hải để sang Tây Trúc thỉnh kinh. Ông tu ở đây là tu tâm, niệm Phật là chính chứ gọi là lập chùa, nhưng chắc chắn còn khá đơn sơ. Thời nhà Lý, đạo Phật là quốc giáo, chùa được lập khắp nơi. Chuông và tượng Phật cũng được chế tác rõ rệt. Nhiều chùa có tượng Phật đẹp, chuông lớn. Chắc chùa Hang ở đây cũng có một số tượng Phật và các đồ tế tự thi mài gọi là chùa. Nhưng chúng ta biết rằng, đến thế kỷ XVI-XVII, nơi đây là địa bàn tranh chấp quyết liệt của các tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh với Mạc, là đại bản doanh quân sự nhà Mạc ở phía Tây Bắc đồng bằng

Bắc Bộ như một vị trí tiền tiêu ở phía Nam Kinh thành Thăng Long, sau trở thành địa bàn quân sự chiến lược của nhà Lê. Một khác, thời gian từ đầu thế kỷ XII, khi đức Thánh Nguyễn Lập chùa ở đây, vốn trong hang sâu, hơi nước của động đá vôi âm thấp, có tượng Phật thi 7-8 thế kỷ sau cũng không thể còn được, trừ đó là tượng bằng đồng hoặc bằng đá. Vì vậy, tượng Phật nếu bằng gỗ từ thời ông sáng lập chùa đến nay không còn. Các cụ cao niên địa phương cho biết, đã có thời, đức hòa thượng trụ trì chùa này đã cho đắp tượng Phật bằng đất, sau bị hỏng cá, lại cho làm bằng đá đẽ thờ, nhưng đến nay đều không còn thấy tượng đá đâu. Năm 2007 - 2008, người ta đúc Phật bằng đồng nguyên khối mạ vàng để thờ.

Trước cửa Chùa Hang đặt hai pho tượng Hộ Pháp Khuyển Thiện và Trừng Ác bằng đồng nguyên khối mới đúc. Ban thờ Phật được bài trí các tượng Phật theo cách bài trí thông thường ở các ngôi chùa cổ Việt ở miền Bắc: Trên cùng là 3 pho tượng Tam Thế: *Phật Quá Khứ* ngồi bên trái: Tay trái đặt trên đùi, tay phải giơ lên ngang ngực, các ngón khum vào lòng tay, ngón út giơ ra tụng niệm theo thế ân quyết. *Phật Hiện Tại* ngồi giữa: tọa thiền, hai tay dan chồng đặt trên đùi. *Phật Vô Lai* ngồi bên phải: Tay phải đẽ trên đùi, tay trái cầm viên ngọc, gọi là *nิêm ngọc* (*níem* = cầm). Hàng thứ hai: Tượng Thích Ca Mâu Ni cầm bông sen giơ cao ngang mày nên gọi là *Thich Ca niêm hoa sen*, tượng được đúc to và cao hơn các pho tượng khác trên bàn thờ. Hàng thứ ba: Phật Quan Âm Bồ Tát niêm hoa sen. Hai bên ban thờ Phật là hai ban thờ Thành Hiền

và Đức Ông. Tất cả các pho tượng đều được đúc bằng đồng nguyên khôi, mạ vàng. Các đồ tế tự cũng được đúc bằng đồng.

Dòng Phật không lớn, không cao, nhưng đẹp, các pho tượng đúc to, đẹp và đồ tế tự nữa, toàn bằng đồng mạ vàng óng. Chiêm ngưỡng Dòng Phật sáng sáng tối tối, hú hú thực thực, óng ánh, long lanh như một dòng Phật bằng vàng! Hương thơm của nhang khói, hương hoa rừng và gió mát trong lành nhẹ thoảng. Cảnh sắc vừa thiêng liêng vừa cao khiết đèn vô cùng!

4. Động thờ Thần Cao Sơn

Qua động thờ Phật, rẽ tay trái là động thờ thần Cao Sơn. Cửa động quay hướng Nam Đông Nam 145 độ, vách đá bên phải cửa động có khắc bia nói về việc tu sửa động thờ Thần vào thời Tự Đức. Nét chữ Hán khắc nồng, mờ, khó đọc. Tượng thần Cao Sơn bằng gỗ, sơn son thếp vàng, đội mũ cánh chuồn, hai tay cầm the lệnh bài chắp trước ngực dáng vẻ nghiêm cần, oai phong. Mặc dù tượng được đặt chỗ trũng hơn của lòng động, nhưng đâu Ngài vẫn chạm trần.

Thần Cao Sơn là ai?

Theo nghĩa ngũ chữ Hán, thần Cao Sơn là thần Núi cao. Nhưng vấn đề đặt ra ở đây là, thần Cao Sơn là Tân Viên Sơn Thánh hay Quý Minh Đại vương? hay chỉ là Thần núi chung chung?

Nguồn gốc thờ thần Cao Sơn xuất phát từ tín ngưỡng xa



Thiên Cao Sơn, tượng đồng nguyên khối mạ vàng thờ trong đền
“Cao Sơn Thiên Từ” trên đỉnh núi Bài Dinh

xưa trong dân gian là thờ *Thần núi*. Tin ngưỡng này không chỉ của người Việt mà nhiều dân tộc trên thế giới đều có như núi Ngũ Nhạc ở Trung Quốc, núi Olimpos ở Hy Lạp. Nhưng có khác là, *người Việt quan niệm thần núi là vị thần cụ thể, hiện hữu, thần cũng là con người trần tục như mọi con người*. Chính vì thế mà Thần/Thánh Cao Sơn được ghép cho một lý lịch cực kỳ phức tạp. Khắp nơi trên đất nước ta, chỗ nào có núi là hầu như có thờ Thần/Thánh Cao Sơn. Vì thế Thần/Thánh Cao Sơn là một hiện tượng chứng minh đạo Thánh của người Việt. Theo các nhà nghiên cứu văn hóa, Thánh Cao Sơn đã được xem là các vị sau đây:

- 1 - *Cao Sơn là con của Lạc Long Quân hoặc là Hùng Vương.*
- 2 - *Cao Sơn chính là Tân Viên* (gắn liền với chuyện Sơn Tinh và Thùy Tinh).
- 3 - *Cao Sơn là anh em với Tân Viên, cùng một cặp Cao Sơn - Quý Minh.* Quan niệm này khá rộng rãi. Thần phả ở Vô Giá (huyện Gia Viễn) ghi rõ: Tân Viên Sơn Thánh gồm ba vị: Tân Viên là anh cả. Hai em là Sùng Công hữu thiền thần Cao Sơn và Hiền Công tà thiền thần Quý Minh.
- 4 - *Cao Sơn cũng là Thánh Duồm* (Bắc Giang).
- 5 - *Cao Sơn là đức Thánh Cửu* (Thanh Hóa).
- 6 - *Cao Sơn có tên là Cao Hiên* (vốn là người Trung Quốc sang trú ở Nghệ An, thờ ở núi Bộc, Lương

Sơn, tỉnh Thanh Hóa, hiện ứng giúp Lê Lợi đánh giặc Minh).

7 - Cao Sơn là một Thần Y (thờ ở Chí Linh, Hải Dương)¹.

Sách Đại Nam nhất thống chí và "Ninh Bình toàn tinh địa chí khảo biên" đều chép: "Núi Bái Linh.. liền bên với sơn phận núi Chí Phong - Trường Yên trên đỉnh núi có đền thờ thần Cao Sơn"².

Qua nghiên cứu về các thần phả thờ Cao Sơn ở một số đền thờ Thần Cao Sơn khác ở Ninh Bình, chúng tôi nhận định, **Thần Cao Sơn được thờ ở núi Bái Dính là Tân Viên Sơn Thánh**, con rể vua Hùng Duệ Vương, là vị Thần được chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư* (ngoại kỵ) và *Việt điện u linh* với câu chuyện thần kỵ "*Chuyện Sơn Tinh và Thuỷ Tinh*". Ngài là vị Thành đã trở thành **Tứ bát tứ** trong tâm thức của người dân đất Việt. Điều này cũng phù hợp với ước mơ chế ngự và chiến thắng hụt hót của nhân dân Ninh Bình vùng "rốn lũ" của sông Hoàng Long từ ngàn xưa. Song cũng nên hiểu là, Thần Cao Sơn được thờ ở đây cũng là biểu tượng *Thần Núi Cao* oai linh của cả vùng Bái Linh Sơn, núi đồi bao la trùng điệp. Mặt khác, xem Thần tích Quý Minh Đại vương do Nguyễn Bình soạn, lưu ở đền thờ Thần Cao Sơn (thôn Lỗi Sơn, xã Gia Phong, huyện Gia Viễn) và đền Trung ở thôn Sinh Được

1 Vũ Ngọc Khanh: *Đạo tho Thanh ở Việt Nam*. NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2006, tr. 241 - 256.

2 Nguyễn Tu Mẫn: *Ninh Bình toàn tinh địa chí khảo biên*. Sđd, tr. 110.

(Gia Sinh), huyện Gia Viễn thì *Cao Sơn và Quý Minh* là anh em cùng *Tan Viên Sơn Thành*, đã về lập hành doanh ở vùng này để chống nhau với *Thực Phán* sau khi *Thực Phán* chiếm nước *Văn Lang* của *Hùng vương* thứ 18. Như vậy, Thần Cao Sơn thờ trên núi Báu Dinh được hiêu là Tân Viên Sơn Thành là càng có cơ sở. Nhất là pho tượng ngài thờ ở đây, *hai tay cầm lệnh bài trước ngực*, vua ban, dáng nghiêm cần, uy phong, được dân gian trong vùng truyền rằng đó là *lệnh bài* của vua *Hùng Duệ Vương* ban cho Ngài cầm quân về vùng *Báu Linh Sơn* cùng với *Sùng Công* hữu thiên thần *Cao Sơn* và *Hiên Công* tả thiên thần *Quý Minh* lập phòng tuyến chống lại *Thực Vương*. Như thế, tuy một mà hai, tuy ba lại là một ! Đó là biểu tượng tâm linh về một vị *Thánh* từ hất từ đây quyền năng có thể phù hộ độ trì cho nhân dân trong vùng chiến thắng “*kẻ thù hai chân và bốn chân*” để có cuộc sống thanh bình, ấm no, hạnh phúc. Chính vì thế, triều Đinh - Tiền Lê mới phụng thờ ngài trên đỉnh Báu Dinh làm “*trấn trạch*” phía Tây kinh đô Hoa Lư như truyền ngôn dân gian về “*Hoa Lư tứ trấn*”. Nhân đây cũng xin đề cập, ở Ninh Bình còn một nơi thờ rất độc đáo là đền Kê Thượng, Kê Hạ và Miếu Sơn ở tổng Dương Vũ cũ, nay là xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư, thờ cả Ba anh em Tân Viên Sơn Thành, Sùng Công hữu thiên thần Cao Sơn và Hiên Công tả thiên thần Quý Minh. Tại đây cũng thờ vua Hùng thứ 18 này. Một điện thờ mà thờ danh tính ba vị, phải chăng đó là ba vị Thánh mà dân gian thường gọi chung là *Cao Sơn* chứ không thể là một vị mà có ba tên được!



Phật Thích Ca Mâu Ni, tượng đồng nguyên khối mạ vàng tho trong
động Thạch Am cũ trên đỉnh núi Bầu Dinh.

Vào động thờ Phật và thờ Thần trên đỉnh núi Báu Đỉnh ta có cảm giác rặng, Tạo hóa xây nên động còn quá hẹp so với lòng tâm tụng của nhân thế! Khách lễ Phật, lễ thần chen chúc. May mà động thông hai cửa, gió nam thổi mạnh nên khói hương không gây ngột ngạt như những đèn phủ khác ta thường thấy trên các nẻo đường đi trẩy hội đầu xuân.

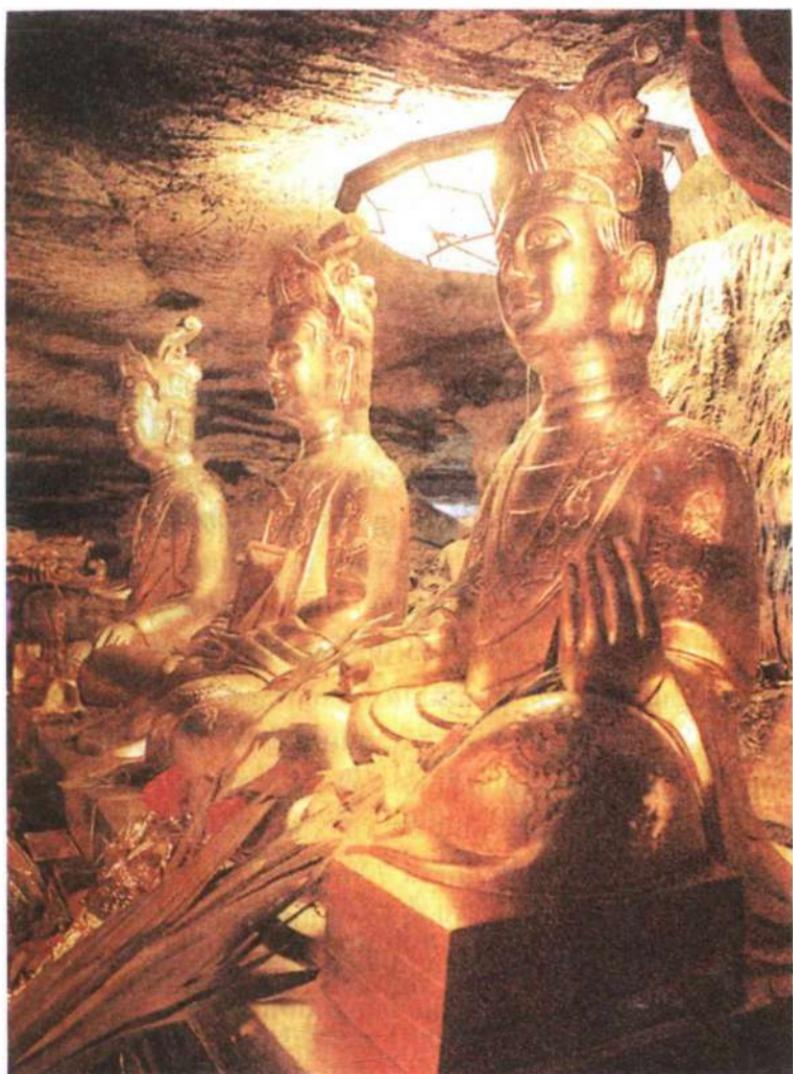
Từ cửa động thờ Thần Cao Sơn, đi xuống hơn 70 bậc đá phía thung Đền lại thấy một ngôi đền thờ thần Cao Sơn được xây cất áp lối lên xuống bên sườn núi, lộ thiên chứ không phải trong động. Đền mới được xây cất năm 2007 theo kiểu chữ “đinh”: Tiền bái 3 gian, hậu cung 2 gian dọc, kèo và xà đều bằng gỗ tứ thiết, theo kiểu chồng giường, không gác tường, dựng trên 12 cột gỗ tứ thiết, kê đá. Nguyên do là, khi đúc tượng thần Cao Sơn bằng đồng nguyên khôi, mạ vàng để định thay thế tượng ngài bằng gỗ trên động Sáng, nhưng khi đưa tượng đồng vào, pho tượng gỗ không thể nào di dời ra khỏi vị trí cũ được, mặc dù đã dùng công sức trai tráng và cá đòn bảy nứa! Ngài vẫn tọa an vững như bàn thạch, không hề nhúc nhích! Thế mới biết, đến bậc Thánh Thần, nơi Ngài ngự hàng trăm năm gắn bó, dù Ngài hiện thân chỉ là gỗ chứ không phải bằng kim loại quý, nhưng nhân gian đã thờ phụng Ngài trải qua bao khói lửa binh đao, phê hưng thời đại, vua chúa, tướng lĩnh đã đến bái谒 và thỉnh cầu Ngài, Ngài đã nhập tâm nhân thế, nay dù thế gian muốn đổi cho Ngài cái hình dong cao sang gấp bội (bằng đồng mạ vàng), chưa hẳn Ngài đã dễ dàng chấp nhận! Có người tự

vấn, chắc trước khi đúc tượng Ngài, người ta không làm lễ xin “*âm dương*” tâu vấn Ngài trước? Cái triết lý và tâm linh dân gian người Việt ta thật khó mà giải thích được bằng khoa học thời tân tiến! Trong tình thế tượng Ngài đã được đúc bằng đồng rồi, các nhà hảo tâm liền nghĩ cách dựng cho Ngài “ngôi nhà mới” hoàn toàn bằng gỗ lim khang trang, đẹp đẽ bên sườn núi và nghênh rước Ngài với hình dong hoàn toàn bằng đồng khồi vào đó như vừa nói ở trên. Trước ngôi đền mới, có biến đê đại tự “*Cao Sơn Thần Tử*” sơn son thếp vàng. Pho tượng đồng Ngài mới đúc cao tới 1.50m, lấy nguyên dáng và diện mạo theo pho tượng Ngài bằng gỗ thờ trong *động Sáng*, nhưng to lớn và đẹp hơn nhiều (vì bằng đồng mạ vàng óng ánh). Trong thần diện Ngài tươi tắn hơn pho tượng gỗ nhiều!

Kết hợp với việc khảo cứu địa thực và sưu tầm nhiều huyền thoại, truyền thuyết dân gian vùng này, nhất là xung quanh nhân vật đức Thánh Nguyễn, chúng tôi cho rằng, Thần Cao Sơn đã được thờ ở động núi Báu Định từ thời Đinh - Tiền Lê để “*trấn yểm*” cửa ngõ phía Tây Kinh thành Hoa Lư, (như đền thờ ở động Thiên Tôn (nay thuộc thị trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư thờ Thần Huyền Thiên Trần Vũ để trấn yểm cửa ngõ phía Bắc Kinh thành Hoa Lư). Đến thời nhà Lý, đức Thánh Nguyễn lập thêm bàn thờ Phật ở đây để tu hành theo mô tuyp thờ “*Tiền Phật hậu Thần Thánh*” thường thấy trong các ngôi chùa có thờ Phật ở Việt Nam.

5. Đền thờ Lý triều Quốc sư Nguyễn Minh Không

Từ động Sáng thờ Phật, rẽ tay trái, đi xuống dốc hơn 20 bậc đã thấy một ngôi nhà xây dựng theo kiểu nhà sàn đẹp đẽ, khang trang, quay hướng Nam Tây Nam 225 độ là đền thờ Thành Nguyễn Minh Không. Đền mới được xây dựng, tọa lạc trên sườn núi, giữa vòng “tay ngai” của núi Báu Đinh, nhìn xuống thôn Ô Gà (Sinh Được, xã Gia Sinh). Xa xa là xã Quỳnh Lưu và Sơn Lai (huyện Nho Quan). Hai bên tả hữu “tay ngai” là động thờ Phật - Cao Sơn và động thờ Mẫu. Đền kiến trúc 2 tầng. Tầng dưới xây dựng bằng chất liệu bê tông, cốt thép, kích thước: rộng 10.50m, sâu 15.80m, phía trước có hiên rộng 1.60m. Tầng trên kiến trúc hoàn toàn bằng gỗ từ thiết theo kiểu chữ “đinh”, chồng giường, tiền bầy hậu bầy, gồm 6 vỉ kèo. Các đầu bầy đều chạm trổ hoa lá. Nhà 5 gian 2 chái, tạo thành 4 mái, đều lợp ngói men ống màu nâu. Các mái dao có hình chim phượng chầu, đầu kim là hình rồng chầu. Dinh mái là “Luồng long triều nguyệt”. Gian Tiền đường dài 14.0m, rộng 4.70m, có 2 hàng cột song song, mỗi hàng 6 cột. Hậu cung có 2 cột. Các cột có kích thước bằng nhau: cao 3.20m, đường kính 0.40m. Điều đặc biệt là tường làm bằng gỗ từ thiết độc thông phong thượng song hy hạ ban. Các cánh cửa đều bằng gỗ lim. Hậu cung một gian đọc, trên cửa có bức đại tự chữ Hán “Lý triều quốc sư”. Tường Hậu cung dựng bằng gỗ từ thiết, giữa đặt tượng Thành Nguyễn Minh Không, cao 1.50m đúc bằng đồng nguyên khối, mạ vàng, trên một bệ đá. Tượng đúc theo



Tam Tứa Thành Mẫu
Tượng đồng nguyên khối mạ vàng thờ trong Động Tiên
trên đỉnh núi Bái Đính

mẫu tượng Thành Nguyễn thờ ở đền Lý Quốc Sư (phố Lý Quốc Sư, Hà Nội). Lan can đều toàn bằng đá chạm trổ kỳ công, đẹp đẽ.

6. Động thờ Tam tòa Thánh Mẫu.

Đối diện với động Sáng thờ Phật, là **động Tối** thờ *Tam tòa Thánh Mẫu*. Động Tối quay hướng Đông Đông Nam, cửa cao, rộng, có treo quả chuông đồng, nặng hơn 300kg, bên trong có nhiều "ngăn" hơn động Sáng: 7 động nhỏ thông nhau, có động ở trên cao, lại có động ở độ sâu đến 4-5m, có động nền bằng phẳng, có động trùng xuống như lồng chảo... Trần động có chỗ cao hơn chục mét. Bàn thờ Tam tòa Thánh Mẫu được bài trí ở ngăn động sáng hơn. Nhũ đá trong động Tối đua nhau rủ xuống tạo nên đủ các hình dáng tùy theo trí tưởng tượng của mỗi người. Nào là cá vượt vũ môn, rồng hút nước, cây tiền, cây bạc, cây thóc, bàn cờ Đế Thích, người cày ruộng, áo bèo, lợn ăn no tròn nằm ngủ... Lại có những nhũ đá rủ xuống giữa động như một cây cột lóng lánh gọi là "Nhất trụ kinh thiên" (một cột chống trời), gõ vào phát ra những âm thanh diệu kỳ như cây đàn đá nhiều cung điệu. Bàn thờ Mẫu được đặt tượng tam vị Thánh Mẫu bằng đồng, dát vàng. Pho tượng Mẫu ở giữa ngồi dạng Phật niêm thiền. Pho tượng bên trái: tay phải đặt trên đầu, ngửa lòng bàn tay, bàn tay trái úp trên đầu. Tượng bên phải có dáng ngồi ngược lại pho tượng trên trái.

Hàng thứ hai trên bàn thờ là tượng Ngũ vị Tôn Ông cùng băng đồng.

Phong tục thờ Mẫu của người Việt đã có từ lâu đời. Vẫn dè đặt ra là: Mẫu - nhân vật thờ ở đây là ai? Tam tòa là *Thiên phu*, *Địa phu*, *Thủy phu* là thiên thần hay Ba Bà nhân thần dạng thờ như Bà Mẫu Vực Võng, cách núi Bài Dinh không xa?

Qua nghiên cứu, chúng tôi thấy rằng, *Tam Tòa Thành Mẫu* ở đây không phải là Ba Ngôi Mẫu Thiên - Địa - Thủy phu hoặc Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoái và Mẫu Liễu Hạnh là Ba Ngôi như một số người lầm hiểu, mà là “Không không sắc sắc Tiên-Thần-Phật Hóa hóa sinh sinh nhất, nhị, tam” như lời một bài hát chầu Mẫu ở đây. Bài chầu này là nói về **Mẫu Liễu Hạnh công chúa** - con gái nhà Trời “tam sinh, tam hóa”: Ba lần xuống trần gian, ba lần được sắc phong: *Mã Hoàng Công Chúa*, *Chế Thủ* *Hoa Diệu Đại vương*, *Mẫu Nghi Thiên Hạ*. Ba tên chính: *Dệ nhị Tiên chúa Quỳnh nương*, *Giáng Tiên*, *Liễu Hạnh Công chúa*. Tiên chúa mang theo *Quê Nương*, *Thị Nương* hiên Thánh ở Phố Cát (Thạch Thành, Thanh Hóa) là Ba Ngôi. Bài hát chầu Thánh Mẫu ở đây có câu: “Khăng khăng giữ số Tam tòa/ Ngày ngày chầu Chúa Liễu Hoa cầm quyền” là hát vân chầu Quê Nương.

Như vậy, *Tam tòa* chỉ là khái niệm “Ba ngôi” triều tượng như: Thánh ba ngôi, Phật Tam thế, Tam bao, đạo Tam phu, để diễn tả cái cù thê là Mẫu nghi thiên hạ - vừa là

Thánh, vừa là Nhân. Vừa là Tiên Thiên Thánh Mẫu lại vừa là người Mẹ, người vợ, người con phàm tục trần gian - Mẫu Liễu Hạnh Công chúa - Tam sinh tam hóa đã được nhà nước phong kiến sắc phong "*Mẫu nghi thiên hạ*" như trên đã trình bày. Quả chuông lớn treo trước cửa động đúc nổi bốn chữ Hán "*Mẫu nghi thiên hạ*" cũng ngầm giới thiệu nhân vật thờ ở đây là Mẫu Liễu Hạnh Công chúa.

Nước ta, thời Hậu Lê, vào nửa cuối thế kỷ XVI, thời kỳ Mẫu Liễu giáng trần với cái tên được cha mẹ đặt cho là *Giáng Tiên*, thì Đạo giáo phát triển rất mạnh mẽ. Triết học của Lão Tử trở thành mô hình hữu thức. Đạo Đức Kinh viết: "*Vô danh thiên địa chi thiỷ/ Hữu danh vạn vật chi mẫu*". (*Cái không có tên là cái có trước Trời-Đất/ Cái có tên là cái làm Mẹ muôn loài*). Mẫu Liễu Hạnh với ba ngôi, ba cái tên, ba lần phong sắc, ba sinh ba hóa là cái *hữu thức* nên là *Mẹ muôn loài*, là *Mẫu nghi thiên hạ* (Bậc mẫu (mẹ) để thiên hạ phải noi theo, phải kính cẩn).

Kết hợp với nghiên cứu việc sắp đặt thờ tự, văn châu, hòm bóng và những yếu tố liên quan khác như sắc phục tượng thờ áo đỏ, áo xanh, áo trắng thường thấy trong điện thờ Mẫu Liễu ở Phú Giày, đèn Dâu (Tam Diệp), đèn Sông (Thanh Hóa), (bao giờ tượng ngồi giữa cũng có sắc phục đó, hai bên là trắng và xanh) đèn phong tục thờ cũng ở Động Mẫu trên đỉnh núi Bái Dinh, chúng tôi kết luận, **động Tối thờ Mẫu Liễu Hạnh Công Chúa**. Điều này cũng phù hợp với tuyên thờ Mẫu Liễu lân cận như Đồi Ngang (Phú Long, Nho Quan) và Phố

Cát (Thạch Thành, Thanh Hóa) trên trực đường Thượng đạo xưa. Nhân đây cũng xin được nói thêm là, Mẫu Liễu Hạnh hiện thế ba lần với đầy quyền năng, biến hóa, nhưng tuyệt nhiên Mẫu không phải là “*lực lượng sáng tạo muôn loài*”, không phải là “*lực lượng cai quản trời, chư mợi vòng quay thời gian và thời tiết khi hậu theo mùa*” - như đã có sách viết làm như vậy!

Khác với động Sáng thờ Phật và thờ Thần Cao Sơn được lập lên thờ tự ít nhất từ thời Thánh Nguyễn (Thế kỷ XII), động thờ Mẫu Liễu Hạnh ở động Tối được lập lên chưa lâu. Ta biết rằng, Mẫu Liễu giáng sinh xuống trần vào nửa cuối thế kỷ XVI, hiện linh thế kỷ XVII và đặc biệt được triều đình phong kiến nhà Lê trung hưng (thế kỷ XVIII), nhà Nguyễn và nhân dân tôn thờ rộng rãi từ thế kỷ XIX với sắc phong và sự tôn vinh cao nhất “*Mẫu nghi thiên hạ*”. Bằng các nguồn tư liệu diền dã thu thập được, chúng tôi cho rằng: Mẫu được tôn thờ ở đây chỉ vào khoảng những năm 30 của thế kỷ XX mà thôi. Điều đó cũng phù hợp với chuyện nhân dân địa phương ở đây kể có một người tiêu phu kiêm cui tinh cờ phá đồng mỗi không lồ thấy xuất lộ *của động*. Dân gian thấy động tối (âm), và cũng là đối lập với động Sáng (đương), nên gọi là động Tối, để có dương, có âm theo quan niệm triết học cõi “*âm dương khai thái*”. Sau này người ta thấy, đỉnh núi đã có động thờ Phật, thờ Thần (đương) rồi thì lập động thờ Mẫu/Tiên (âm) cũng là theo thuyết âm dương và hoàn chỉnh tin ngưỡng đa thần của người Việt, đặc biệt là phong

tục thờ Phật-Thần-Tiên. Chính đạo Mẫu mới là đạo và tín ngưỡng ban địa của người Việt.

Có thêm động thờ Tiên, đình núi Thiêng thêm một nhân vật thờ mới, một tín ngưỡng dân gian mà nhân dân ta vô cùng sùng vọng, tạo thêm không gian linh thiêng, hoàn hảo, giao hòa đạo Phật-Thần-Tiên trên đỉnh non thiêng! Tạo nên không gian đại diển xướng lễ bái "*Không không sắc sắc Tiên-Thần-Phật*" mỗi dịp hội lễ trên Minh đình đam lam!

Bên cạnh ban thờ Mẫu mà các tượng Mẫu đều bằng đồng như nêu trên là ngăn động tối hơn, phía bên trong lại chia ra hai ngăn nhỏ. Bên trái, chính giữa thờ Phật, có 3 hàng tượng Phật, trong đó có pho tượng Thích Ca và pho tượng Thích ca sơ sinh (tượng Cửu Long). Bên trái lại thờ Tam tòa Thánh Mẫu, tất cả mặc áo hồng. Vị giữ từ ở đây cho biết, tất cả số tượng này là tượng cũ của động Tối (tượng mới đúc bằng đồng thay cho số tượng cũ dồn vào ban thờ này) và tượng của các chùa Đà Ha, chùa Chợ, chùa Lê của Sinh Được chuyển về thờ ở đây. Ngăn động liền bên phải thờ công đồng.

Trong động Tối còn có lối "*lên trời*" và đường xuống "*âm phủ*". Lối "*lên trời*" của động nhỏ, lộ thiên thẳng lên tận đỉnh núi, tới cột cờ. Đường "*xuống âm phủ*" trong sâu thăm thẳm, càng đi xuống, càng nhỏ dần, trần động càng cao, nhiều ngóc ngách, sâu khoáng vài ba chục thước. Lại có lối xuống Ao Tiên, nước thánh thót trần hang ro quanh năm nên Ao Tiên không bao giờ cạn nước, nhũ đá dù mọi

hình thù kỳ dị, long lanh soi bóng xuống mặt nước lung linh, huyền ảo. Theo truyền tụng dân gian, Ao Tiên trên đỉnh Báu Dinh Sơn thông với Giếng Ngọc dưới chân núi Báu Dinh, đó là hai *mắt rồng* của long mạch Báu Dinh Sơn. Nước trên Ao Tiên và nước dưới Giếng Ngọc không bao giờ cạn!

Mẫu Liễu Hạnh là ai?

Theo *Văn Cát Thần nữ* của Đoàn Thị Diêm, ở thôn Thiên Hương, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản (Nam Định) có gia đình ông Lê Thái Công ham làm điều phúc. Khoảng năm Thiên Hựu (Lê Anh Tông - 1557) bà vợ có thai đã quá kỳ sinh nở, tự nhiên mắc bệnh nặng. Vào một đêm Trung Thu, mặt trăng trong sáng, có một người khăn áo chỉnh tề, trong tay cầm một cái bùa ngọc nói có phép làm cho bà chóng sinh nở. Thái Công liền mời vào nhà. Đó là một đạo nhân. Đạo nhân xõa tóc, lén dần, miệng đọc thần chú, tay ném bùa ngọc xuống đất. Thái Công ngã ra bất tỉnh nhân sự. Trong cơn mê, Thái Công thấy có người đặt lên trời đúng ngày Hội của Thiên Cung. Một tiên nữ mặc áo hồng, tay nâng chén ngọc dâng rượu cho Ngọc Hoàng. Chẳng may tiên nữ lỡ tay đánh rơi chén ngọc bị vỡ. Ngọc Hoàng nổi giận, sắc giáng dây tiên nữ xuống trần gian. Thái Công hỏi người lực sĩ đứng cạnh mình: Người con gái ấy là ai? Duyên cớ thế nào? Người lực sĩ trả lời: Đó là đệ nhị Tiên Chúa Quỳnh Nương vừa bị Ngọc Hoàng giáng dây xuống trần. Rồi Thái Công thấy mình đã về đến nhà, bỗng nghe thấy tiếng trẻ khóc, chợt tỉnh. Vợ ông đã sinh hạ được một con gái. Trung Thu, trời trong, trăng sáng, hương lá thơm

nức khắp nhà. Nhân vậy, Thái Công đặt tên con gái là Giáng Tiên. Giáng Tiên chăm học Lễ, Nhạc, Thi, Thư.

Thôn bên là thôn Vân Cát (cùng xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định) có gia đình họ Trần. Lê Thái Công cho con gái sang nhận Trần Công làm nghĩa phụ và làm một cái lầu trong vườn Trần Công cho con gái ơ. Một hôm, Trần Công đang bách bộ trong vườn, bỗng thấy một cậu bé khôi ngô ở trước gốc cây bích đào, đem về nuôi và đặt tên là Dào Lang. Lớn lên, thấy Giáng Tiên nét na, tư chất khác thường. Dào Lang xin lấy làm vợ. Năm ấy, Giáng Tiên vừa tròn 18 tuổi. Hai nhà thuận lòng.

Năm sau, vợ chồng Dào Lang sinh được một con trai. Năm sau nữa sinh được một con gái.

Ngày mồng 3.3, Giáng Tiên không bệnh mà mất, xuân xanh mới 21 tuổi đầu.

Giáng Tiên phải về trời vì đã hết hạn dì đây. Trần duyên dang dở, tơ tình vẫn vương nên nàng vô cùng buồn bã. Quản tiên thấy vậy rất ái ngại, tâu lên Thượng Đế. Thượng Đế thương con phong làm *Liễu Hạnh Công chúa*, lại cho giáng xuống trần gian. Ngày Công chúa trở lại trần đúng vào ngày kỵ lần thứ 2 của mình. Cả nhà đang khóc lóc, Công chúa hiện ra khóc và nói: "Con là người bất hiếu, làm lụy đến cha mẹ. Không phải là con không muốn hầu cha mẹ, nhưng vì cơ trời không biết, số mệnh đã định. Xin ba vị cha mẹ nén lòng thương xót... Con ở Tiên cung, vì có lỗi, bị trích xuống trần. Nay từ

bịt kiếp trần lại đến hâu nơi đế đinh. . . .” nói vừa dứt lời Tiên chúa liền biến mất.

Một lần, Tiên chúa hiện về gặp Đào Lang. Vợ chồng than vẫn về cảnh cô đơn và hẹn vài chục năm nữa gặp nhau. Lần này, nàng sắp đặt cửa nhà cho yên ổn, chứ không ở lại gia đình. Sẵn có phép màu biến hóa, nàng vẫn chu du đi khắp đó đây, trêu ghẹo người này, gia ơm cho kẻ khác. Liễu Hạnh đã trùng trị một Hoàng tử ve vãn nàng ở đèo Ngang, đã tặng nhà vua một đôi giày khi vua ghé quê nàng ở Kim Thái (Hội Phù Giày do sự tích này). Ít lâu sau 2 ông bà Thái Công, Trần Công và Đào Lang đều mất.

Tiên Chúa vẫn chu du thiên hạ, tìm nơi danh lam thắng cảnh, lấy núi non làm cảnh tiên gia.

Đến Lạng Sơn, Tiên Chúa gặp Phùng Khắc Khoan (Trạng Bùng), và tự giới thiệu mình bằng cách hiện thành cây gỗ “Mộc” đứng giữa đường. Trên thân cây có 4 chữ “Mão khâu Công Chúa”. Trạng Bùng giải nghĩa: “Mão Khâu Công Chúa” lại thêm chữ “Mộc” là “Liễu Hạnh Công Chúa” vậy.

Sau đó Liễu Hạnh Công Chúa còn gặp lại Trạng Bùng cùng hai bạn ông là Cử nhân họ Ngô. Tú tài họ Lý cùng họa thơ ở Tây Hồ. Rời Tây Hồ, Tiên Chúa vào làng Sóc (thuộc Nghệ An) gặp lại Đào Lang (đã ở kiếp khác). Sau một năm, hai người sinh được một con trai. Chồng thi đỗ làm quan. Tiên Chúa mãn hạn trần gian nên lại phải về trời. Sau 5 năm ở Tiên cung, Tiên Chúa lại xin xuống trần gian.

Lần này Ngọc Hoàng Thượng để cho hai cô là Quê Nương và Thị Nương bay xuống Phố Cát (Thanh Hóa) cùng Tiên Chúa. Ở đây, Tiên Chúa tiếp tục hiên linh với nhiều trò trêu ghẹo, trừng phạt người đời. Triều đình cho là yêu quái, đem quân đến tiêu trừ, nhiều lần bị Tiên Chúa đánh cho thảm bại. Vua phải cầu một đạo sĩ là Tiên Quân Thánh cầm quân chống cự ở Sông Sơn. Tiên Chúa hiên Thánh ở Sông Sơn. Tại đây, Tiên Chúa đã đánh nhau với quân của triều đình, gọi là “*Sông Sơn đại chiến*”. Tiên Quân Thánh phải lập mèo mới thắng được Tiên Chúa. Nhưng Đức Phật đã hiện ra yêu cầu nhà Vua và những người chiến thắng phải trả lại tự do cho Tiên Chúa. Sau đó Tiên Chúa lại giúp triều đình đánh giặc nên được triều đình cho sửa sang lại đền miếu, sắc phong là *Mã Hoàng Công Chúa*, lại gia tặng “*Chế Thắng Hòa Diệu Đại Vương*”. Từ đây, Liễu Hạnh không gây những kinh hoàng cho dân chúng nữa mà trở thành bậc siêu trần, luôn luôn ban ân đức cho mọi người, nên được nhân dân tôn là *Thánh Mẫu*. Nhà Nguyễn già phong “*Mẫu Nghi Thiên Hạ*” (Đức Mẹ của muôn dân). Đến nay, mộ của Tiên Chúa vẫn còn ở xứ Cây Dừa thuộc xã Kim Thái, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Ở Phú Giày, (Vụ Bản), Phố Cát (Thạch Thành), đền Sông (Thị xã Bỉm Sơn), đền Dâu và đền Quán Cháo (thị xã Tam Điệp), phủ Dồi Ngang (Phú Long, Nho Quan), nhân dân dựng những ngôi đền lớn, hằng năm mổ hội phụng thờ Thánh mẫu. Nhiều nơi khác trong nước đều có điện, phủ thờ. Ở một số ngôi chùa lớn, có thờ “*Tiên Phát hồn Thần*” có nghĩa là có gian thờ Liễu Hạnh được đặt sau ban thờ Phật.

Có thể nói rằng, Mẫu Liễu là hiện thân của *Văn hóa Mẹ - Văn hóa gốc* Việt Nam. Vì thế, không chỉ triều đình phong kiến phong tặng Mẫu Liễu là *Mẫu Nghi Thiên Hả* (mẹ của thiên hạ, Mẹ của muôn dân) mà chính nhân dân ta quan niệm: *Tháng 8 giỗ Cha, tháng 3 giỗ Mẹ*”, coi đức Thánh Trần - Trần Hưng Đạo - là Cha, coi Liễu Hạnh là Mẹ. Mẹ là vĩnh cửu, vĩnh hằng. Mẹ là báu từ trong “Tứ báu từ” của huyền thoại và tâm thức dân gian. Đạo Mẫu là nội đạo của người Việt Nam ta.

Cửa động Tối có một tấm bia công đức, mặt sau bia khắc hai bài thơ môn của quan Tuần phủ Ninh Bình thăng Vinh lộc đại phu, Hiệp biện đại học sĩ, Tông đốc trí sĩ, Nam lẽ Thu viên Phan Đình Hòe như sau:

Bài thứ nhất

*Kho vô tận ở trong trời đất.
Trái muôn đời Tiên - Phật đê dành đây.
Nước non vẫn nước non này.
Du lịch trái mây nay mà cảnh vắng.
Trường Yên thiền địa đa danh thăng
Bái Đính cao phong hiện Thạch Am
Bốn chữ đè "Minh định danh lam".
Áy nét bút Thiên Nam Động Chủ¹*

1. Vua Lê Thành Tông tự xưng là Thiên Nam Động Chủ.

Bài thứ hai

*Minh Đinh danh lam cảnh tự nhiên.
Xưa nay thờ phụng Phật - Thần - Tiên,
Bàn cờ, ô thuốc hình như tạc,
Đồng Cùi, Ba Rau¹ đều những truyền
Hàng liệt có cây hoa mèn chu.
Trai bao dâu bể động còn nguyên.
Cảnh từ Đức tổ Diêm Giang trước²,
Như vẫn chờ người có thiện duyên.*

Qua 2 bài thơ trên của Tuần phủ Phan Đình Hòe, như trên đã nói, chúng ta biết được, *Thiên Nam Đông Chu*, tức là vua *Lê Thánh Tông* đã ngự lâm cảnh núi này, để bốn chữ đại tự trên vách núi là “*Minh đinh danh lam*” và bài thơ tứ tuyệt rất hay và cũng cho biết **trong các động trên đỉnh núi** **Bái Đính có thờ Phật, Thần, Tiên; phong cảnh trời Tiên** cảnh Phật này có từ thời *Đức Tổ Diêm Giang* đến giờ. Đức Tổ Diêm Giang đây là *Lý triều Quốc sư Nguyễn Minh Không*, quê Diêm Giang, nay là xã Gia Tiến, Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Bài thơ có nhắc tới “*Đồng cùi*”, “*Ba rau*”, “*Bàn cờ*”, “*Ô thuốc*” là bốn trong số rất nhiều huyền thoại, huyền tích về đức Thánh Nguyễn ở vùng

1. Đồng Cùi, Ba Rau là những địa danh ở khu vực núi Bái Đính, gắn với truyền thuyết về đức Quốc sư triều Lý là Nguyễn Minh Không.
2. Đức Tổ Diêm Giang ở đây chỉ đức thánh Nguyễn Minh Không, thời Lý

Bái Dinh. Chúng tôi sẽ giới thiệu ở Chương IV “*Bái Đính ngàn năm huyền thoại*”.

Đình trên nóc động Tối là đình cao nhất của núi Báu Dinh, nơi từ thời Đinh-Tiền Lê đến nay là nơi cắm cờ, nên được gọi là **đình Cột Cờ**.

Như vậy động Tối và động Sáng và cả bên ngoài hai động, trên đỉnh núi, nhân dân lập thờ Phật-Thần-Thánh-Tiên, một mô-típ thờ theo tín ngưỡng “đa thần” khá phổ biến của người Việt. Người Việt thường đưa nhiều thần linh khác vào thờ trong chùa, tạo nên “Tiền Thần hậu Phật” hoặc “Tiền Phật, hậu Thánh” như ở chùa Thầy (Hà Tây), chùa Láng (Hà Nội) thờ sư thầy Từ Đạo Hạnh trong điện thờ chính. Chùa Keo (Thái Bình), chùa Quán Sứ (Hà Nội) thờ Thánh Nguyễn Minh Không... Nhiều chùa lại thờ “tiền Phật hậu Mẫu” như ở chùa Phúc Chính, chùa Dâu (Ninh Bình). Sự thờ Thần-Thánh-Mẫu trong chùa làm cho lễ hội ở chùa phong phú và sôi động hơn. Theo các tài liệu nghiên cứu về chùa Việt Nam thì tục thờ Thần-Thánh-Mẫu ở chùa bắt đầu từ thế kỷ XVII.

Quận công Bùi Văn Khuê và bốn Quận công con trai ông

Ông Bùi Văn Khuê người thôn Chi Phong, xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, theo nhà Mạc, làm đến Quận công, được phong là Sơn Quận công, sau theo nhà Lê, được phong là Mỹ Quận công.

Ông có hai bà vợ. Bà cả sinh con trai đầu lòng là một tướng tài, được phong là Văn Quận công. Bà vợ thứ là Nguyễn Thị Niên, con gái Đại tướng quân Nguyễn Quyện, cháu nội Trạng nguyên Nguyễn Thiện, quê ở làng Canh Hoạch (Hoài Đức, Hà Nội), có nhan sắc tuyệt trần, vua Mạc đã lấy chị gái bà làm phi, lại muốn lấy ca bà, mặc dù bà đã là vợ Quận công Bùi Văn Khuê đang phó tá nhà Mạc chồng nhau với nhà Lê. Đây cũng là nguyên nhân làm cho cha con họ Bùi bắt tay với nhà Mạc, về theo vua Lê. Bà Nguyễn Thị Niên sinh được 3 con trai đều làm tới Quận công là Bùi Thời Trung được phong là Lễ Quận công, sau làm đến Hiệu lực vệ quân của nhà Lê, gia phong Nhai Quận công (nay còn đền thờ ở Lương Sơn, cạnh làng Sinh Được). Bùi Khắc Kiệm được phong là Khai Quận công. Người con út (không rõ tên) được phong là Vĩ Quận công. Lúc bấy giờ, Kế Quận công Phan Văn Ngạn lập mưu sát hại Bùi Văn Khuê để mưu ép bà về làm vợ. Sau khi giết chết Kế Quận công Phan Văn Ngạn, tẩm dầu đốt xác Phan Văn Ngạn té trước linh sàng chồng, mai táng chồng mồ yên ma đẹp, bà Nguyễn Thị Niên dặn ba con trai của mình bỏ nhà Mạc về theo vua Lê, rồi mình nhảy xuống sông Hoàng Long tuẫn tiết. Vụ án “Chém đầu Quận Kế té Quận Mỹ” cùng với cái chết thương tâm của người đàn bà tài sắc vẹn toàn trên sông Hoàng Long đã làm chấn động dư luận, vua quan cá hai triều đình Lê-Trịnh và Mạc hồi cuối thế kỷ 16 và còn dư âm trong dân gian đến bây giờ.

Gia đình Bùi Văn Khuê 5 cha con đều là Quận công, vợ là liệt nữ. Thật hiếm có trong lịch sử. Năm cha con ông được

phụ thờ ở đền vua Đinh Tiên Hoàng (Trường Yên, Hoa Lư) vì có công với nước, với dân và cũng có công tôn tạo đền thờ vua Đinh, vua Lê khang trang vào thế kỷ thứ 17. Cũng vì có công phò tá nhà Lê Trung Hưng, nên vua Lê ban cả dải đất ven sông Hoàng Long cho họ Bùi làm thực ấp, vẫn mang tên làng quê cũ của họ Bùi ở Trường Yên là thôn Chi Phong, nay thuộc xã Gia Trung, huyện Gia Viễn. Bởi thế đến nay có hai thôn Chi Phong dọc theo dải đất hai bên bờ sông Hoàng Long. Một thôn Chi Phong thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư. Một thôn Chi Phong thuộc xã Gia Trung, huyện Gia Viễn.

Đền thờ Mỹ Quận công Nguyễn Thị Niên nay dân gian gọi là **đền Vực Vông**, lăng bà cũng gần đó, ngay trên đường vào khu núi Bá Dinh, cách 2km. **Đền** từ xưa nổi tiếng linh thiêng.

Thời kỳ chiến tranh Lê-Trịnh với Mạc, khu vực núi Bá Dinh là vùng tranh chấp quyết liệt giữa hai tập đoàn phong kiến này. Nơi đây là địa bàn đóng đại bản doanh của Đại tướng quân Nguyễn Quyện, một vị trí có tầm chiến lược vô cùng quan trọng của nhà Mạc để chặn đánh chấn quân Lê-Trịnh từ Ái Châu tiến ra đồng bằng Bắc Bộ và kinh thành Thăng Long. Mỹ Quận công Bùi Văn Khuê, người Chi Phong, xã Trường Yên (Hoa Lư), vừa là tý tướng, vừa là con rể của Đại tướng quân Nguyễn Quyện, cũng từng giáp chiến với quân Lê-Trịnh ở đây.

Chương III

BÁI ĐÍNH TÂN TỰ (拜顶新寺)- CHÙA BÁI ĐÍNH MỚI - NGÔI CHÙA LỚN NHẤT VIỆT NAM VỚI NHIỀU KỶ LỤC NHẤT QUỐC GIA

Nhân chùa Báu Đính mới được xây dựng với quy mô hoành tráng, trở thành *Trung tâm tâm linh Phật giáo lớn nhất quốc gia*, chúng ta cũng nên hiêu rõ khai lược về đạo Phật và cũng cần hiểu vì sao nước ta có nhiều tôn giáo, không lựa chọn tôn giáo nào mà lại chọn Phật giáo làm chủ thể để xây dựng Trung tâm tâm linh hoành tráng nơi đây? Một khác, cũng cần hiểu vì sao khi đã chọn Phật giáo là chủ thể của Trung tâm Tâm linh nơi đây, không chọn địa điểm nào khác mà lại chọn địa bàn Báu Đính Sơn? Đây là những vấn đề vô cùng lý thú, đây hấp dẫn, không thể trình bày sơ lược được. Đến với Trung tâm Tâm linh Phật giáo lớn bậc nhất quốc gia này, không tìm hiểu những vấn đề trên, tức là chúng ta mới chỉ gọi là *đi Lễ Phật* thông thường chứ chưa phai là chủ nhân của cuộc du lịch tâm linh đích thực, chưa “nhất tâm chí thành” cho cuộc tâm linh độc nhất vô nhị của đời mình đến với cõi Phật, đất Phật ngay trong

chỗn “trần ai”, vì chưa rõ căn nguyên, cội nguồn của điệp trùng hoành tráng Điện Phật-Bồ Tát-La Hán Báu Đinh Sơn Tân tự đồ sộ nguy nga, lộng lẫy nhất quốc gia này.

I. ĐÔI NÉT VỀ ĐẠO PHẬT VÀ PHẬT GIÁO VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ

Nước ta nằm trên bán đảo Ấn Độ - Chi na, giữa hai nước rộng lớn, hai dân tộc đông đảo nhất thế giới, hai nền văn minh sáng lạn của châu Á là Ấn Độ và Trung Hoa. Vì địa thế của nước Việt Nam nằm ở giữa con đường biển đi Ấn Độ đến Trung Hoa, nên đã chịu ảnh hưởng nhiều của hai nền văn minh ấy. Phật Giáo du nhập vào Việt Nam cũng do cả hai con đường: đường biển từ phía Nam lên và đường bộ từ phía Bắc xuống. Đạo Phật du nhập đầu tiên vào Việt Nam trong khoang cuối thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ III sau Công nguyên. Như chúng ta đã biết, khi hệ giáo lý *Giác ngộ*, *Giải thoát* và *Tự chủ* của đạo Phật được truyền vào nước ta thì người Việt đã rất nồng nhiệt đón nhận, thấy hợp với lối sống, tình cảm, đạo đức, suy tư, hành xử và tâm linh của mình, coi đó là mạch sống của dân tộc.

Nước ta từ lâu đã có Nho giáo, Lão giáo ở Trung Hoa truyền sang, nhưng thật ra hai giáo ấy chưa được phổ cập rộng rãi và thâm nhập mạnh mẽ đến dân chúng bằng Phật giáo. *Thời Dinh-Tiên Lê* có thể gọi là thời đại Phật giáo *độc tôn*. Văn hóa trong nước hầu hết đều do các Tăng sĩ cá. Nên khi Dinh Tiên Hoàng Đề định gai phâm các

quan văn võ, thi ngài triệu tất cả Tăng sĩ lối lạc vào Thái miếu và định phẩm trật cho các vị.

Phật giáo ở nước ta được triều đình công nhận từ đó và Tăng sĩ được định giai phẩm khi ấy cũng là lần đầu tiên. Phật giáo sùi lai thêm được giai đoạn vê vang. Và cứ xem một vị Tăng Thống được phong đến chức Thái sư thì dù biết tình hình Phật giáo về đời nhà Dinh bắt đầu thịnh hơn trước như thế nào. Do những nhân duyên hội ngộ đó, đạo Phật đã có bờ dày tới gần hai ngàn năm lịch sử trên đất nước ta, đồng hành cùng lịch sử dân tộc, không những tích cực góp phần dựng nước và giữ nước, mà còn góp phần không nhỏ gây dựng nên một nếp sống thuần phong mỹ tục của dân tộc. Suốt từ các vương triều Tiền-Hậu Lý Nam Đế (542-603) đến thời Dinh (968-980) và Tiền Lê (980-1009) mở đầu nền chính thống, tự chủ, độc lập của nước nhà, đạo Phật mặc nhiên được triều đình phong kiến công nhận, coi là quốc giáo. Đến thời Nhà Lý (1010-1225), ông vua khai sáng nên triều đại vê vang này là Lý Công Uân xuất thân và được nuôi dưỡng rất chu đáo, cẩn thận do các bậc danh sư lúc bấy giờ, từ nhà chùa bước vào vũ đài chính trị, trở thành vị vua khai sáng nhà Lý thì đạo Phật lại càng được coi trọng và phát triển như một đặc ân của các vua Lý đối với nơi mà vị vua đầu triều đã tu trưởng. Tiếp đến nhà Trần (1225-1400), đạo Phật tiếp tục được phát triển "*chùa chiền mọc lên như nấm*", mọc mang trên khắp các mặt sinh hoạt của quốc gia, đem lại an vui, hạnh phúc đến với toàn dân, từ bi hỷ xá tràn ngập, thi đồng thời nền văn hóa, văn minh Đại Việt cũng vươn lên tuyệt đỉnh vinh

quang. Điều đặc biệt ở thời nhà Trần là, nếu vị vua khai sáng nhà Lý từ nhà chùa bước lên vũ đài chính trị thì ở nhà Trần, vị vua tài năng, văn võ song toàn Trần Nhân Tông lại từ vũ đài chính trị bước vào cửa thiền môn và là người sáng lập ra Phật phái Trúc Lâm, trở thành Ông Tổ trong “Trúc Lâm tam tổ”.

Trong thời kỳ đầu tiên du nhập vào Việt Nam, đạo Phật chỉ lướt qua trên đất nước, chưa có màu sắc riêng biệt và dân chúng chỉ mới tiếp xúc với Đạo Phật trong phương diện thờ cúng, lễ bái cầu Phúc-Lộc-Thọ-Khang-Ninh mà thôi. Phái đến vài ba trăm năm sau, đạo Phật mới thâm nhập dần vào dân chúng và do ảnh hưởng của Phật giáo Trung Hoa. Có một điều chúng ta ngạc nhiên là, mặc dù Phật giáo Trung Hoa gồm mười tôn phái, nhưng *chỉ có Thiền-Tôn là được truyền sang Việt Nam trước nhất và mạnh mẽ nhất*. Tôn phái này được truyền vào Việt Nam trước hết do Ngài Tỳ-Ni-Da-Lưu-Chi (Vinitaruci) đưa sang (580). Ngài là đệ-tử được truyền tâm-pháp của Tam-tố Tăng-Xán, và chính là Sơ-tồ Thiền-Tôn ở Việt Nam. Đến đời Đường (820) lại có Ngài Vô-Ngôn-Thông ở Trung Hoa sang truyền giáo, lập thành phái Thiền-Tôn thứ hai; kế đó là các phái Thao-Dương, Tào-Động, Lâm-Tề v.v... lần lượt truyền sang Việt Nam.

Ở nước ta, các vị vua từ nhà Lý đến nhà Trần đều dung *Tam giáo*: Phật-Đạo-Nho, song mức độ sùng trọng các đạo đó ở mỗi thời mỗi mức độ khác nhau. Điều đó thể hiện ngay trong các kỳ thi *Tam giáo* ở hai thời đại đó là rất rõ.

Vì sao Phật giáo du nhập vào Việt Nam lại được người dân Việt Nam đón nhận một cách nồng nhiệt và nhanh chóng phát triển, nhiều triều đại phong kiến cực thịnh, Phật giáo đã trở thành quốc giáo?

Nhiều nhà nghiên cứu văn hóa trong đó có nhà văn hóa Hữu Ngọc cho rằng, *Phật giáo có thể liên tương với chủ nghĩa hiện sinh hiện tại*. Phật giáo hợp với chúng ta vì nó *cùng trong khuôn khổ của những nền văn hóa đề cao cộng đồng*. Giá trị văn hóa nằm trong bản sắc dân tộc, là một giá trị thể hiện qua biểu tượng, ký hiệu, chi phối tư duy và tinh cam cá nhân và tập thể trong cả ý thức và vô thức. Nó quyết định cách ứng xử, giao tiếp của những người trong cùng cộng đồng, khiến cho các cộng đồng có những điểm dị biệt. *Tư tưởng Phật giáo đã nằm trong vô thức cộng đồng dân tộc ta từ ngót 2000 năm nay*. Trừ 10% theo đạo Kitô và một số đạo khác, 90% dân ta hoặc là có đi lễ Phật, hoặc không đi chùa nhưng vẫn tự xếp mình vào diện "*đi hương*", nghĩa là *theo đạo Phật*. Một người nông dân có thể không biết chữ, nhưng hễ có việc gì cần kêu cầu là có thể chắp tay vái vào thiền địa "*Còn lạy chín phương trời, lạy mười phương Phật phù hộ độ trì cho con...*". *Truyện Kiều* của Nguyễn Du - một kiệt tác chữ nôm nổi tiếng đã phản ánh tâm thức Phật giáo thông qua bi kịch về thân phận người phụ nữ tài sắc giai nhân tuyệt thế. Điều đó cũng đã nói lên rằng, *tư tưởng và triết lý nhân sinh của Phật giáo đã ăn sâu bám rễ vào tâm khán, trí tuệ và lan tỏa vào con người Việt Nam từ người dân quê đến bậc tri sỹ, thậm chí cả các bậc quan trường*. Phật giáo du nhập vào Việt Nam đã nhanh chóng trở thành tư tưởng văn hóa của người Việt là vì sao?

Chúng ta biết rằng, tất cả các yếu tố văn hóa của dân tộc này vay mượn của dân tộc khác, khi đã được da só nhân dân của dân tộc đó thực hiện, tan hòa vào đời sống, trở thành thói quen ứng xử thì yếu tố ngoại lai vay mượn đó, mặc nhiên trở thành một bộ phận văn hóa của dân tộc đó. Bởi thế, có thể coi tư tưởng Phật giáo là yếu tố hữu cơ trong bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Những đặc trưng trong tư tưởng Phật giáo mà dân tộc Việt Nam thấy phù hợp và phát triển thành những giá trị văn hóa đặc biệt của mình. Tư tưởng Phật giáo phù hợp với tư tưởng Việt Nam nói riêng và của tất cả các nền văn hóa coi trọng đề cao tính cộng đồng hơn là tính cá thể. Theo các nhà nhân học, có thể chia các nền văn hóa nhân loại thành hai loại: Văn hóa nặng về tính cộng đồng (những nền văn hóa có bối cảnh tiếp xúc cao (*high contact communication culture*) và văn hóa có bối cảnh giao tiếp thấp. Tư tưởng Phật giáo hợp với dân tộc ta vì nó nằm trong khung cảnh văn hóa nặng về cộng đồng. Ngay từ khi mới hình thành dân tộc, cộng đồng người Việt đã sớm gắn kết với nhau chặt chẽ để chống ngoại xâm hùng mạnh phượng Bắc và chống thiên tai lũ lụt, sau đó ý thức cộng đồng lại được cung cổ và phát triển mạnh hơn bởi sự du nhập của Không học. Phật giáo du nhập vào nước ta thì cũng nằm trong ý thức cộng đồng dân tộc. Tuy nhiên, đối với tư duy Phật giáo, không thể quan niệm ý thức cộng đồng như Không giáo hay truyền thống của ta, nhưng có một điều chắc chắn là đạo Phật khác hẳn Ấn Độ giáo, vì Ấn Độ giáo quan niệm có một *atuman-linh hồn bất tử*, sau sẽ nhập vào linh hồn vũ trụ, Brahman. Nhưng Phật giáo cho là mọi thứ đều vô

thường, nên không có linh hồn cù thê bất tử. Và tất cả con người cũng như sinh vật chẳng qua do thập nhị nhân duyên kết thành, nên có sinh tất có diệt. Cuộc đời chẳng qua là những ảo ảnh, và những giá trị của con người tạo ra chỉ đều như “hóng cầu qua cửa sổ” mà thôi. Về điểm này, Phật giáo khiến chúng ta có thê liên tưởng đến chủ nghĩa hiện sinh hiện tại như trên đã nói. Một điều đặc biệt là, ở nước ta, làng xã là tổ chức cơ sở của đất nước. Trong đó, làng xã nào cũng có những ngôi đền, đình chùa thờ tự. Đền thi thoả - các vị anh hùng dân tộc. Chùa thi thoả Phật. Ngôi đình thi dựa vào trật tự tổ chức xã hội theo tư tưởng Không giáo, tôn ti trật tự trên dưới phân minh.

Như vậy, đạo Phật du nhập vào Việt Nam, chỉ có phái Thiền-Tôn là gây ảnh hưởng mạnh mẽ hơn cả, vì nó hợp với dân tộc ta trong khung cảnh văn hóa để cao tinh cộng đồng.

II. CHÙA BÁI ĐÍNH MỚI NAM TRONG TRUNG TÂM PHẬT GIÁO HOA LƯ THỜ ĐÌNH - TIỀN LÊ VÀ KHÔNG GIAN THIỀNG TRÊN VÙNG ĐẤT CỎ ĐỘ HOA LƯ LỊCH SỬ QUA CÁC THỜI ĐẠI

- Thời Đinh-Tiền Lê, Kinh đô Hoa Lư trở thành trung tâm Phật giáo quốc gia với nhiều kiến trúc chùa chiền, nhiều bậc đại danh sư trụ trì, vừa lo việc đạo, vừa khuông phò vua lo việc nước.

Theo cố GS Trần Quốc Vượng, công Hoàng thành ngoài lính canh còn có tháp trấn giữ bốn cửa, ở đây có

yêm bùa hay còn làm lề hiến sinh. Và theo một số cụ túc nho ở Ninh Bình cho biết¹, khi vua Đinh dựng kinh đô Hoa Lư, Ngài cho đặt bốn trấn yêm ở bốn ngọn núi linh theo bốn hướng trong vùng, thờ các vị Thần làm thành hoàng để bảo vệ kinh đô, gọi là "*Hoa Lư tứ trấn sơn*"; **Báu Đinh Sơn**: thờ thần Cao Sơn (như trên đã trình bày, thờ Tân Viên Sơn Thánh) - Trấn giữ phía Tây kinh thành Hoa Lư. **Thiên Tôn Sơn/dòng**: thờ thần Huyền Thiên Trần Vũ - Trấn giữ phía Bắc kinh thành Hoa Lư. **Thiên Đường Sơn** thờ thần Cao Sơn Đại vương - Trấn giữ phía Nam kinh thành Hoa Lư. "Theo sử nhà Minh, thì trong số 21 núi có tiếng của An Nam, núi ấy (tức núi Thiên Đường - TDT) là một. Dầu thời Hồng Đức, có bảy dàn tết Giao (tết Trời - Đất), năm thứ 3 có sai quan tết, vẽ hình thế núi đem về"². **Diên Sí Sơn** (núi Cảnh Diêu): thờ Quý Minh Đại vương - Trấn giữ phía Đông kinh thành Hoa Lu. Sau này vua Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long cũng lập "*Thăng Long tứ trấn*", bốn đền thờ thần trấn giữ kinh thành Thăng Long theo như nhà Đinh và Tiền Lê ở Hoa Lư, tuy nhiên bốn vị Thần trấn ái kinh đô Thăng Long có vị khác với kinh đô Hoa Lư. Vấn đề này cần tiếp tục được thăm cứu. Song, với tâm thức và tư duy tâm linh dân gian, chúng ta cũng cần phải xem xét ý kiến này một cách cẩn trọng. Vì những ngôi đền thờ trên 4 ngọn Linh Sơn đó đã có từ rất lâu đời và đến nay vẫn còn. Về việc thời Hồng Đức tết giao

1. Các cụ Đinh Văn Sồi, 82 tuổi, thôn Yên Thành và các cụ Phạm Kim Tiên, 91 tuổi, cụ Nguyễn Văn Kiểm, 87 tuổi ở thôn Vàng Ngọc, xã Trường Yên cung cấp. Tư liệu điều tra của Chi hội Khoa học lịch sử Việt Nam tỉnh Ninh Bình.
2. Ninh Bình toàn tinh địa chí khao biện. Sđd, tr. 110-111.

ở núi Thiên Đường là vẫn đề đặc biệt quan trọng để chúng ta nghiên cứu đến mối quan hệ tin ngưỡng dân gian và tin ngưỡng cung đình từ thời Hồng Đức về trước và từ thời Hồng Đức về sau này trong không gian tâm linh Hoa Lư.

Trong không gian “Hoa Lư tứ trấn” đó, từ thời Đinh - Tiền Lê, Hoa Lư là Trung tâm Phật giáo của cả nước, đến thời Lý - Trần, cùng với đền thờ vua Đinh, vua Lê, trên đất cố đô và các vùng phụ cận, **dày đặc** các đền chùa miếu mạo thờ Phật - Thần - Tiên. Đặc biệt, có nhiều chùa thờ Phật, thờ Thần nổi tiếng. Đó là:

- *Động Thiên Tôn*

- Đền có từ thời Đinh, ở phía Bắc kinh đô Hoa Lư xưa, nay thuộc thị trấn Thiên Tôn (huyện Hoa Lư), đền thờ Thần trấn ai cưa ngô phía Bắc kinh thành Hoa Lư là Thần Huyền Thiên Trần Võ/Vũ. Theo thần thoại, dây vồn là vị thần chuyên trấn giữ phương Bắc. Động cũng có nhiều nhũ đá rủ xuống rất đẹp, trên bệ thờ có nhiều tượng Phật gọi là Thập bát La Hán.

- *Chùa Bà Ngô*

Chùa Bà Ngô nay ở thôn Yên Hạ, xã Trường Yên (Hoa Lư), nằm ven sông Hoàng Long, phía Bắc ngoại thành kinh đô Hoa Lư xưa, cách trung tâm cố đô Hoa Lư khoảng 1.300m. Có thuyết nói, đây là chùa tu hành của Ngô phu nhân, một trong năm bà Hoàng hậu của vua Đinh, mẹ Ngô Nhật Kinh. Khi Đinh Tiên Hoàng mất, con trai Ngô phu

nhân là Ngô Nhật Khánh chạy sang Chiêm quốc, bà xin ra tu hành và mang theo nhiều vàng bạc cát giấu ở đây. Nhưng theo bức đại tự treo ở chùa được viết vào thời Nguyễn thì tên chùa là "Bà Sa tự". "Bà Sa tự" có nghĩa là "chùa nhạy múa", tức là *vìra nguyện cầu vừa nhạy múa*, dạng như "*thăng đồng*" trong đạo Lão. "Bà Sa" lại cũng có nghĩa là thế giới Sa Bà (*Ta bà*, hay *Sa Bà* dịch từ chữ *Phạm Saha*), chỉ cõi người có nhiều khổ đau, phiền não.

Chúng ta biết rằng, Đinh Khuông Liễn chọn chùa Bà Ngô dâng tiên 100 tòa kinh Phật để nguyện cầu cho đức vua cha trường thọ, cầu cho em trai là Đinh Hạng Lang bị mình giết được siêu thoát, không về quay nhiều và hâm hại mình, thì đây phải là ngôi chùa có quy mô to lớn và đặc biệt phải có uy linh vào hạng bậc nhất kinh kỳ lục bảy giờ. Từ đó, suy ra rằng, nếu *chùa Đại Văn, chùa Thiên Tuế* là chùa lớn nhất, uy linh trong đại nội kinh thành Hoa Lư, thì chùa Bà Ngô là chùa lớn, uy linh bậc nhất, là trung tâm tín ngưỡng Phật giáo vùng ngoại thành kinh đô Hoa Lư. Và cũng chỉ có các tín đồ nhà Phật đặc biệt, các Hoàng thân, quốc thích, các quan lại cao cấp, các đại pháp thiền sư quý tộc mới có quyền được hành lễ ở các chùa này.

Như vậy, *chùa Ngô đã có từ thời Đinh - Tiền Lê*, và chắc chắn là chùa thời đó có quy mô to lớn, lộng lẫy. Tấm bia đá dựng ở chùa có tên "*Hưng phúc hương tam hội bi kỷ*", niên đại Tự Đức thứ 30 (1877) có đoạn dịch như sau: "*Chùa Bà Ngô trong ấp ta là một danh lam của đô cũ Cố Việt. Vốn là một danh thắng nhưng do thế đại*

chuyên dời, phong quang thay đổi, ám ngọc quanh quẽ dưới ánh dương tà, chùa hẫu diêu tàn trơ trọi trong ánh trăng đêm... ”. Qua đó chúng ta khăng định, chùa Bà Ngô là một trong những ngôi chùa lớn vào bậc nhất của kinh đô Hoa Lư thời Đinh - Tiền Lê.

- Chùa Nhất Trụ

Chùa ở phía Bắc đền vua Đinh, vua Lê, nay thuộc thôn Yên Thành, xã Trường Yên (Hoa Lư). Gọi là chùa Nhất Trụ vì trước chùa có 1 cột kinh Phật bằng đá, dựng vào năm 995 thời Lê Đại Hành. Chùa cũng được xây dựng từ thời đó. Về kiều dáng, cột kinh được tạo giống với các cột kinh của Đinh Liễn đã đào thấy ở bờ sông Hoàng Long, gần kinh thành Hoa Lư. Cột kinh Đinh Liễn không có hoa văn, còn cột kinh chùa Nhất Trụ có một vòng cảnh sen bao quanh đế cột. Cảnh sen thon, có dáng gần giống những cánh sen trên một số tang đá làm bậc di trong động Am Tiên và tang đá vuông, dấu tích *chùa tháp Bảo Thiên thời Đinh-Lê* ở ven bờ sông Hoàng Long, nơi đã phát hiện thấy những cột kinh Đinh Liễn. Cho đến nay, người ta cho rằng, những cánh sen này xuất hiện sớm nhất trong nghệ thuật kiến trúc ở Việt Nam

- Núi Đại Vân và ngôi chùa mang tên núi và chùa Vạn Tuế trong đại nội kinh đô Hoa Lư

Đại Vân Sơn (núi Đại Vân) hay sách cổ còn gọi là núi Long Triều là dãy núi trùng điệp, sừng sững phía sau đền vua Đinh, vua Lê, bao bọc phía Tây kinh thành cũ. Núi

này sư sách gọi là Đại Vân Sơn, chạy từ Báu Đính Sơn về Chi Phong, chạy suốt đến Đam Khê (Ninh Hai, Hoa Lư). Dưới chân núi phía Đông Đại Vân Sơn là cung điện, thành quách của 2 triều vua Đinh, vua Lê xưa. Theo sư cũ, xưa vua Lê Đại Hành cho xây lầu Đại Vân ở Kinh đô, chắc là lầu ở ngay dưới chân núi này nên mới lấy tên núi đặc tên cho lầu. Theo truyện thiền sư Ma Ha chép trong “Thiền uyên tập anh” thì trong đại nội kinh thành Hoa Lư, dưới chân núi Đại Vân có chùa “**Đại Vân tự**” và chùa “**Vạn Tuế tự**”. Thiền sư Ma Ha có pháp danh là *Ma Ha Ma Ya*, giỏi pháp thuật, thông thạo chữ hán và chữ Phạn, nguyên là con trai thiền sư danh tiếng có tên là Bối Đà, người nước Chiêm Thành, từ kinh đô Phật Thệ sang nước ta. Dân ta thường gọi tắt là sư Ma Đam. Đây là thiền sư tài danh được vua Đinh và vua Lê giao phong chức Bối Trường, hay còn gọi là Quan Đà Phan, chuyên lo dịch kinh Phật cho các chùa chiền ở kinh đô Hoa Lư và cả nước. Sư cái sang họ Dương, thụ giáo thiền sư Đỗ Thuận. Sư vốn bất bình vì việc Lê Đại Hành đánh vào kinh đô nước mình, nên không dốc lòng phó tá triều Lê. Vua Lê Đại Hành hỏi gì, sư cũng không nói. Nhà vua bắt sư giam vào chùa Vạn Tuế trong đại nội. Những chi tiết đó cho chúng ta thấy, *ngay trong đại nội của kinh thành Hoa Lư ít nhất cũng có hai ngôi chùa lớn từ thời Đinh-Lê mang tên chùa Đại Vân và chùa Vạn Tuế*. Có thể những ngôi chùa này rất lớn và đẹp, được xây dựng dưới chân núi Đại Vân, cạnh lầu Đại Vân, (cùng mang tên dãy núi lớn phía sau kinh thành Hoa Lư), do các vị đại tăng như Ngô Chân Lưu, Đỗ Thuận trụ trì để tiện việc vua Đinh, vua Lê tham vấn quốc gia trong sự và

cũng là chùa dành cho vua, quan, hoàng thân quốc thích triều đình lỗ Phật?

Phía Tây bên kia núi là làng Chi Phong, là khu Thành Nội của kinh đô Hoa Lư, nay còn nhiều vết tích thành lũy và địa danh cổ. Ở đây có **chùa Kim Ngân**, tương truyền là nơi đặt kho vàng bạc, ngân khố của triều Đinh - Lê. Sau khi Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long, chùa được lập nên, mang tên Kim Ngân để thờ Phật và thờ Thần cai quản kim ngân khố của hai triều.

- *Chùa Phong Phú*

Thuộc xã Ninh Giang, cách kinh thành Hoa Lư độ 5km theo đường chim bay. Chùa dựa theo núi mà tạo dựng, kết hợp hài hòa giữa yếu tố thiên tạo và nhân tạo. **Chùa đã có từ thời Đinh - Tiền Lê**. Tại đây đã tìm thấy rìu đá có vai, niên đại 4000 - 5000 năm và gạch trang trí hình hoa sen thời Đinh-Tiền Lê và văn bia thời Lý. Đặc biệt, *các bức tranh cổ chạm khắc vào vách đá về 18 vị La Hán cùng một số pho tượng cổ bằng đá*, có giá trị nghệ thuật cao. Ban thờ Diêm Vương ở đây cũng đã có từ lâu đời.

- *Chùa An Nậu*

Chùa thuộc xã Ninh Mỹ (huyện Hoa Lư). Chùa thờ Phật, do vua Trần Thái Tông xây dựng: Theo tấm bia "A Nậu Tự Tam Bảo điện vi", ta có thể xác định được việc vua Trần Thái Tông xây dựng chùa này. Tại đây đã tìm thấy gạch trang trí hoa sen và gạch "Đại Việt quốc quân

thành chuyên" thời Đinh - Tiền Lê. Như vậy, có thể đoán định rằng, chùa A Nậu có từ thời Đinh - Tiền Lê nhưng bị đốt nát. Đến thời Trần, Trần Thái Tông cho dựng lại chùa này. Chùa nằm ở phía Nam kinh thành Hoa Lư xưa khoảng 7km theo đường chim bay.

Vì sao lại có tên chùa A Nậu? Ở Ấn Độ, trong những nước có danh tiếng nhất thời ấy, có nước Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu), vua tên là Tịnh Phạn (Sudhodana) Hoàng Hậu là Ma-ha Ma-da (Maha-maya) con vua *A-nâu Thích-ca* (Anu-sakya) nước Câu-ly (Koly). Khi ấy vua Tịnh Phạn đã 50 tuổi và Hoàng hậu 45 tuổi mới thụ thai lần đầu. Theo tục Ấn Độ, đàn bà phải về nhà cha mẹ mà sinh con, và con sinh ra đều lấy họ mẹ, nên Hoàng hậu đã về nước Câu-ly, đàn sinh được Hoàng tử lấy tên là Tất-đạt-đa (Siddharta) và họ là Thích-ca (Sakya). Hoàng tử Tất-đạt-đa sau này là Phật Thích-ca, hiệu là Mưu-ni (Mouni), nghĩa là vắng lặng, nhân đức hoàn toàn. Như vậy, A Nậu là phát âm trêch của danh xưng vua A Nâu Thích Ca.

- Chùa Bàn Long

Chùa ở trong động núi Đại Tượng, thuộc thôn Khê Đầu Thượng, xã Ninh Xuân (huyện Hoa Lư). Đây là núi có hình một con voi lớn, nằm phủ phục, chầu về Kinh Đô Hoa Lư nên dân gian gọi là núi Đại Tượng. Núi cao độ 200m. Tương truyền, người ta thấy rồng nằm cuộn trên một bệ đá lớn trong động nên lập chùa gọi là Bàn Long. Chùa Bàn Long nằm trên đường từ khu du lịch sinh thái

Tràng An vào chùa Báu Đính, cách Báu Đính 8km, cách kinh thành Hoa Lư chỉ độ 4km theo đường chim bay.

Theo văn bia khắc trên vách động, thi **chùa Bàn Long có từ thời nhà Đinh**. Tấm bia có niên đại Nguyên Hòa (1533-1548) bằng chữ Hán, trong đó có câu dịch ra rằng: “Đây là danh thắng từ ngàn xưa, trải các triều Đinh, Lê, Lý, Trần, chùa càng thêm nổi tiếng”. Ở đây có pho tượng Phật A Di Đà được tạo tạc bằng đá xanh nguyên khối.

- **Động Hoa Sơn và chùa Hoa Sơn**

Động Hoa Sơn ở thôn Áng Ngũ, xã Ninh Hòa (huyện Hoa Lư). Động nằm ở lưng chừng núi, có chùa thờ Phật, phía Đông Nam Kinh thành Hoa Lư độ hơn 3km theo đường chim bay. Trong động có nhiều nhũ đá đẹp. Động được sửa sang thành nơi thờ Phật. Các cụ cao niên địa phương cho biết động thờ Phật từ thời Đinh - Lê. Tượng Phật cũng khá nhiều.

Tương truyền, động Hoa Sơn xưa kia là nơi giấu áu Chúa nhà Đinh (Đinh Toản), khi Lê Hoàn xưng là Phó Vương Nhiếp chính đại thần. Điều này cũng có thể xảy ra vì, dưới thời Đinh Tiên Hoàng, đây là khu vực đóng đại bản doanh của Đinh Quốc Công Nguyễn Bặc, đệ nhất công thần nhà Đinh. Theo sử cũ, khi vua Đinh và con trưởng Đinh Liễn bị sát hại, Lê Hoàn xưng Phó Vương Nhiếp chính đại thần, các công thần nhà Đinh nghe Lê Hoàn sẽ cướp ngôi nhà Đinh nên đã đem Đinh Toản vào cát giấu nơi đây.

2. Chùa Báu Ðính tọa lạc trong không gian thiêng qua các thời.

Chùa Báu Ðính được xây dựng trên dải đất áp kề Trung tâm Phật giáo thời Dinh - Tiền Lê và buối đầu nhà Lý. Trong không gian thiêng của cố đô Hoa Lư và rộng lớn hơn, đến các đời Trần-Lê-Nguyễn sau này, là cả một không gian thiêng với các đền chùa, miếu mạo lớn, thu hút nhiều tầng lớp dân chúng. Đó là:

- Am Tiên - động thờ Phật từ thời Lý

Trong động thờ Phật. Tương truyền đây là ngực đá nhốt hổ dữ để trị kẻ có tội từ thời nhà Dinh. Đến thời nhà Lý, Quốc sư Nguyễn Minh Không vào đây tụng kinh thuyết pháp để yểm đảo quỷ, ma không kêu rú, hãi hại dân lành, cài đặt tên là động Am Tiên. Trong động, ngoài ban thờ Phật, còn có ban thờ đức Thánh Nguyễn Minh Không với ba chữ Hán trên ban thờ là "Hiên Thành Tử" (Miếu thờ hiền Thánh) và đôi câu đối: *Điêm Giang sinh hiên Thành. Hoa động tiếp thần cao* (*Điêm Giang sinh hiên thánh. Động Hoa Lư đón thần cao*).

- Viên Quang Tự và đền Thánh Nguyễn Minh Không - Quốc Sư triều Lý

Tên thường gọi là đền Thánh Nguyễn và *Viên Quang Tự*, thuộc hai xã Gia Tiên và Gia Thắng, huyện Gia Viễn, đối ngạn qua sông Hoàng Long với "Báu Ðính cô tự" do Thánh Nguyễn lập.

Đền Thánh Nguyễn thờ đức Thánh Nguyễn Minh Không, là người quê ngay bản xã. Đền còn thờ thân phụ, thân mẫu Nguyễn Minh Không ở nhà chính tâm. Dây vốn là chùa Viên Quang do đức Thánh Nguyễn lập nên ở quê nhà đê thờ Phật. Sau khi Thánh Nguyễn mất, nhân dân lập đền thờ Ngài ngay trên đất chùa. Chùa và đền nằm trên kiệu đất "*Tượng sơn chung đúc, ngưng thủy trường thành*" (*Núi Voi hon đúc nén, trước mặt có dòng sông uốn khúc*) được cho là long mạch địa linh nhân kiệt trong vùng. Hiện còn 5 gian phía Tây thờ Phật.

- **Động Hoa Lư** ở địa phận xã Uy Tế, nay thuộc xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn. *Gọi là động nhưng không có hang*. Đây là căn cứ ban đầu, thời ấu thơ cờ lau tập trận, sau này là nơi tụ nghĩa của nghĩa quân Hoa Lư do Đinh Bộ Lĩnh làm thủ lĩnh. Trong động có đền thờ Lý triều Quốc sư Nguyễn Minh Không (có tượng) và bức đại tự bằng gỗ, có 3 chữ Hán "*Hoa Lư động*" khắc trai, không đẽ niêm đai, cũng không được các nhà phong thủy cho là địa linh phát tích đế vương.

- **Chùa Dịch Lộng**

Dịch Lộng có nghĩa là *tiếng sáo thổi*. Vì khi đứng ở cửa động, gió thổi vào cửa động, nghe có tiếng vi vu như tiếng sáo. Tên làng Dịch Lộng và chùa Dịch Lộng là gọi theo tên này. Chùa còn có tên khác là Chùa Hang hay Cô Am Tự, động còn có tên là Nham Sơn.

Chùa và động Dịch Lộng nằm ở phái bắc xã Gia Thanh, cách cầu Khuổi 600m về phía tây, cách Báu Dinh về phía Bắc gần 20km, cách Hà Nội 80km về phía Nam.

Chùa Địch Lộng là một cụm kiến trúc chùa và đình. Chùa thờ Phật, đình thờ Thần.

Theo truyền thuyết, sinh thời, Nguyễn Minh Không thường điom đó ở Kẽm Trống (cách Địch Lộng 400m), giữa Kẽm Trống có một mỏ đá nhô lên là "núi đóm" của ông, hai bên Kẽm Trống và núi Rùa có 2 lốt chân khổng lồ trên đá, dân gian gọi đó là lốt chân Thánh Nguyễn. Lúc đầu, nhân dân thờ ông ở Gop Hồ, một cách núi đá ven núi Kẽm Trống, về sau mới rước về thờ ở đình Địch Lộng.

Chùa có 22 pho tượng Phật và Bồ Tát, có tượng phật Quan Tâm dạng nghìn mắt nghìn tay (thực tế 12 tay) và 1 tượng Quốc Sư Nguyễn Minh Không. Chùa và động Địch Lộng là một thắng cảnh nổi tiếng của Ninh Bình. Động đã được mệnh danh là "*Nam Thiên đệ Tam Động*" (động đẹp thứ 3 trời Nam) và cũng được các nhà phong thủy coi là vùng địa linh.

- Đèn Vực Vông

Đèn Vực Vông thuộc thôn Diêm Thượng, làng Chi Phong, xã Trường Yên - thuộc thành nội của kinh thành Hố Lư xưa. Đèn thờ bà Quận Mỹ, vợ thứ của Mỹ Quận Công Bùi Văn Khuê, người trong thôn, thời Lê Trung Hưng. Đèn làm trên một khu đất bên bờ sông Hoàng Long, trước cửa Vực Vông nên gọi là đèn Vực Vông. Phía sau đèn là núi Tru Sơn (núi Con Lợn), dãy núi phía đông bắc Bai Đính. Từ đèn Vực Vông lên Bai Đính 2km. Đèn

được lập từ đầu thế kỷ XVII, ngay sau khi bà Chúa Mỹ quận công Nguyễn Thị Niên tự vẫn sau khi trả nợ thù chồng, qua nhiều lần trùng tu có quy mô như hiện nay. Ngôi đền nổi tiếng linh thiêng từ lâu đời.

Bà Quận Mỹ tên thật là Nguyễn Thị Niên, là con gái Đại tướng quân Nguyễn Quyện thời Mạc, cháu nội Trạng Nguyên Nguyễn Thiến, quê ở làng Canh Hoạch (Thanh Oai, Hà Tây, nay thuộc Hà Nội). Bà đã lập mưu để giết chết Kế Quận công Phan Văn Ngạn để trả thù về việc Ngạn đã giết chồng bà là Mỹ Quận Công Bùi Văn Khuê. Sau khi giết chết Kế Quận Công Phan Văn Ngạn, bà sai chặt đầu, tẩm dầu đốt thành cây đình liệu, té trước mộ chồng, rồi gọi hai con trai là Quận công Bùi Thời Trung và Bùi Bắc Kiệm dặn bỏ nhà Mạc theo về phò vua Lê. Đoạn, bà nhảy xuống dòng sông Hoàng Long (nơi ngày nay có đền thờ bà) để tự vẫn. Nhân dân thương xót người phụ nữ trung trinh tiết liệt nên vớt bà lên mai táng và lập đền thờ. Đền có nhiều câu đối khắc vào cột đá để ca ngợi tiết hạnh của bà. Nhân dân địa phương lưu truyền một bài thơ nói là của vua Tự Đức (?) sau này viết riêng bà có câu như sau:

"...Giản Khâu nỗi lên gương tiết nghĩa,
Vực Võng gieo xuống gánh cương thường.
Một đứa tiết trinh lừng thiên hạ.
Ngàn thu để lại một tấm gương..."

Dền thờ và Lăng mộ Bà ngay sát đường đê Hoàng Long, cách chùa Bá Dinh độ 2km, xưa kia nổi tiếng linh thiêng.

- Chùa Bích Động

Ở thôn Đám Khuê, nay thuộc xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Động ở trên quả núi cao 130m. Tên động do Nguyễn Nghiêm đặt và cho khắc trên vách đá vào năm 1773. Động có 3 ngôi chùa là chùa Hạ, chùa Trung và chùa Thượng. Chùa xây dựng vào năm 1707. Cửa động phía Tây có 3 pho tượng Phật Tam Thế bằng đá uy nghi.

- Chùa Kim Cương và Tháp Hiển Diệu

Núi Tiên Long, tục gọi núi Tháp, ở thôn Áng Sơn, xã Ninh Hòa (huyện Hoa Lư), trên vách đá có khắc bia Đại Trị thứ 10, năm Dinh Mùi (1367), cho biết nhà sư Trí Nhu, người đã có công trùng tu ngôi chùa tháp Linh Tế trên núi Dục Thúy và tháp Hiển Diệu cùng Kim Cương ở trên núi Tiên Long. Hiện nay, chùa Kim Cương và tháp Hiển Diệu ở đây không còn. Năm 1981, các nhà khảo cổ học dào thám sát nền tháp nằm trên đỉnh núi Tiên Long đã tìm thấy rất nhiều mảnh gạch ngói vỡ và một số mảng kiến trúc đất nung, có mảng có hình rồng của thời Trần muộn. Họ đã khẳng định, vào thời Trần, tại đây vào ngôi chùa và tháp khá lớn như văn bia trên vách đá đã nêu. Người ta phỏng đoán theo truyền ngôn là, tại đây, *từ thời Đinh-Lê đã có chùa thờ Phật*. Nhưng năm tháng nắng mưa, chiến tranh, chùa không còn. Đến thời Trần chùa và tháp được xây dựng lại trên nền chùa cũ.

- *Đền Thái Vi*

Đền Thái Vi hay còn gọi là Điện Thái Vi ở thôn Văn Lâm, xã Ninh Hải (huyện Hoa Lư). Đền thờ 3 vị vua nhà Trần là Trần Thái Tông (1225-1258), Trần Thánh Tông (1258-1278), Trần Nhân Tông (1278-1293). Đền được xây dựng từ thời nhà Trần và tròn thành *Trung tâm Đạo giáo* thời Trần.

Như chúng ta đều biết, *trung tâm Phật giáo đầu thời Trần là Phố Minh* (Thiên Trường, Nam Định) và *ở giai đoạn giữa đến cuối Trần* (Từ Trần Nhân Tông: 1278-1293) là Yên Tử (Đông Triều, Quảng Ninh).

Một điều làm các nhà nghiên cứu đặc biệt quan tâm là, trên tấm bia đá và bài minh khắc trên quả chuông ở Điện Thái Vi (Văn Lâm, Ninh Hải) vào năm Hoằng Định thứ 5 (1605) do một người là Đinh Văn Miên, tự Đạo An. Tức đây là một đạo sĩ của Đạo giáo. Và một người soạn bài minh trên chuông vào năm Chính Hòa thứ 19 (1698), lại là Pháp Tịnh Chân Nhân. Chân Nhân là chื่c danh của Đạo giáo.

Đây là những minh chứng xác đáng *Điện Thái Vi (Văn Lâm)* là Trung Tâm Đạo Giáo của thời Trần, không phải là nơi thờ Phật.

Theo ý kiến của Giáo sư Trần Quốc Vượng thì, với việc phát hiện *Điện Thái VI (Văn Lâm)* là trung tâm Đạo giáo thời Trần, một lần nữa khẳng định, thời Trần, từ vua Thái Tông, đều giỏi Nho, sùng Phật và sùng Đạo. Nghĩa là tư tưởng Khoang Dung (Tolerance), một tư duy mà UNESCO hết sức đề cao, cho là chiến lược tư tưởng ở thế kỷ XXI.

Những dấu tích Phật Linh thời Dinh-Tiền Lê chúng minh Phật giáo thời kỳ này đã phát triển, kinh đô Hoa Lư là trung tâm Phật giáo và các vùng phụ cận có nhiều chùa chiền nổi tiếng. Động trên đỉnh Bai Dinh đã có chùa hay đèn thờ Thần Cao Sơn từ thời Dinh-Tiền Lê chùa thì chưa đủ tài liệu để khẳng định. Song, xung quanh chân núi Đinh, các làng xóm đã có đèn, chùa. Ở Sinh Được đặc biệt có ngôi chùa mang cái tên khá kỳ lạ- **Chùa Đà A** hay có người gọi là **chùa Đà ha**. Có người cho rằng danh từ Đà A/Ha là tên chùa do vị sư người Chiêm Thành lập nên để tu vào thời Dinh-Lê. Nếu đúng như vậy thi phải chăng đây là ngôi chùa của sư Ma Ha, có pháp danh là Ma Ha Ma Ya (chúng tôi đã đề cập tới ở phần trên) dựng lên để tu hành từ thời vua Lê Đại Hành? Ngôi chùa Đà A/Ha đã bị hư hại, nay chỉ còn nền móng và một số viên đá kê chân cột. Tượng Phật cũng chỉ còn một pho tượng Bồ Đề Đạt Ma- vị sư Ân Độ trở thành Tổ thiền tông thứ nhất của Trung Hoa, đồng thời là Tổ sư của Thiếu Lâm võ thuật (chùa Bút Tháp ở Bắc Ninh cũng có pho tượng Phật này) và tượng vị sư Tổ, người ta cho là vị sư sáng lập ra chùa Đà Ha (người Chiêm Thành) đang thờ trên núi Đinh.

Cũng theo tài liệu khảo cổ dưới chân đồi Phù Lãng (thôn Xuân Trì, xã Giao Sinh, ngay dưới chân núi Bai Dinh) thờ *Duyên Khang công chùa* và *Trường Quốc công chùa* vào mùa nước cạn xuất lộ via gạch ngói dạng gạch thắt (xây thành), gạch vuông (lát nền) có trang trí hao sen, đầu ngói ống trang trí hoa súng, giúp ta nhận biết, dưới thời Dinh-Tiền Lê cách ngày nay khoảng hơn một ngàn năm, nơi đây có những công trình kiến trúc qui mô, có lẽ là đèn, chùa.

Làng Sinh Dược cung có nhiều đền chùa thờ tự được xây dựng từ lâu đời như: Đền thờ Đức Thánh Nguyễn, đình Chợ (chợ Sinh Dược cũ), chùa Đà A/Ha, đền Bóng thờ quan Đề Tú, đình Trung thờ Quý Minh Đại Vương là Thành Hoàng, văn chi thờ Đức Không Tử trên đỉnh núi làng Đồi, Đền Tư, Đền Mom...

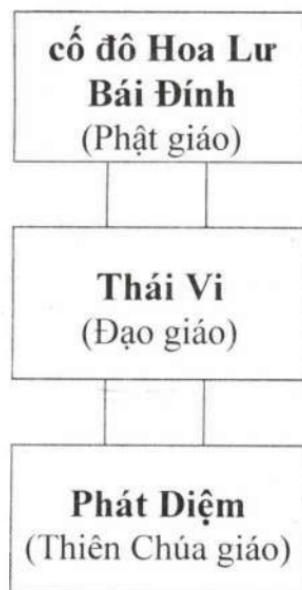
Chín làng Lê bên cạnh làng Sinh Dược cũng có nhiều đền chùa được lập lên thờ tự từ lâu đời như chùa Hạ làng Lê Hạ; làng Lê Thượng, Lê Trì có đền thờ đức Thánh Cao Sơn và bà Chúa Lê triều làm Thành hoàng. Làng Lương Sơn còn đền BA Cây thờ bà Chúa Lê triều Kim Anh Từ Hòa Công Chúa, đền Thánh Quận thờ Lễ Quận công Bùi Thời Trung (Con trai Quận công Bùi Văn Khuê), đền núi Thanh Lương thờ bà Chúa Bạch (Mẫu Liễu Hạnh Công chúa), đền Cây Chò thờ Thánh Cao Sơn. Từ khi còn ở làng Ao Hạ, dân làng Xuân Trì đã xây dựng đền Hàng Xóm thờ quan bản thô, tiếp đến là đền Đầu Gèn ở núi Phượng thờ Thượng thượng đẳng thần, chùa Quai Thao ở núi Độc thờ bà Chúa Quai Thai, Phú Lãng thờ hai Công chúa nhà Trần...

Như vậy, *chùa Báu Đính có là đỉnh cao của diên xướng lễ hội tâm linh dân gian trong vùng từ ngàn xưa với không gian đầy đặc các đền, chùa miến mạo. Nay chùa Báu Đính mới được xây dựng càng làm cho báu Đính tung bừng và phong phú thêm các diên xướng lễ hội và tâm linh vốn đã có từ ngàn năm nay trên dải đất "long chầu hổ phục" này.*

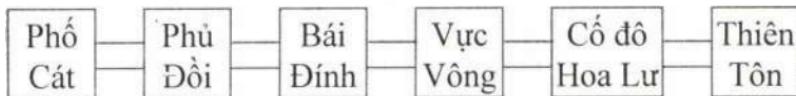
Không gian thiêng: Trục thiêng Đông - Tây và trực thiêng Nam - Bắc

Chùa cổ trên động Phật núi Báu Đính và chùa Báu Đính mới không những nằm trong Trung tâm Phật giáo thời Đinh - Tiền Lê và trong không gian thiêng như đã trình bày ở trên mà một điều vô cùng đặc biệt và hết sức lý thú là nó lại nằm trong trực thiêng Nam - Bắc và trực thiêng Đông - Tây trong vùng.

- **Trục thiêng Nam - Bắc** đó là cố đô Hoa Lư: *Trung tâm Phật giáo thế kỷ X - Báu Đính: Trung tâm tâm linh Phật giáo đầu thế kỷ XXI* thờ Phật - Thần - Tiên trên đỉnh Báu Đinh Sơn. **Thái Vi** (Văn Lâm): *Trung tâm Đạo giáo thời nhà Trần thế kỷ XIV*. Nhà thờ Thiên Chúa giáo **Phát Diệm**: *Trung tâm đạo Thiên Chúa giáo thế kỷ XIX*:

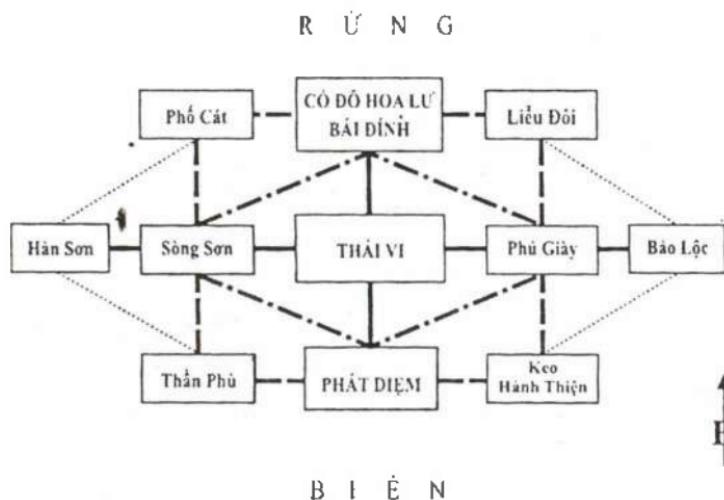


- **Trục thiêng Đông-Tây** là: **Thiên Tôn**: thờ Thần (Thiên thần) - **Cố đô Hoa Lư**: thờ Phật-Thần (nhân thần: Vua Đinh - vua Lê và các yếu nhân cung đình Hoa Lư như Thái Hậu Dương Vân Nga, Đinh Liễn, Đinh Toàn, Đinh Hạng Lang, Lê Ngọa Triều...). **Vực Võng**: thờ Mẫu (Mỹ Quận công phu nhân). **Bái Đính**: thờ Phật-Thần-Tiên. **Đền Phù Đổi và Phố Cát**: thờ Mẫu (Liễu Hạnh). Như vậy, Khu Trung tâm tâm linh **Bái Đính** vừa là *tâm điểm*, *vì là giao điểm của hai trục thiêng này*, cũng là *tâm điểm* của phong tục, truyền thống thờ 3 đạo: **Phật-Thần** (đạo giáo) và **Tiên** (đạo Mẫu):



Dáng chú ý là, **Trung tâm tâm linh Bái Đính** đã tạo nên sự *đang đối, hài hòa* tục thờ *cùng truyền thống*, nhất là, *đã tạo nên sự *đang đối* vừa *ngẫu nhiên**, lại *vừa như* *tiến định* ba đạo lớn trong tín ngưỡng dân gian của người Việt từ lâu đời là **đạo Phật, đạo Giáo và đạo Thiên Chúa** trong vùng đất Cố đô cổ nói riêng và mờ rộng hơn lên là cả châu thổ Bắc Bộ. Đó là Phù Giày (Mẫu) và Bảo Lộc (Thánh) (thuộc Nam Định), Liễu Đôi (Hà Nam) (Thần và tín ngưỡng dân gian) và Bắc Thanh Hóa và đền Sòng Sơn (Mẫu) và Hàn Sơn (Tam tòa-Tứ phủ). Trung tâm tâm linh Phật giáo Bái Đính ở vùng núi-rừng: *tương dương*. Trung tâm tâm linh Thiên chúa giáo Phát Diệm ở vùng biển (nước): *tương ảm*. Như vậy khu Tâm linh Bái Đính không

những tạo nên sự dăng đối tâm linh hai đạo giáo lớn trên đất Ninh Bình mà còn tạo nên *sự cân bằng âm - dương* theo triết học cổ, lấy Trung tâm Đạo giáo Thái Vi làm tâm điểm dăng đối và cân bằng của trục thiêng Nam Bắc. Để dễ hình dung, xin mô hình hóa trục thiêng Đông - Tây và Bắc - Nam và Báu Dinh là đỉnh điểm của “*Tứ giác thiêng*” vùng *Thanh - Ninh - Nam - Hà* kỳ thủ của hai trục thiêng trên phạm vi Nam đồng bằng Bắc Bộ:



Ở đây, ta nên hiểu thông nhất khái niệm “*Trục Thiêng*” là *không gian thiêng liêng rộng lớn* chạy theo mạch núi, mạch sông kỳ vĩ và mạch đất linh theo thuyết phong thủy cổ chứ tuyệt nhiên không phải là một đường thẳng như mô hình. Mô hình trên chỉ để cho chúng ta dễ hình dung mà thôi.

Như vậy, xây dựng Báu Đính trở thành Trung tâm tâm linh Phật giáo đã hội tụ đủ những điều tốt lành nhất: Giao điểm của trục thiêng Đông-Tây và Nam-Bắc, nằm trong Trung tâm Phật giáo từ thời Đinh-Tiễn Lê và không gian thiêng liêng của các thế kỷ tiếp đó, nhất là đã được vị Quốc sư Nguyễn Minh Không danh tiếng lẫy lừng thời nhà Lý khai sáng đất Phật nơi đây. Một khác, núi sông nơi đây tụ khí, tụ thuỷ, đúng như Thánh Nguyễn nói “Trạch đặc long xà địa khả cự” (Chọn được thế đất long xà có thể để ở tốt), đất tu nhân tâm, địa linh nhân kiệt như câu thơ vua Lê Thánh Tông đề trên đình núi Báu Đính “Nhân kiệt địa linh chung vượng khí” (Người giỏi đất linh nên tạo ra vượng khí cho nơi đây), là địa bàn chiến lược trong công cuộc dựng nước và giữ nước oanh liệt của cha ông ta qua bao thời đại. Khu Tâm linh Báu Đính lại nằm giữa Trung tâm các di tích, danh thắng nổi tiếng của Ninh Bình: quần thể các di tích lịch sử Cố đô Hoa Lư, khu sinh thái Tràng An với bao hang động kỳ tú, suối nước nóng dưỡng sinh Kênh Gà, khu sinh thái nước ngập Vân Lòng, rừng nguyên sinh Cúc Phương. Thực là đặc địa!

Phát tích từ ngàn năm trước, phải một ngàn năm hoài thai, chung đúc, trải bao độ tang thương, hưng phế mới có cảnh tượng Bồng Lai-Thiên Trúc trên dải đất linh thiêng, núi gối đầu sông, mây vờn non đдинh như hôm nay! Tạo hóa đã ban tặng phong cảnh sơn kỳ thủy tú cho con người và chính con người lại góp phần tôn vinh và làm đẹp thêm phong cảnh của tạo hóa. Đất có Phật-Thần-Tiên mà thêm linh. Phật-Thần-Tiên nhờ đất mà có nơi phát tâm bồ đề, cứu độ sinh linh. Công đức cao dày càng vun

dấp càng cao, hơi thở càng thủng nâm nổi tiếng và trường tồn cùng sông núi!

3- Chùa Báu Dinh mới tọa lạc trên vùng đồi đặc địa

Dể phân biệt với ngôi chùa cổ trên động núi Báu Dinh, gọi là *Báu Dinh cổ tự* (chùa Báu Dinh cổ) - do Thành Nguyễn lập từ ngót ngàn năm trước, nay các phật tử xây dựng chùa mới trên triền đồi dưới chân Báu Dinh Sơn, gọi là "*Báu Dinh tân tự*" (chùa Báu Dinh mới).

Không gian thiêng của tâm linh Phật giáo là không gian ngôi chùa. Ngôi chùa của người Việt miền Bắc là chùa theo Phật giáo Đại Thừa, nên không gian thiêng trước hết là tên gọi của ngôi chùa. Như tên chùa Phật Tích (dấu tích của Phật Như Lai), chùa Tây Phương (cõi Tây Phương cực lạc), chùa Phổ Giác (giác ngộ theo Phật), chùa Diên Hựu (Diên = kéo dài, Hựu = diêm lành, phù trợ)... Nay chùa mới xây dựng vẫn lấy tên **Chùa Báu Dinh** là hàm ý tiếp nối không gian tâm linh và diễn xướng lễ hội **Phật-Thần-Tiên** từ ngàn xưa đã diễn ra trên đất và ngọn núi linh thiêng này như trên đã phân tích và lý giải.

Không gian tâm linh còn biểu hiện ở chọn thế đất lập chùa. Đạo Giáo thì gọi là *cánh sắc*. Thành Nguyễn nói "*Trạch đặc long xà địa khà cư*". "Long" = Rồng=dương. "Xà = Rắn= Luồng Âm Dương. Chọn được thế đất có âm có dương là dài đời "có thể ở được tối" như lời Thành Nguyễn nói. *Chùa Báu Dinh* có trên núi là tượng dương. *Chùa mới* dưới chân núi là tượng âm. Âm dương *hương hợp, khai minh, khai thái*.

Chùa Báu Dinh cũ trên đòng núi quay hướng chính Bắc. **Chùa Báu Dinh mới** tọa lạc trên triền đồi Ba Rau huyền thoại, phía Đông Bắc chân núi Báu Dinh, chùa tọa Nam nhìn hướng chính Bắc là trạch Tốn. Hướng cửa các Diện lóm trong chùa cũng chính Bắc là sinh khí, rất tốt. Chùa xây dựng theo thuyết phong thủy có “Tiền thủy hậu sơn”, phía trước lấy cận Minh đường là hồ Đàm Thị, viễn Minh đường là sông Hoàng Long. Núi Phường, núi Tháp, núi Hang Trai tạo thành chữ “tâm” làm Tiền án; tả Thanh long là khu đồi Ba Rau, hữu Bạch hổ là núi Báu Dinh, xa hơn về phía Đông Nam là núi Mắt Rồng; hậu bối là núi Thung Bình.

Người Việt chọn đất dựng chùa chẳng phải chỉ để hướng về cõi hư vô, mà còn hướng về nơi sinh sôi phát triển. Đất tốt theo quan niệm phong thủy cổ truyền phải là đất bên trái trống không, hoặc có sông ngòi, ao hồ bao bọc; bên phải cao dâng có hình hoa sen, tràng phướn, lọng báu hoặc có hình rồng, phượng, quy, xà châu báu. Trước mặt có minh đường; phía sau không có núi áp kề là đất tốt. **Chùa Báu Dinh mới đã chọn được “đắc địa” tuyệt vời** như thế! Chùa Báu Dinh lại chọn được “*Cánh có dù bốn diều: Một là Nước; hai là Hoả; ba là Lương; bốn là Rau*”. Cánh không gần nhân gian mà cũng không xa nhân gian. Vì gần thì ồn ào, mà xa thì cô quạnh, không ai giúp đỡ. Cánh có thể trú, là chỗ yên nghiệp có thể dưỡng nhân, nuôi tinh, tâm linh sáng suốt, trường dưỡng thành thời, dễ được dưỡng đạo, ấy là cầu cánh”. Đồi chiêu, lại thêm một chuẩn mực hết sức trọng yếu nữa chùa Báu Dinh chọn được *cánh xác và thế đất “đắc địa” tuyệt vời!* **Không gian**

linh thiêng trên đây vừa đời, vừa đạo. **Đời ở chỗ:** Bên trái trống không, theo triết học cổ phương Đông “vô cực sinh thái cực”, có nghĩa là vật chất từ không thành có. Sông, hồ, ao ngòi là nước - yếu tố khởi nguyên sự sống. Bên phải có rồng, phượng, quy, xà là hội đủ âm dương, điều kiện cần và đủ cho sự sống sinh sôi, phát triển. **Đời** còn biểu hiện có lương thực, rau, nước, lửa để duy trì sự sống nhân gian. **Đạo** là ở chỗ: Phía trước có minh đường (là nơi nước tụ lại) cũng tốt. Phía sau không có núi áp kề là không có dương, hàm ý chỉ cầu âm (vô sinh) theo quan niệm của đạo Phật. Chùa cần yên tĩnh thì phải xa dân. Báu Đính vừa có dân vừa không quá gần dân để có không gian tĩnh độ.

III. CHÙA BÁI ĐÍNH MỚI - MỘT CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC HOÀNH TRÁNG, KỲ MỸ VÀ NHỮNG PHO TƯỢNG PHẬT, ĐỒ TẾ TỰ VỪA LỚN, VỪA ĐẸP VÀO BẬC NHẤT VIỆT NAM

Theo quy hoạch, chùa Báu Đính mới bao gồm cả khu vực rộng lớn gồm nhiều hạng mục công trình được gọi chung là “**Khu Tâm Linh Phật giáo Báu Đính**” diện tích *tổng thể* $30.000m^2$ với trên 20 hạng mục công trình. Trong đó: *Điện thờ Tam Thế* $2.053m^2$; *Điện thờ Pháp Chu* (Thích Ca Mâu Ni) $2000m^2$; *Điện thờ Quan Thế Âm Bồ Tát* $676m^2$; *Điện thờ 500 vị La Hán* $12.000m^2$. Các công trình phụ trợ khác $13.270m^2$. Trong đó có các khu phụ trợ khác như *Công viên Văn hóa và Học viện Phật giáo* $30,28ha$; *khu đón tiếp và công viên cảnh quan* $15ha$, *khu hồ Đàm Thị và hồ Phòng Sinh* $143,70$ ha, *khu cây xanh cách ly và bao tần* $121,03$ ha. Lại còn có cả đường bê tông rộng lớn đi vòng quanh núi Báu Đính và các hạng mục công trình Tâm linh Báu Đính để có thể thường ngoạn toàn bộ phong cảnh núi sông hữu tình, kiến trúc đồ sộ, kỳ mỹ của khu tâm linh.

Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo chương trình mục tiêu phát triển du lịch.

Chủ đầu tư xây dựng chùa: Doanh nghiệp xây dựng **Xuân Trường** (Ninh Bình) và nguồn vốn do các tăng ni, phật tử hảo tâm trong & ngoài nước tiến cúng.

Quy hoạch chùa: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.



*Phat Thich Ca Mau Ni
Tượng đồng, nặng 100 tấn, lớn nhất Việt Nam.
đặt tại Điện Pháp Chủ, chùa Bản Đinh mới, tỉnh Ninh Bình*

Cố vấn thiết kế: Gs. Ts. KTS. **Hoàng Đạo Kính.**

Chủ trì thiết kế: Ths. KTS. **Hoàng Đạo Cương** và KTS **Nguyễn Bá Tuấn.**

Chùa được xây dựng theo độ dốc “soi gương” cao dần theo trục thần đạo từ Tam Quan đến điện Tam Thế, theo kiểu “nội công ngoại quốc”, các kiến trúc chính như Tam Quan, gác chuông, điện Phật Quan Âm, điện Pháp chủ và điện Tam Thế theo kiến trúc ngôi chùa cổ truyền Việt Nam: Nhà 4 mái, 2 đền 3 tầng mái, các góc đao đều uốn cong đuôi phượng. Nhìn tổng thể ta thấy vẻ hoành tráng, đẹp đẽ, kỳ mỹ và cũng vô cùng quen thuộc như những ngôi chùa làng quê thường gặp. Từ phía Cố đô Hoa Lư nhìn khu chùa Báu Đinh như một bức tranh thuỷ mặc lớn treo nghiêng trên sườn đồi xanh thẳm. Núi Báu Đinh như một cái đỉnh chốt khổng lồ treo bức tranh tâm linh tuyệt mỹ và kỳ vi đó.

Chùa Báu Đinh mới gồm nhiều hạng mục công trình lớn nhỏ, những công trình kiến trúc chính với quy mô và dáng diện đồ sộ từ ngoài vào, từ dưới lên là: Tam quan, Tháp chuông, Điện Quan Thế Âm, Điện Pháp Chủ, Tháp Bồ Đề, Điện Tam Thế... Trong các toà Điện, Tháp lại đặt những pho tượng Phật, chuông đồng lớn chưa từng có ở Việt Nam.

Trong kiến trúc gỗ cổ của người Việt, đình chùa bao giờ cũng tạo 4 mái: hai mái chính và hai mái chái. Không những nó tăng diện tích sử dụng và mát mẻ cho kiến trúc, còn mang ý nghĩa thiêng liêng triết học: 4 mái là tứ tượng, thêm nó là ngũ hành. Nếu kiến trúc vươn lên chồng diêm

hai tầng, thi 8 mái bát quái, thêm một nóc là cùu trù. Nếu ba tầng như gác chuông chùa Keo (Thái Bình) và toà Cửu phẩm liên hoa chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) thi 8 mái dưới là bát quái, 4 mái trên và nóc là ngũ hành.

I. Tam quan: lớn nhất Việt Nam

Cùng với sự vươn cao của gác chuông, Tam quan (Ba cửa: *Cửa giới*: giữ trọn những điều giới luật; *Cửa định*: Tập trung thanh lọc tâm; *Cửa tuệ*: tu Phật phải trí tuệ, sáng suốt) của ngôi chùa cũng được đặc biệt chú ý kiến trúc độc đáo, bè thê để gây ấn tượng mạnh cho các phật tử trước khi bước vào đất Phật. Tam quan cũng là ba cửa: Khô, Vô thường, Vô ngã. Dưới con mắt của người thường thì Tam quan chỉ có nghĩa là ba cửa. Nhưng với nhà tu hành thì Tam quan là ranh giới giữa cõi thiêng và cõi tục, là ngưỡng cửa thiêng liêng, siêu thoát, là lục thanh thán về với cõi vĩnh hằng.

Tam quan chùa Bá Dinh mới có hình dáng “lóng tần”, xây dựng theo kiểu chồng giường, gồm 3 tầng mái cong, mỗi tầng 4 mái, 2 tầng dưới 8 mái là bát quái, tầng trên 4 mái và nóc là ngũ hành, mái lợp ngói ống nâu sẫm. tiền bây, hậu bây, xà nách, cao 16,50m, chu vi 32,0 x 13,5m, tất cả bằng gỗ từ thiết:

- 4 cột cái, mỗi cột cao 13,85m, đường kính 0,87m, nặng gần 10 tấn.
- 4 cột trung mỗi cột cao 11,0m (cao bằng cột cái ở nhà thờ Phát Diệm), đường kính 0,75m.

- 16 cột con xung quanh, mỗi cột cao 5,00m, đường kính 0,65m.

Tất cả các cột đều được kê trên tầng đá vuông theo kích cỡ từ cột cái, cột trung, cột con với kích thước cạnh thứ tự 1,40m, 1,20m, 0,90m.

Dầu dao cửa mái Tam quan cong như hình đuôi chim phượng. Nóc Tam quan là 2 dầu kim châu mặt nguyệt. Tầng ba Tam quan, gian giữa, phía trước và sau chạm thuông phong phù điêu lớn, xung quanh là hoa văn mây vân vũ, giữa là bánh xe pháp luân (biểu tượng sự chuyên vận không ngừng của Phật pháp và cũng là cửa Trời-Dất theo triết lý Đạo Phật).

- Các cánh cửa Tam quan đều làm bằng gỗ lim, mỗi cửa 4 cánh, đều chạm đục "*thương song hý kép – thông phong - hụ han*".

Xây dựng Tam quan đã sử dụng hết 550 tấn gỗ tròn.

Hai gian phụ Tam quan đặt tượng 2 ông Hộ Pháp bằng đồng, mỗi pho cao 5,50m, nặng 12 tấn và 8 tượng Kim Cương (Vajrapani) - bát bộ Kim Cương - là 8 võ sĩ Thiên thần bảo vệ Pháp luật. Gọi là Kim Cương vì theo Kinh Phật, các vị đều có tâm can sảng - trong - cứng rắn như kim cương, lại cầm chuỷ kim cương. Ở các ngôi chùa cổ Việt Nam, bát bộ kim cương thường được tạc bằng gỗ mít, đặt 2 bên toà Tiên đường, tất cả mặc võ phục, cầm vũ khí, đứng tần, múa vũ. Ở chùa Báu Dinh mới, các vị được đúc

bằng đồng, mỗi vị nặng tới 8 tấn, được “bố trí” đứng ngay từ công Tam quan cùng 2 vị Hộ Pháp, để biểu hiện sự hộ trì cho giáo pháp (giáo lý của Phật).

Phía sau dãy Tam quan là 2 dãy tòa nhà gỗ song song nối liền nhà hành lang La Hán, theo lối kiến trúc cổ, mỗi tòa 16 gian, dài 70.00m (mỗi gian rộng 4.50m).

Tam quan *Chùa Bai Dinh* mới đồ sộ, hoành tráng, tạo cho người ta cảm giác thế giới tâm linh đức Phật lớn lao, choáng ngợp, huyền diệu, ai ai cũng tĩnh tâm, tự tâm, tu thân trước khi vào đất Phật.

2. Tháp chuông và chuông đồng lớn nhất Việt Nam

Khác với Tam quan xây dựng hoàn toàn bằng gỗ từ thiết. Tháp chuông được xây dựng bằng *kỹ nghệ công nghiệp hiện đại*, bê tông cốt thép giàn gỗ, hình dáng phỏng theo các tháp chuông những ngôi chùa cổ đồng bằng Bắc Bộ. Trong không gian ngôi chùa nội công ngoại quốc, biểu tượng thiêng liêng được Phật giáo đặc biệt chú ý, đó là *sự vuông cao của gác chuông*. Theo quan niệm của nhà Phật, chuông chùa càng ngân vang xa bao nhiêu, thì sự từ bi của đức Phật càng lan toả, thẩm sâu vào chúng sinh bấy nhiêu. Sự thiêng liêng của gác chuông nhà chùa là, chiều chiều ngân lên 108 tiếng chuông nhà chùa đóng da, xua đi 108 điều phiền não ở mỗi con người. Sự phiền não ấy ở mỗi con người theo ba kiếp: Quá khứ, Hiện tại và Tương lai: 108 điều phiền não = 6 căn (mắt, mũi, tai, lưỡi, thân, ý) + 6 trần (sắc, hương, thanh, vị, xúc, pháp) × 3 kiếp × 3 ái欲

(ái dục tình dục; ái dục vật chất; ái dục khoái lạc). (Vòng tràng hạt cũng có 108 hạt, tượng trưng cho 108 điều phiền não, lần đi đáo lại như kiếp luân hồi nỗi khổ kiếp người Sinh-Lão-Bệnh-Tử không bao giờ dứt).

Tháp chuông chùa Báu Đính mới hình bát giác, có 3 tầng mái cong, thu dần lên đỉnh tháp, tổng cộng 24 mái, lớp ngoài ống tráng men màu nâu sẫm. 24 đao mái cong vút, có hoạ tiết hoa lá dây leo, mỗi mái cao 4,65m, dưới đắp các hoạ tiết cao 2,30m đỡ chân đao. Mỗi tầng 16 cột (8 cột cái và 8 cột con). Tầng 1 cột cái cao tới 16,00m, đường kính 0,80m. Cột con cao 8,00m, đường kính 0,70m. Chóp tháp chuông hình búp sen, cao 3,50m, toàn bộ tháp chuông cao 18,25m, đường kính 17,00m, tính cả chân đế là 49,00m. Tháp chuông là *hình tượng bông sen cách điệu không lò*, bông sen là biểu tượng của Phật. Tiếng chuông vàng ngân lên từ bông sen không lò này gợi sự liên tưởng âm thanh du dương, lan toả như hương sen thanh khiết, tượng trưng phẩm chất và đạo đức của đức Phật, vừa ru, vừa duy dưỡng tâm tính thế nhân.

Trên một quả chuông mới đúc, có trọng lượng 28 tấn, sẽ treo ở Tháp bút trên đỉnh đồi của chùa Báu Đính, (hiện đang đặt trước san Điện Pháp Chủ), có đôi câu đối chữ quốc ngữ đúc nổi trên thân chuông thể hiện ý niệm thiêng liêng “đại giác” đó của Phật pháp như sau:

- “*Nương theo chân Phật pháp, vượt qua vùng vũ trụ. Trời-Thần-Người đều tinh ngô trong tiếng chuông thức tỉnh đạt Niết Bàn*”.

- “*Nguyện xin chuông đại hùng vang vọng biển Phúc âm, cho chúng sinh hừng cơn mộng, nghe âm thanh giác ngộ đến Bồ Đề*”.

Tháp chuông chùa Báu Đính mới có cấu trúc tương tự tháp chuông chùa Keo (Thái Bình), nhà thờ đá Phát Diệm: có cầu thang đi lên gác chuông cao 6,90m ở 8 phía. Tháp được treo “*đại hồng chung*” bằng đồng, nặng 36 tấn, do các nghệ nhân thành phố Huế đúc. ***Đây là quả chuông đã được Trung tâm sách kỷ lục Việt Nam (Viet Nam Records book center) cấp bằng ngày 12-12-2007 xác lập kỷ lục “Đại hồng chung lớn nhất Việt Nam”***. Khi đánh phải dùng chày kinh dài hơn 4m, đường kính 0,30m, nặng gần 5 tạ bằng gỗ từ thiết!

Chuông được luyện pha vàng lại treo trên tháp cao một sườn đồi của vùng núi sông kỳ vĩ, nên khi chuông ngân lên, tiếng chuông âm vang, đồng vọng từ các hang động, vách núi, khiến người nghe như từ thịnh không vọng xuống, từ thập phương Phật vọng về. Cách xa hơn 10km vẫn nghe thấy tiếng chuông ngân nga, âm vang lan toả.

3. Điện Quan Thế Âm Bồ Tát: Pho tượng Phật Quan Thế Âm bằng đồng lớn nhất Việt Nam

Từ tháp chuông, đi qua thám cò là tới Điện Quan Thế Âm Bồ Tát. Nhìn từ bên ngoài, Điện được xây dựng trên triền đồi cao hơn tháp chuông và Tam quan, hình dáng “lộng tàn”, kiến trúc kiều chòng giường, tiền báy, hậu báy (giống như Tháp chuông), xà nách, cột chôn, góc kê chuyền. Mái kiến thiết 2 tầng kiều 4 mái (bát quái), lợp

ngói ống tráng men nâu. Diện cao 14.80m, chu vi 40,41m × 16.80m, có 7 gian: 5 gian chính, gian Trung đường rộng 6,60m, mỗi bên 2 gian, mỗi gian rộng 6,00m; 2 gian chái mỗi gian rộng 4,20m; 5 gian giữa phía trước lắp cánh cửa lim cao 2,50m, rộng 0,94m; 2 gian chái cánh cửa hẹp hơn, rộng 0,84m; chạm khắc và trang trí giống cánh cửa Tam quan: "Thượng thông phong, song hý kép, hạ bàn".

Trong diện có 2 hàng cột cái, mỗi hàng 16 cột, cao 11,80m, đường kính 0,70m. Xung quanh có 24 cột, cao 4,80m, đường kính 0,56m. Các cột đều bằng gỗ tứ thiết, kê trên các tầng đá vuông, cột cái 1,30m và cột con 1,05m, đều chạm khắc hoa sen. Vì kèo, xà ngang, dọc đều bằng gỗ tứ thiết. Tầng mái thứ 2 của Điện được dựng 20 cột con (cột chấn), đường kính 0,60m, được đỡ bằng các xà nách to, cũng bằng gỗ tứ thiết. Ở những chỗ lồi lõm của kèo, bảy bài trí những bức gỗ chạm bong, chạm lộng các hình hoa lá, hoa văn nghệ thuật chạm trồ tinh xảo.

Gian Trung đường đặt 1 sập thờ "*chân quỳ dạ cá*" chạm bong, thông phong hình tứ tinh, hoa lá bằng gỗ dài 4,79m, rộng 2,35m, cao 1,27m, các đồ tế tự đều bằng đồng.

Điện Quan Thế Âm Bồ Tát được xây dựng hoàn toàn bằng gỗ tứ thiết, trông dáng vẻ uy nghi, bề thế, hết độ 900 khối gỗ tròn.

Gian chính điện đặt tượng Quan Thế Âm Bồ Tát "*Thiên thủ thiên nhãn*" (nghìn mắt nghìn tay) bằng đồng đát vàng,

nặng 80 tấn, là *pho tượng Quan Thế Âm Bồ Tát bằng đồng lớn nhất nước ta*. (Tượng cao 5,40m, toà sen bằng đồng cao 0,90m, đầu rồng cao 2,07m, tượng dày 3,60m. Nếu tính cả bệ thờ thì trọng lượng gần 100 tấn đồng).

Phật Bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay vốn là một nhà tu hành bình thường nhưng giàu lòng từ bi bác ái. Ngài đã tu hành chính quả, được lên cõi Niết Bàn sau những năm tháng tu luyện dài lâu, khổ hạnh. Người vẫn nghe vang vang tiếng than khóc của chúng sinh dưới cõi trần gian đầy nước mắt, nên Ngài không dành lòng an hưởng hạnh phúc trên cõi Niết Bàn mà quay xuống trần gian để cứu vớt chúng sinh. Để có thể vươn lên tới khắp cõi trần, Ngài hoá thân mọc thành ngàn cánh tay (*thiên thủ*), để có thể nhìn thấu mọi chỗ khổ đau của kiếp người, Ngài mở ra nghìn con mắt (*thiên nhãn*) ở lòng bàn tay.

Pho tượng này ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) là đỉnh cao nhất của nghệ thuật điêu khắc cổ Việt Nam, tạc vào năm 1656 (thời Lê – Trịnh) bằng gỗ mit sơn son thiếp vàng, cao 3,70m, 42 tay lớn, gần 1000 tay nhỏ, trong mỗi lòng bàn tay là 1 con mắt. Tượng Ngài ngồi trên toà sen được một con rồng đội lên khỏi mặt biển cuộn sóng.

Pho tượng Quan Thế Âm Bồ Tát ở *Chùa Bá Dinh* mới có khuôn mặt to, sáng, sau 2 bên Phật có mặt nhỏ quay ra 2 bên, đầu đội mũ Phật 3 tầng xếp chồng, trên đó có 8 mặt Phật nhỏ nữa và 1 tượng Phật nhỏ ngồi trên đỉnh cao nhất. Hai bên trái và phải phía toà sen trước tượng có 42 cánh tay: 2 tay chắp trước ngực, 2 tay bắt chéo đê trên lòng,

mỗi bên có 18 cánh tay xoè ra như hào quang. Phía sau tượng Quan Thế Âm Bồ Tát là một lá sen lớn bằng đồng mạ vàng có hình tròn, đường kính rộng 5,50m và 16 vòng tròn to nhỏ đồng tâm, trang trí hoa văn, nhô ra 958 cánh tay nhỏ, mỗi cánh tay dài 0,60m, có hình con mắt. Trên cao, ngọn lá đề lại có 2 mặt tượng nữa. Pho tượng Quan Thế Âm bằng đồng ở đây cũng là pho tượng có giá trị cao về nghệ thuật đúc đồng hiện đại của nước ta.

4. Điện Pháp Chủ: Pho tượng Phật Thích Ca Mâu Ni bằng đồng nặng 100 tấn, lớn nhất Việt Nam

Từ Điện Quan Thế Âm Bồ Tát, theo trực Thần đạo là đến Điện thờ Pháp chủ. Gọi là Điện thờ Pháp Chủ vì ở đây thờ Phật Thích Ca Mâu Ni, người sáng lập ra đạo Phật, nên người ta gọi là Thích Ca Pháp Chủ hay Thích Ca Giáo Chủ. Tức người là Pháp Chủ – Giáo Chủ của thế giới Sa-bà-thế giới của chúng sinh.

Thích Ca Mâu Ni

Gần ba mươi năm thế kỷ về trước, dân tộc A-ly-an (Aryen) thâu phục nước Ấn Độ và chia dân chúng ra bốn bậc:

1. Chủng tộc Bà-la-môn (Brahmana), tức là các đạo sĩ học hành uyên bác, giỏi hạnh đoan nghiêm, văn hoá - học thuật của dân tộc đều ở trong tay các bậc này cả.
2. Chủng tộc Sát đề lỵ (Ksatriya), tức là dòng dõi vua chúa.
3. Chủng tộc Phệ xá (Vaisya), tức là hạng buôn bán bình dân.



Phật Hiền Tài, tượng đồng, nặng 50 tấn, một trong 3 pho tượng Tam Thế Phật, đặt ở Điện Tam Thế, chùa Bái Đính mới, tỉnh Ninh Bình.
Là một trong ba pho tượng đồng Tam Thế lớn nhất Việt Nam

4. Chủng tộc Thủ đà la (Soudra), gồm những dân tộc tựi tớ lao động.

Ngoài ra lại còn một chủng tộc là Ba-la-a (Pariahs), tức là những người cung khố.

Theo luật Bà-la-môn thì chỉ có ba chủng tộc trên là có quyền đọc kinh học đạo mà thôi, còn hai chủng tộc dưới không có quyền gì và phải làm nô lệ cho ba phái trên. Bấy giờ toàn cõi Ấn Độ chia làm rất nhiều nước nhỏ, thường khi hòa chiến với nhau như đời Chiến quốc bên Trung Quốc, tuy đại thể vẫn thu về nước Ma-kiệt-dà (Ma-gadha) (như các nước chư hầu với đời Chu vậy).

Ma-kiệt-Dà là nước lớn nhất ở phía Nam sông Hằng Hà (Gange), làm trung tâm diêm cho toàn xứ Ấn Độ.

Trong những nước có danh tiếng nhất thời ấy, có nước Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu), vua tên là Tịnh Phạn (Sudho-dana) Hoàng hậu là Ma-ha Ma-da (Mahamaya) con vua A-nâu Thích-ca (Anu-sakya) nước Câu-ly (Koly). Khi ấy vua Tịnh Phạn đã 50 tuổi và Hoàng hậu 45 tuổi mới mang thai lần đầu. Theo tục Ấn Độ, đàn bà phải về nhà cha mẹ để sinh con, và con sinh ra đều lấy họ mẹ, nên Hoàng hậu đã về nước Câu-ly, đàn sinh được Hoàng tử lấy tên là Tất-đạt-đa (Siddharta) và họ là Thích-ca (Sakya).

Hoàng tử Tất-đạt-đa sau này là Phật Thích-ca, hiệu là Mưu-ni (Mouni), nghĩa là vắng lặng, nhân đức hoàn toàn.

Nơi sinh Ngài là vườn Lâm-tỳ-ni (Lumbini). Về niên đại giáng sinh của Ngài hiện có nhiều thuyết khác nhau. Theo thuyết phổ thông thì Ngài sinh ngày mồng 8 tháng Tư Âm lịch đời Chiêu Vương nhà Chu (trước Tây lịch 1027 năm). Nhưng theo pháp sư Pháp Châu, người Trung Quốc đã từng du học ở Tích Lan (Ceylan), dày công nghiên cứu về lịch sử Phật, có dẫn chứng bằng mấy chục bộ sách xưa văn Trung Quốc và văn Pali, thì Ngài sinh vào khoảng năm 563 trước Thiên chúa giáng sinh.

Ngài từ bẩm thông minh từ thủa nhỏ. Bảy tuổi Ngài theo học các đạo sĩ phái Bà-la-môn, như ông Tỳ-xa-mật-da-la (Visvamitra) và ông tướng võ Sắn-dề-dề-bà (Ksautidiva). Dần dần Ngài thông hiểu các khoa, nhất là nghị luận, triết lý. Chính trong khi bắt đầu hiểu biết ấy, cũng là khi Ngài bắt đầu cảm thấy chán nán cuộc đời vinh hoa phú quý và buồn đau cho cuộc thế của nhân sinh.

Nhưng vì có gì một vị thiều niên Hoàng tử sống một cuộc đời đẹp đẽ, không bao giờ trực tiếp với đời mà lại có tâm lý ấy? Rồi sau đây tại sao Ngài biệt đời khổ mà xót thương đến phải xả thân để tìm phương giải thoát? Chúng ta cần nên tìm sâu và nguyên lý ấy.

Cứ suy mấy bậc thánh triết Trung Hoa ai cũng biết, bởi sống giữa thời đại quá suy đồi, lòn hiếp bé, mạnh hiếp yếu, thi ngài Lý Đam mới tạo ra được triết lý "vô vi" của đạo Lão; đời Xuân Thu phong hóa đồi bại (cha không ra cha, con không ra con, vua không ra vua, tôi không ra tôi), thi Ngài Không Khâu mới sáng lập ra phép tu thân của đạo

Nho. Như vậy dù rõ, hoàn cảnh giúp nên Thánh triết, mà người trở nên thánh triết chỉ là người muôn cái biến thời thế. Nếu đời Chiến quốc không phải là thời phong kiến, và là đời sống thanh bình như thời Nghiêu-Thuấn thì dù có Không Tử hay Lão Tử, nước Trung Hoa cũng không thêm được môn triết lý nào.

Vậy nói đến Phật Thích-ca, tất cũng phải xét đến nguyên nhân chính đáng. Nguyên nhân chính đáng ấy chính là lòng từ bi của Ngài, nghĩa là suy đến hoàn cảnh Ngài.

Như trên đã nói, dân tộc Ấn Độ bấy giờ chia ra làm *năm tầng lớp người* rõ rệt. Ngài là dòng dõi quý tộc. Nhưng xét ra dòng dõi quý tộc chỉ có quyền mà không có thể, vì bao nhiêu học thuật, luật pháp đều ở trong tay phái Bà-la-môn cả. Một Hoàng tử thiếu niên có đủ tài như đức Thích-ca, thấy vậy tất phải sinh lòng bất mãn cho cái chế độ ấy. Rồi Ngài lại thấy cái khổ của những kẻ nô lệ gần Ngài. Ngài sinh ra bất bình với cái tập quán bất công của dân tộc. Sự buồn rầu của Ngài khởi diêm từ đấy. Lại hàng ngày Ngài thường nghe và thấy bao nhiêu chuyện đau khổ của nhân loại. Dù người được sinh vào nơi quyền quý, nơi mà người đời cho là sung sướng, cũng không tránh khỏi bốn cái ách “*sinh, lão, bệnh, tử*”. Thế là Ngài bắt đầu ngờ vực mớ triết lý cổ điên trước sự sống đau khổ của loài người.

Ngài lại càng buồn rầu khi thấy chỉ có mình Ngài cảm biết nỗi đau khổ ấy, còn biết bao nhiêu người vẫn sống mờ

muội... tranh đua, áp chế, cướp giết lẫn nhau, gây thêm cho nhau bao cảnh khổ nǎo, thương tâm, mà người đời vẫn triền miên sống trong vòng tội lỗi tối tăm, trong cảnh khổ không bờ bến mà không hề tự biết. Từ đó, trong tâm trí Ngài nhen nhóm một lý tưởng: "Phải tìm lấy chân lý cứu vớt chúng sinh thoát vòng bể khổ trầm luân".

Năm 16 tuổi, Ngài vâng lời Vua cha cưới 3 vị phu nhân La-gia (Gapika), Gai-du-dà-la (Yasodhara), Lộc-gia (Urga-nika). Bà Gia-du-dà-la sinh được một con trai lấy tên là La-hầu-la. Nhưng càng ngày Ngài càng chán nản đời sống tầm thường dựa rất sung túc về vật chất và có vợ đẹp con yêu ấy.

Năm 19 tuổi, khi sự chán nản lên đến cực độ, Ngài quyết bỏ vợ con, bỏ cuộc đời vinh hoa phú quý, vào hang núi chịu đói rét, tu khổ hạnh để mong suy ngẫm tìm được một phương pháp cứu loài người ra khỏi vòng khổ ái, tạo cảnh cực lạc trên thế gian. Trong mấy năm ấy, Ngài đi tìm hỏi mấy vị đạo sĩ có danh tiếng, nhưng Ngài thấy triết lý của vị nào cũng không được siêu thoát. Ngài liền vào ẩn trong dãy Tuyết Sơn (tức là núi Già-xá-gaya trong sách Phật ngày sau gọi là *Khô hạnh lâm*) để tu tập thiền định. Trong 6 năm trời tu khổ hạnh, nhưng Ngài không thấy chúng được đạo quả gì. Ngài lại đi đến núi Tượng Đầu (Gajasirsa) bên sông Ni-liên-thuyền (Nai-Radijana) tắm rửa xong, Ngài thụ bát súra của mấy nàng mục nữ cúng, rồi ở đó một mình tĩnh tọa suy xét. Ngài thề: "Ta ngồi ở đây nếu không chứng được đạo quả, thì dù có tan nát thân này, quyết không bao giờ đứng dậy". Dưới gốc cây Tất-bát-la (Pippala), Ngài ngồi định tâm 48 ngày. Một hôm, khi sao

mai vừa mọc, Ngài bỗng thấy trong tâm sáng suốt, thấy rõ chân lý của vũ trụ và nguồn gốc sinh tử của chúng sinh: Ngài đã thành Phật! Bấy giờ Ngài vừa 31 tuổi. Hôm ấy là ngày mồng 8 tháng Chạp theo lịch Trung Hoa (Ngày nay ở Nam thành Patna chứng 110 cây số, có thành Già-gia (Gaya) và cách thành này 13 cây số có linh địa gọi là Phật-dà Già-gia (Bouddha Gaya), tức là chỗ Ngài thành Phật. Còn cây Tất-bát-la là chỗ Ngài ngồi nhập định, sau gọi là cây Bồ-đề, dấu tích nay vẫn còn.

Khi ấy Ngài yên lặng, hoàn toàn sống trong sự sáng suốt nhiệm mẫu của chân lý mà Ngài đã chứng ngộ, rồi Ngài trở lại với loài người, đem đạo lý ra thuyết pháp giáo hóa chúng sinh.

Từ đó Ngài chu du khắp các lưu vực sông Hằng Hà, giáo hóa được vô số chúng sinh đương mê muội, trở nên giác tịnh, đều qui y Phật pháp để tu hành diệt khổ, chứng đạo Niết-bàn.

Ngài thọ 80 tuổi và tịch diệt vào ngày Rằm tháng Hai, trong một vườn cây gần thành Câu-thi-la (Kusinagara).

Sau khi Phật Niết-bàn, ngài Ma-ha Ca-diếp (Maha-kô-syapa) thay Phật thống suất Tăng chúng, họp cả thảy **500 vị đệ tử Phật**, ở thành Vương-xá (Rajagrika) giáng tụng lại đạo lý của Phật đã dạy. Đồng thời ở chỗ khác cũng có ngài Ba-sư-ca chiêu tập hàng vạn Tăng chúng kiến tập Pháp tang. Nhân đó trong Phật giáo bắt đầu chia làm hai phái Thượng tọa và Đại chúng.

Rồi lần hồi đến kỳ kiết tập thứ hai (sau Phật Niết-bàn hơn 100 năm), kỳ kiết tập thứ ba (sau Phật Niết-bàn hơn 200 năm), và kỳ kiết tập thứ tư (sau Phật Niết-bàn chừng 600 năm); qua các kỳ kiết tập ấy, lần lượt lại chia thành 20 bộ phái. *Tuy có chia ra nhiều bộ phái như vậy, mà vẫn tôn thờ một giáo chủ: Phật Thích-ca, và giáo lý đều nương vào lời Ngài dạy từ trước làm thánh điển.*

Điện Pháp Chủ kiến trúc theo kiểu dáng Điện Tam Thế (sẽ nói ở phần sau). Điện 2 tầng mái cong, mỗi tầng 4 mái, đều lợp ngói men ống nâu và 1 hàng cỗ lâu tạo độ cao, thông không khí và lấy ánh sáng trời.

Điện là công trình kiến trúc đồ sộ, hoành tráng: cao 30,00m, chu vi 44,70m x 43,30m; tổng diện tích tới 1.945m². Mái dao cao 2,60m, bờ dao cao 1,30m, mặt - nguyệt trên nóc điện cao tới 4,40m, đầu kìm cao 3,30m.

Điện có 5 gian: gian trung đường dài 13,50m, mỗi bên 2 gian, mỗi gian dài 8,13m. Điện có 4 hàng cột gồm 56 cột bằng bê tông cốt thép già gỗ, 2 hàng cột cái và 2 hàng cột trung ở giữa, cột cái cao 22,60m, đường kính 1,00m, cột trung cao 17,20m, đường kính 0,80m, mỗi hàng 4 cột.

Xung quanh điện có 20 cột, cột con cao 9,00m, đường kính 0,70m; và 20 cột con ở hiên cao 7,40m, đường kính 0,70m.

Các cột trong điện làm bằng bê tông cốt thép, ốp gỗ và sơn phủ vẫn gỗ bên ngoài nên thoát nhìn làm tường ở đây

cũng kiến trúc hoàn bằng gỗ quý. Thực chất toàn bộ Điện kiến trúc kết cấu bằng bê - tông cốt thép. Chỉ có các chuồng cửa và hộc cửa là bằng gỗ lim. Cửa gian Trung đường gồm 12 cánh, kích thước 3,70m x 1,05m. 4 gian còn lại, mỗi gian 4 cánh, mỗi cánh bằng chiều cao cửa Trung đường, mỗi cánh rộng 0,84m Cánh cửa đều tiện tàu cài lá. Tường điện phía ngoài từng điện, kè cà tường hồi đều xây bằng gạch không trát, phía trong tạo thành 1284 ô nhỏ, cao 0,59m x 0,30m, bên trong mỗi ô đặt vừa 1 pho tượng Thích Ca bằng đồng loại nhỏ.

Gian Trung đường đặt tượng Thích Ca Mâu Ni ngồi trên tòa sen bằng đồng khối, mạ vàng, cao 10,00m, nặng tới 100 tấn.

Ở các chùa Việt Nam, tượng thờ Thích Ca Mâu Ni có khá nhiều kiểu, người ta tạc tượng Ngài căn cứ vào sự tích về Ngài trong *Kinh Bàn Sinh*, tức kinh nói về cuộc đời Thích Ca.

Tượng Thích Ca Mâu Ni thờ trong các ngôi chùa cổ Việt Nam thường ngồi ở giữa, hàng thứ 3 từ trên xuống là tượng Ngài đang thuyết pháp, ngồi trên tòa sen, tay phải cầm hoa sen nên được gọi là "*Thé Tôn niêm hoa*": Ngón cái và ngón giữa kẹp bông hoa sen, ngón áp út và ngón trỏ hơi khum vào lòng bàn tay, ngón út hơi thẳng theo chiều bông sen, ngón trỏ thẳng đứng tựa đỡ cuống hoa sen, tay trái đặt ngừa lòng bàn tay trên chân phải, ngồi khoanh chân niệm thiền. Tượng Ngài đặt ở điện Pháp Chủ (chùa

Báu Đính mới) là hình tượng Ngài ngồi trên tòa sen. Tượng đẽ lộ viền đinh, mặc áo pháp, hở ngực, tay trái đặt trên lòng, tay phải cầm hoa sen giơ ngang trán, biểu hiện trí tuệ Phật, tâm đức Phật, gọi là "*Thé Tôn niêm hoa*", ngực Ngài có chữ Vạn.

Về ý nghĩa tượng trưng của chữ "vạn" có nhiều thuyết giải thích khác nhau. Nói chung chữ "vạn" tượng trưng cho trí tuệ và lòng từ bi quảng đại của đức Phật. Chữ "vạn" mở rộng sang 2 bên biểu thị sự vận động vô hạn của Phật lực, kéo dài tới 4 phương, mở rộng vô cùng tận, luôn tề độ chúng sinh ở thập phương.

Tòa sen gồm 3 lớp cánh sen: hai lớp cánh sen nở hướng lên trên, lưng cánh ngoài lớn ôm lấy lớp cánh trong nhô so le nhau. Lớp cánh sen nở hướng xuống, to tương đương và so le với lớp cánh to nở hướng lên trên, tạo đường nét nghệ thuật hài hòa, đăng đối và tượng trưng sự rực rỡ, hân hoan. Phía sau tượng là phù điêu lá đề lớn bằng nhiều mảng đồng ghép lại, gắn hàng trăm pho tượng Phật nhỏ đúc đồng đẽ biêu thi Phật pháp biến hóa vô biên, hiện hữu vô cùng, là tuyên ngôn của đức Phật đại từ, đại bi: Không chỗ nào trên cõi Sa Bà này là không có Phật!

Pho tượng là công trình nghệ thuật tuyệt tác của nghệ nhân đúc đồng Ý Yên (tỉnh Nam Định) hàng năm trời.

Dây là pho tượng Phật Thích Ca bằng đồng cao và nặng nhất Việt Nam đã được Trung tâm sách kỷ lục

Việt Nam (Viet Nam Records book center) cấp bằng xác lập kỷ lục “Ngôi chùa có pho tượng Phật Thích Ca mâu ni bằng đồng lớn nhất Việt Nam”.

Điện thờ Pháp Chu còn có 3 cửa vồng, 3 bức hoành phi bằng gỗ vàng tẩm sơn thiếp vàng phủ hoán kim và các câu đối thúc đồng ca ngợi công đức Phật và sự trùng tu, tôn tạo chùa Báu Ðịnh và danh thắng hang động Tràng An. Hai câu đối ở cột giữa, gian chính điện:

- *Tổ quốc hòa bình dân chủ, trùng tu Báu Ðịnh cứu danh lam, thảo mộc sơn xuyên sinh tú sắc.*
- *Việt Nam độc lập tự do, kiến thiết Tràng An tân thắng tích, phong vân tuyết nguyệt ánh từ quang.*

* Nghĩa là:

- *Tổ quốc hòa bình, dân chủ, trùng tu chùa Báu Ðịnh có nổi tiếng, có cây sống núi thêm khơi sắc.*
- *Việt Nam độc lập, tự do, kiến thiết danh thắng mới Tràng An, gió mây trăng tuyết rạng ánh từ bi.*

Hai câu đối hai bên cột tiền Điện thể hiện triết lý đạo Phật thật sâu sắc:

- *Tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm, hữu thị tâm phương khai Phật pháp sùng thâm.*
- *Duyên ban hữu nhân, nhân ban hữu duyên, thi hữu duyên nãi khuyếch thiện duyên quang bì.*

Nghĩa là:

- Tâm là Phật. Phật là tâm, có tâm sẽ mở ra Phật pháp cao sâu.
- Duyên có nhân, nhân có duyên, có duyên thì duyên lành toa rộng khắp.

Bức hoành phi Trung đường có kích thước 11,20m × 4,00m, dày 0,06m bằng gỗ vàng tâm, với khối lượng 5 khối gỗ thành khi, nặng gần 3 tấn! cửa võng rộng 12,80m, dọc cột 8,00m, dày 0,11m, gồm 19m³ gỗ vàng tâm, nặng 8,5 tấn.

Điều đáng chú ý nữa là: gian Trung điện có một sập thờ không lò bằng gỗ vàng tâm với kích thước: 8,55m × 4,52m × 1,27m (cao), diện tích mặt sập tới 39,0m², dày 0,10m. Sập có 8 chân vuông 0,45m chạm rồng uốn khen bong. Sập được đục chạm 4 mặt. Giữa sập chạm hoa sen và bánh xe pháp luân biểu thị sự huyền diệu của Phật pháp. 4 mặt yếm đục chạm hình tượng “Long vân khánh hồi” (rồng mây gấp gỡ), biểu tượng Phật pháp đặc thời và phát triển. Phần diêm sập được chạm hàng ngàn lá đề và cánh sen cách điệu cầu kỳ, tinh xảo. Đề làm được sập thờ không lò, kỹ thuật tinh xảo như thế này, người nghệ nhân Đồng Kỵ (tỉnh Bắc Ninh) đã sử dụng hết 10m³ gỗ vàng tâm thành khi.

Đây là một sập thờ bằng gỗ lớn nhất, đẹp nhất trong các ngôi chùa Việt Nam hiện tại.

Hai gian bên trung đường có hoành phi, cửa vồng bằng nhau và nhỏ hơn ở gian trung đường, cũng bằng gỗ vàng tâm, hoành phi kích thước 7,00m × 3,00m, dày 0,06m, 3,50m³ gỗ, nặng khoảng 2,50 tấn.

Cửa vồng chiều ngang 7,35m, dọc cột 7,00m, dày 0,11m, 15m³ gỗ, nặng 5,5 tấn.

Kỹ thuật làm hoành phi là chạm kênh bong, chia đều 4 ô 4 chữ Hán nổi 2cm, trên nền gốm cài bát bảo: kiêm, bút, sáo, đàn, quạt, sách... đường viền soi vỏ măng tứ quý, tứ linh.

Kỹ thuật làm cửa vồng là chạm kênh bong, thông phong với các vật tứ linh, tứ quý, lưỡng long triều nguyệt, phượng chầu, long mã, sen quy, long cuốn thùy...

Trong điện còn đôi hạc đồng, mỗi con cao 4,50m, nặng 1 tấn, 1 lư đồng dài 1,80m × 1,00m, lồng đèn cao 4,00m.

Hai bên hồi điện, mỗi bên có 4 vị hộ pháp Kim Cương bằng đồng quay chầu ban thờ Pháp chủ.

20 giờ ngày mồng 6 Tết Kỷ Sửu (31-1-2009), đúng ngày Lễ hội cổ truyền hàng năm của Chùa Báu Dinh cổ (trên đỉnh núi Báu Dinh), hàng ngàn Phật tử và khách thập phương nô nức tham dự *Lễ Yết tâm và an vị tượng đức Phật Tổ Thích Ca Mâu Ni nặng 100 tấn đồng*. Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng và nhiều vị đại diện Đảng, Nhà nước, Chính Phủ, các bộ ngành Trung ương và lãnh đạo

địa phương tham dự buổi Lễ thiêng liêng, trọng thể này. Ông đã dậy nắp tâm tượng và phủ tấm hồng diều lên pho tượng đức Phật Tổ Thích Ca. Dêm Xuân Bái Đinh Sơn tung bừng, rộn ràng vào hội, người đông như nêm cối, không khí náo nhiệt của nhiều âm thanh, ánh sáng hiện đại trong khung cảnh lung linh huyền thoại của núi rừng chưa từng có trên dài đất thiêng sông núi hội tụ phía cửa Tây Kinh thành Hoa Lư ngàn xưa vẫn hiển.

5. Điện Tam Thế: Ba pho tượng Phật Tam Thế bằng đồng lớn nhất Việt Nam

Điện Tam Thế chùa Bái Đính mới được xây dựng trên sườn đồi “Ba Rau” - một truyền thuyết lị kì mà dân dã thường nhật của đức Thánh Nguyễn thuở sinh thời. (xem phần Huyền Thoại). Điện nằm giữa khuôn viên, riêng sân xung quanh đã rộng tới 13.000m². Từ cổng Tam Quan đến bậc thềm điện Tam Thế theo trục đường thần đạo dài 812m.

Lên điện Tam Thế theo 2 lối, mỗi lối rộng 8,00m = 32 bậc đá. Độ cao từ sân lên nền điện cao 4,00m, nên nhìn từ dưới lên, điện Tam Thế như một ngôi nhà sàn khổng lồ, 3 mái chồng giường, lan can hai lối lên điện được chạm khắc 4 con rồng đá châu theo độ dốc như đang bò trườn xuống đón chào phật tử, quý khách. 4 con rồng giống hình tượng rồng được chạm khắc ở Điện Kinh Thiên thời Hậu Lê ở Kinh đô Thăng Long. Giữa 2 lối lên xuống điện được trang trí một bức phù điêu đá hình vuông 10,00m × 10,00m bằng cách lắp

ghép nhiều phiến đá dày 0,20m trên chạm khắc tứ linh (long, ly, quy, phượng) tinh xảo, tài hoa.

Điện Tam Thế là công trình kiến trúc đồ sộ, nguy nga, hoành tráng nhất trong số các công trình kiến trúc ở chùa *Bái Đính mới*, và cũng là điện thờ Phật lớn nhất hiện nay ở nước ta. Chiều cao tòa điện 34,00m, dài 59,10m, rộng 40,50m. Diện tích lõng điện tới trên 2.364m². Kiến trúc điện Tam Thế về hình thức cũng giống như điện Pháp Chủ, nhưng có 3 tầng mái, mỗi tầng 4 mái (điện Pháp Chủ chỉ có 2 tầng mái); lợp ngói ống tráng men nâu, các mái đao cũng uốn cong hình đuôi phượng, cao tới 2,70m; mặt nguyệt đình mái cao 4,00m, 2 đầu kìm cao 3,50m; bờ đao cao 1,30m. 12 mái đao được trang trí bằng cách đắp hình tượng hoa lá, dây leo.

Điện Tam Thế có 7 gian, 2 chái: Gian chính điện rộng 10,50m, 2 gian 2 bên rộng 9,00m, 4 gian hai bên kế tiếp. mỗi gian rộng 7,20m, 2 chái mỗi gian rộng 4,50m.

Toàn Điện có 66 cột:

- 2 hàng cột cái phía trước 4 cột, hàng sau 2 cột, mỗi cột cao 24,80m, đường kính 1,10, chu vi 3,30m.
- 2 hàng cột trung mỗi hàng 6 cột, mỗi cột cao 16,20m, đường kính 0,80m.
- 24 cột con ở xung quanh và 24 cột khác ở hiên Điện, mỗi cột cao 9,00m, đường kính 0,70m.

66 cột đều là bê tông cốt thép, ốp gỗ. Các xà ngang, dọc, rui mè trong Điện đều sơn già gỗ. Riêng các chuồng cánh cửa của Điện đều bằng gỗ lim. Gian Trung điện 10 cánh, cao 3,70m, rộng 0,91m. 2 gian bên 8 cánh, cao 3,70m, rộng 0,95m.

Tường điện và phía ngoài tường xây gạch không trát, phía trong xây thành 1.808 ô nhỏ, kích thước cao 0,59m, rộng 0,30m, mỗi ô đặt 1 pho tượng Phật nhỏ bằng đồng, vị chí là 1.808 pho, tạo cảm giác Phật hiện hữu khắp mọi nơi trên thế giới chúng sinh.

Trong điện, trên 12 cột có 6 đôi câu đối thúc đồng rất đẹp và có giá trị nghệ thuật cao.

Điện Tam Thế thờ 3 pho tượng Tam Thế (ba đời/ thời) Phật: *Quá khứ, hiện tại, tương lai*.

Trong các ngôi chùa cổ Việt Nam, tượng Tam Thế Phật được bài trí cao nhất gần giáp nóc thượng điện.

Quá khứ Phật: Là chư Phật thời quá khứ, một trong các Phật quá khứ là *Phật A Di Đà*.

Hiện tại Phật: Là chư Phật thời hiện tại. Phật giáo Đại thừa coi *Thích Ca Mâu Ni* là hóa thân của Phật hiện tại xuất hiện để giáo hóa chúng sinh.

Vì lai Phật: Là các đức Phật tương lai, trong đó có đức phật *Di Lặc*.

Thực ra, “*Tam Thế*” chỉ hằng hà sa số các vị Phật. Ở đây có ý nghĩa tượng trưng là lúc nào, ở đâu cũng có Phật. Phật tính tồn tại vĩnh viễn. *Tam Thế* không chỉ cụ thể là ai cả.

Có người giải thích rằng tượng *Tam Thế* là tượng trưng cho tất cả các vị Phật trong các thời gian cho nên được đặt ở nơi cao nhất và xa nhất.

Ba pho tượng *Tam Thế* thường có kích thước và hình dáng giống nhau, có những tướng tốt đẹp lộ ra ngoài như: Đầu dài có gò thịt nổi cao như búi tóc, tóc xoắn ốc, tai dài, tay dài, ngực có ấn chữ “Vạn”, minh có sắc hoàng kim sáng rực, mặt tròn mặt nguyệt. Cả 3 pho đều được đặt trên tòa sen.

Diện Tam Thế chùa Báu Đinh đặt 3 pho tượng Phật Tam Thế bằng đồng nguyên khối dát vàng, mỗi pho cao 7,20m, nặng 50 tấn trên bệ cao 1,50m ốp đá. Trung tâm Sách Kỷ lục Việt Nam (Viet Nam Records Book Center) đã cấp bằng Xác nhận kỷ lục: “Ngôi chùa có tượng Tam Thế bằng đồng lớn nhất Việt Nam”. Ba pho tượng *Tam Thế* do các nghệ nhân đúc đồng Ý Yên (tỉnh Nam Định) chế tác, thực sự là những công trình nghệ thuật kỳ công, tinh xảo và kỳ mĩ đến tuyệt vời! Dứng trước các pho tượng đức Phật long lanh ngũ sắc, kỳ vĩ, ta có cảm giác tâm hồn thư rỗi lạ lùng, linh diệu, bởi như đang được đức Phật dang tay tế độ, chờ che, tấm nhuần sự hỷ sá từ bi bồ tát của Ngài!



Điện Tam thế chùa Báu Đính tân tự (chùa Báu Đính mới)

Từ dưới nhìn lên:

- Tượng giữa là *Hiện tại Phật*.
- Tượng bên phải là *Quá khứ Phật*.
- Tượng bên trái là *Vị lai Phật*.

Ba pho tượng Tam Thê ở chùa Báu Đính dúc theo mẫu tượng Tam Thê chùa Tây Phương (Thạch Thất, Hà Nội) và cũng là những pho tượng Tam Thê khá phổ biến thường thấy trong các ngôi chùa cổ Việt Nam, kích cỡ bằng nhau, ngồi trên tòa sen, khuôn mặt đều có dáng vẻ tĩnh tại, đôi mắt nhắm trong tư thế thiền tâm; nhưng vị trí ba pho tượng ở chùa Tây Phương đặt khác với chùa Báu Đính mới: Bên trái là Quá Khứ Phật, bên phải là Vị Lai Phật. (Ba pho tượng Tam Thê ở chùa Tây Phương bằng gỗ, sơn son thiếp vàng, thời Lê-Trịnh, thế kỷ XVIII, cao 1,13m).

Chùa Báu Đính mới:

Tượng Hiện Tại Phật tư thế ngồi “định án” (*Dhyāna-mudrā*) hay “thế tọa thiền” - “*Thiền định*” trên tòa sen: 2 chân khoanh tròn, chân phải dựa vào đùi chân trái, gan bàn chân ngừa lên, chân trái cũng dựa vào đùi chân phải như thế. Hai bàn tay đê trên nhau, tay phải đê trên tay trái, 2 ngón cái chạm nhau.

Ý nghĩa tượng trưng của tư thế “*Định án*” có liên quan tới quan niệm nguồn gốc từ Ấn Độ về *Tam muối*

(*Samàdhi*): tập trung cao độ vào một đói tượng ngắm nguyễn để thu hút toàn bộ ý nghĩ, làm cắt đứt tất cả “thế giới hiện tượng”. Thể tay “thiền định” này theo truyền thống giải thích là, bắt nguồn từ thế ngồi của Phật Thích Ca Mâu Ni khi Ngài *tọa thiền lần cuối cùng dưới gốc cây bồ đề*. Đó là thế ngồi của ngài khi bị bọn ma vương, ác quỷ tấn công. Ngài chỉ thay đổi thế ngồi, thế tay này khi ngài *mời đất làm chúng*, vào thời điểm *ngài thắng bọn ma vương, ác quỷ*. Thể tay tượng trưng cho sự *thiền định cao nhất* của Thích Ca Mâu Ni cũng đồng thời là những *phẩm chất* của chư Phật như *tĩnh tại, bất khả xúc phạm và cao quý vô biên*.

Tượng Quá Khứ Phật: Từ thế ngồi thiền, bàn chân phải để gác lên đùi chân trái, tay trái để úp trên đùi trái, tay phải mở lòng bàn tay, hướng ra phía trước, 5 ngón tay duỗi thẳng, bàn tay cao hơn vai. Thể tay này gọi là thể “Vô úy ân” (*Abhayamudrà - Abhayam - dadamudrà*), mang lại sự bình an và không lo sợ điều gì cho chúng sinh. Thể tay này có nguồn gốc từ truyền thuyết về kè ác tâm *DevaData* (Đè Bà Đạt Đa) muốn làm hại Phật đã khiến một con voi cuốn nộ. Khi voi sắp sửa giày xéo Đè Bà Đạt Đa thi Thích Ca Mâu Ni đã giơ tay phải lên với những ngón tay khép chặt nhau, động tác này của Phật làm con voi dừng chân và còn bị Phật chinh phục hoàn toàn. Một truyền thuyết khác rằng, khi Phật giơ bàn tay phải lên, từ 5 ngón tay hiện ra 5 con sư tử tấn công voi và bảo vệ Phật. Từ 5 ngón tay còn phóng ra 5 tia sáng màu.

Tượng Vị Lai Phật: Ngồi trong tư thế 2 chân bắt chéo, bàn chân phải đặt lên đùi chân trái. Tay phải đặt ngừa trên lòng, tay trái gio lên, ngừa bàn tay về phía trước. Các ngón tay thẳng, riêng ngón cái chạm vào ngón tay đeo nhẫn. Đây là thế *An úy ấn* (*Vitarkamudra, Vyakhamudrā*). Hình tròn được tạo thành bởi ngón tay cái và ngón đeo nhẫn biểu tượng sự *hoàn chỉnh, không có bắt đầu, không có kết thúc, nó tượng trưng cho Phật pháp thánh thiện và vĩnh cửu*. Thế tay cũng gọi hình tròn tượng trưng “*Pháp luân*” của đạo Phật. Ở Tây Tạng, vòng tròn được tạo bởi 2 ngón tay này (có khi là ngón cái với ngón út cũng thế), được gọi là “*Thế Tam giác*” - một *thế tay huyền bí của tám vị Bồ tát*. Với phái Mật Tông thì thế tay này được coi là *biểu tượng của trí tuệ hoàn thiện của Phật và sự thực hiện trọn vẹn các ý nguyện của Ngài*. Thế tay này cũng diễn tả *tình thương vô hạn của Đức Phật*.

Thế tay trên của tượng Vị lai Phật tượng trưng cho sự *vô úy* (không sợ) do Phật ban cho chúng sinh. Sự “vô úy” của các Bồ Tát là do sức mạnh của trí nhớ, của phán đoán kết hợp với năng lực đánh giá và khả năng xua tan mọi hoài nghi.

Sau 3 pho tượng Tam Thế là 3 bức phù điêu hình lá đề bằng nhiều mảnh đồng ghép lại, có gân hàng trâm pho tượng Phật nhỏ, đúc bằng đồng để biểu hiện Phật pháp hiện hữu vô biên.

Ngày 12 tháng Tư năm Mậu Tý (ngày 16-5-2008), vào giờ Tuất, Lễ Yểm tâm và An vị tượng Tam Thế Phật

được hội Phật giáo tỉnh Ninh Bình tiến hành. Hàng chục ngàn phật tử, nhân dân trong và ngoài tỉnh tham dự. *Thù tướng Nguyễn Tân Dũng về dâng hương, đây nắp tâm tượng và phủ tắm vài hòn điêu lên pho tượng đức Phật Hiện Tại.*

Ngày 13 tháng Tư năm Mậu Tý (ngày 17-5-2008), giữa giờ Ngọ, hàng trăm đại biểu quốc tế về dự Đại hội Phật giáo thế giới (VESAK), đại diện lãnh đạo Đảng, Nhà nước, bộ, ngành Trung ương và địa phương cùng hàng ngàn tín đồ phật tử và nhân dân trong, ngoài tỉnh dự Lễ cắt băng Khánh thành giai đoạn I xây dựng khu tâm linh chùa Báu Ðính. Trong những ngày đêm này, dải núi rừng Báu Linh Sơn sống dậy không khí sôi động của vùng địa linh phát tích như từ ngàn năm tụ về thật kỳ diệu!

Cũng giống như điện Pháp Chủ, trong điện Tam Thế có 3 bức hoành phi và 3 cửa vòng bằng vàng tinh, nhưng kích thước nhỏ hơn, bức hoành phi gian Trung điện kích thước $8,80m \times 3,20m \times 0,06m$ (dày); cửa vòng kích thước $9,46m \times 9,30m \times 0,12m$ (dày), nặng khoảng 6 tấn.

Đặc biệt, trong Điện Tam Thế còn có 3 sập thờ bằng gỗ vàng tinh, tuy không to bằng sập thờ ở Điện Pháp Chủ nhưng nghệ thuật chạm khắc công phu, tinh xảo như sập thờ ở điện Pháp Chủ. Đó là những tác phẩm nghệ thuật giá trị cao về chạm khắc gỗ.

Ở đây cũng có đôi hạc đồng, mỗi con cao 4,90m, nặng 1 tấn, lư hương rộng 1,80m, đèn lồng cao 4,00m.

Sân trước Điện Tam Thế đặt 9 pho tượng đức Phật Thích Ca sơ sinh bằng đồng nguyên khôi. Tượng tạc hình đức Phật hài đồng đứng trên đài sen, tay phải chỉ Thiên, tay trái chỉ Địa, bụng quần tã, bồn tắm cho đức Phật sơ sinh là hình tượng Hoa Sen được cách điệu bằng 9 chậu đá cẩm thạch hình bông sen, xung quanh chạm trổ hình tượng nghệ thuật rồng, voi đền mừng rỡ, bảo vệ và hoa lá, mây lanh che đỡ cho đức Phật sơ sinh.

Đây là 9 pho tượng diễn tả tích thời khắc đức Phật mới sinh ra, Ngài đi liền 7 bước rồi chỉ tay phải lên trời, tay trái xuống đất mà bảo: "*Thiên thương, địa hạ, duy ngã độc tôn*" (tức là: *Trên Trời, dưới đất, chỉ có ta là tôn quý nhất*).

Trước sân Điện Tam Thế trồng nhiều cây bồ đề, có cây chiết từ cây Bồ đề từ quê hương đức Phật Tổ - Ấn Độ - tương truyền là gốc cây nơi đức Phật sinh ra, do Tổng Thống Án Độ tặng Thủ tướng Chính Phủ nước ta, nhiều cây bồ đề do các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ nước ra trồng lưu niệm khi về thăm và dâng hương chùa Báu Ðính. Đặc biệt có hai cây bồ đề do ngài Quốc Vương *Preah bat sam dech Preah Borom Neath Norodom Samoni* và ngài *Sam dech Akka moha ponhia chakrei Heng samrin* Chủ tịch Quốc hội Vương quốc Căm pu chia trồng khi về thăm và chiêm ngưỡng chùa Báu Ðính thể hiện tình cảm gắn bó giữa hai dân tộc Việt Nam - Căm pu chia.

6. Những công trình phụ trợ khác

Chùa Báu Đính mới còn có nhiều hạng mục công trình phụ trợ khác, gọi là phụ trợ những cũng rất hoành tráng, đẹp đẽ, tôn thêm không gian Phật pháp vừa dịu mát, vừa ấm cúng, thanh bình, lại vừa thiêng liêng đến kỳ lạ. Đó là:

1. Thảo viên: Trước khuôn viên chùa, ngay sau Tam quan, một vườn cây thảm cỏ rộng gần 17.000m².

2. Hoa viên: Di qua Tháp chuông lại có một vườn hoa thảm cỏ rộng gần 7.600m²

3. Hồ phóng sinh: Hồ rộng gần 5000m² để nhà chùa và các phật tử thực hiện phóng sinh trong những ngày đại lễ của nhà Phật.

4. Phật tích viên: Là khu vườn tượng bằng đá thể hiện tích Phật Thích Ca qua các thời kỳ.

5. Tháp Bồ Đề: cao 9 tầng = 50m, mỗi chiều 30m × 25m, có cầu thang cao 34m.

6. La Hán đường:

Sau khi Phật Niết-bàn, ngài Ma-ha-ca-diếp (Maha-kusyapa) thay Phật thống suất Tăng chúng, họp cả thảy 500 vị đệ tử Phật, ở thành Vương-xá (Rajagrika) giảng tụng lại đạo lý của Phật đồ dạy. 500 đệ tử này chưa thành Phật nên gọi là La Hán.

La Hán đường là nhà đặt 500 pho tượng La Hán tạc bằng đá do thợ đá Ninh Xuân, huyện Hoa Lư, tỉnh

Ninh Bình chế tác. Chùa Báu Đính lại được xác lập kỷ lục nhất quốc gia có số lượng La Hán lớn và nhiều nhất Việt Nam.

La Hán đường là hai dãy nhà lớn dọc hai bên từ hai tòa nhà gỗ cổ từ Tam quan nội vào đến nhà tả vu, hữu vu; mỗi dãy 117 gian, dài 526m, đều kiến trúc bằng gỗ từ thiết theo kiểu chồng giường, tiền bảy, hậu bảy; cột và kèo đều bằng gỗ từ thiết; mái lợp ngói ống tráng men nâu sẫm. Xây dựng La Hán đường đã dùng hết 3.500m³ gỗ từ thiết.

Chương IV

BÁI ĐÍNH NGÀN NĂM HUYỀN THOẠI

Bái Đính không chỉ có ngàn năm tâm linh mà còn là ngàn năm huyền thoại. Khắp vùng Bái Đính lưu truyền đầy đặc các huyền tích, huyền thoại từ thời Hùng Vương dựng nước đến nay. Tiêu biểu là các huyền thoại, huyền tích sau:

I. THỜI HÙNG VƯƠNG DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

Theo thần phả về Quý Minh Đại Vương (một Tướng của Tân Viên Sơn Thánh) do Hàn lâm viện đại học sĩ Nguyễn Bình soạn năm Vĩnh Hựu thứ hai (1737) còn lưu giữ tại đình làng Lỗi Sơn, xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình thì vùng Bái Ân, Phú Khô, Sơn Dược thuộc động Hoa Lu, phủ Tràng An là hành cung của Quý Minh Đại Vương. Trong cuộc chiến đấu chống Thục Phán, Tân Viên Sơn thánh đã đưa quân về vùng Tràng An, lập đồn chống giặc, thần phả còn ghi: "... Rồi tiến đến Tràng An, phủ Hoa Lu, động Sơn Dược, Bái Ân, Phú Khô. Ba xã có dám đất sát nhau, Sơn Thánh truyền binh sĩ lập đồn chính ở đây, chia làm ba chủ.

Sung Công lịnh 3000 quân về đóng đồn ở khu dồi Khoai, xã Yên - Lão, huyện Phụng Hóa, phủ Nho Quan,

Hiển Công lịnh 3000 quân lập đồn ở xã Vân Cai làm tuyến phòng vây.

Sơn Thánh lập một đồn nhỏ ở giữa xã Sơn Được, sai Thái Bảo Kha Công người xã Đại Hoàng lịnh binh 3000 quân đóng ở đây để phòng triệt lối sau...". Như vậy, từ thời Vua Hùng thứ XVIII, vùng Sơn Được (Sơn Thành), Sinh Được (Gia Sinh) phủ Tràng An đã là căn cứ của dân ta chống giặc. Nơi đây đã có dấu tích của Tân Viên Sơn Thánh. Vì thế, trong động Báu Đinh có tượng thờ Cao Sơn Đại Vương.

II. NHỮNG MÀU TRUYỆN VỀ ĐỨC THÁNH NGUYỄN MINH KHÔNG (1066-1141) - ÔNG KHÔNG LÒ HUYỀN THOẠI

Báu Đinh - Sinh Được và các vùng phụ cận như Sơn Lai, Gia Phong, Gia Thịnh... của các huyện Nho Quan, Gia Viễn là những nơi đức Thánh Nguyễn Minh Không đã gắn bó cuộc đời minh thuở sinh thời. Ông đã được dân gian thần thánh hóa thành nhân vật huyền thoại xưng Không Lò với nhiều truyện kể mang màu sắc Thần Thoại ly kỳ, hấp dẫn. Có người giải thích sờ dĩ ông có biệt danh Không Lò vì khi di tu hành, ông có pháp danh Không Lộ, sau dân gian đọc/nói chệch là Không Lò. Song Không Lộ lại là tên vị thiền sư Dương Không Lộ, người Giao Thủy. Nam Định cũng là thiền sư tài danh thời nhà Lý, hành trạng có nhiều nét giống với quốc sư Nguyễn Minh Không. Đây là vấn đề đã được giới nghiên cứu quan tâm.

tranh luận nhiều năm nay nhưng chưa hẳn đã khẳng định rõ ràng hành trạng, lai lịch của hai vị sư nổi tiếng này. Hai ông hay chỉ là một ông ? Trên vùng đất Ninh Bình, đặc biệt là ở các huyện Gia Viễn, Nho Quan, Hoa Lư lưu truyền rất nhiều chuyện về ông Khổng Lồ mà người ta cho rằng, đó là chuyện kê về đức Thánh Nguyễn. Chúng tôi chép những truyện dưới đây vẫn ghi chép tên ông Khổng Lồ cho đúng với mô típ và cốt truyện dân gian sưu tầm được chứ không ghi chép là đức Thánh Nguyễn. Qua nghiên cứu, chúng tôi kết luận đây là những truyện dân gian về đức Thánh Nguyễn Minh Không được thàn thoại hóa. Sau đây là những truyện huyền thoại, huyền tích về đức Thánh Nguyễn, về các nhân vật và địa danh lịch sử liên quan đến vùng đất thiêng Báu Định mà chúng tôi gọi chung trong mục: "**Báu Định ngàn năm huyền thoại**".

1. Ông Khổng Lồ gánh núi

Ngày xưa ngày xưa, khi trời đất mới hình thành, vùng Ninh Bình chưa có con người. Chỉ có núi rừng và thù dữ. Mãi về sau trời mới cho một người đàn ông và một người đàn bà xuống ở, lại cho một năm thóc giống để gieo trồng. Hai người ở với nhau, sinh con đẻ cái ngày một đông đúc rồi chia nhau thành các làng bản đê ở.

Họ phát nương làm rẫy, cây cà, săn bắn, đánh cá để sinh sống. Các cánh đồng ngày một dài rộng thêm ra. Làng bản ngày một đông đúc.

Một ngày kia, tự nhiên đất chuyên động ầm ầm. Ngồi ở trong nhà mà trông tránh như ngồi ở trên thuyền. Đất rung càng mạnh, nhà cửa đồ sộ sập hết. Sáng hôm sau, mọi người dậy thì đã thấy núi mọc chi chít, dày đặc trên mặt đất. Núi mọc khắp cả ruộng đồng, ngăn cách các làng bàn. Việc đi lại, cấy cày, làm ăn vô cùng vất vả.

Lúc đó ở làng Diêm Giang¹ có một người cao lớn phi thường, chuyên lội qua các dòng sông, các ngọn núi để hái thuốc chữa bệnh, người ta gọi ông là ông Không Lò. Ông đi khắp nơi trong thiên hạ để tìm các loại cây, loại lá về làm thuốc trị bệnh. Ông trồng cả một vườn thuốc quý gọi là vườn Sinh Dược² để chữa bệnh cho người đời.

Dân các nơi bàn nhau đến kêu với ông về nỗi khổ do núi non mọc hết các cánh đồng, chặn ngang đường đi lối lại, chặn mất các dòng sông đánh cá. Mọi người tìm đến thì người nhà ông nói ông đã dựng chùa thờ Phật, đi tu trên núi Dương Sơn³ mấy tháng rồi.

Dân lại kéo nhau lên núi Báu Đính gặp ông Không Lò để nhờ ông giúp đỡ. Ông Không Lò nói:

- Mọi người đừng gọi tôi là Không Lò nữa. Tôi đã quy y đầu Phật lấy pháp danh là Không Lộ thiền sư.

Không Lộ cất quần áo nâu sòng, tràng hạt, xuống núi để giúp dân làng.

¹ Diêm Giang nay thuộc xã Gia Thắng, Gia Viễn.

² Sinh Dược thuộc xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn.

³ Dương Sơn: nay thuộc xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn.

Ông gánh các quả núi xếp gọn về phía tây, phía bắc, dọn sạch đồng nương cho dân trồng cấy. Bởi vậy, bây giờ núi mới xếp hàng thành dãy ở cả phía tây, phía bắc như ngày nay.

Lại nói, ông Khổng Lồ gánh đến gánh cuối cùng thì đòn gánh bị gãy, núi bắn tung tóe khắp nơi, nên bây giờ ở các huyện Gia Viễn, Nho Quan, Hoa Lư, Yên Mô, Tam Diệp mới có những quả núi đứng giữa đồng, giữa bãi như vậy. Có một quả núi ông bò thêm vào cho cân hai bên gánh, bây giờ bắn ra thành quả núi một giữa đồng, dân gian gọi là núi Đồng Cân (ở xã Ninh Khang, Hoa Lư); một quả núi bắn xa nhất ra biển gọi là Hòn Nẹ.¹

Gánh xếp lại núi non xong, ông Khổng Lồ lại lên chùa trên núi Dương Sơn tiếp tục tu hành. Đường đi lại dễ dàng, đồng ruộng phong quang, đời này qua đời khác, ai cũng nhắc nhớ công ơn ông Khổng Lồ.

2. Sự tích Đồi Ba Rau, Đống Củi, Xó bếp

Ngày xưa, trong các gia đình nông dân ở nông thôn, bếp đun thường bằng rơm rạ, sang nữa là củi. Người ta lấy đất sét dẻo, nhào nhuyễn rồi đắp thành ba hòn đất bắc nồi, dưới đế to cho chắc chắn, trên chõ bắc nồi thì thon hơn và hơi khum vào một chút để đỡ nồi. Người ta gọi là Ông Ba Rau hay Ông Đồ Núc.

¹ Hòn Nẹ: Một trái núi đứng ngoài biển, thuộc vùng biển Kim Sơn - Nga Sơn (Thanh Hóa).

Dức Thánh Nguyễn thuở sinh thời, khi chưa quy y đàu Phật, ông thường đánh lưới, câu cá trên sông Hoàng Long, khúc sông chảy qua núi Báu Đính này. Ông cao lớn và sức khỏe như Thần, có thể chuyền núi dời đồi nên dân gian gọi ông là Ông Không Lồ. Ông Không Lồ gánh đất các nơi về đắp thành Ba Rau ngay dưới chân núi Báu Đính để bắc bếp đun nấu. Ba ông Đò Rau ông bắc bếp nấu cơm, sắc thuốc chữa bệnh cho nhân dân nay là ba quả đồi lớn nằm ngay phía Đông Bắc, dưới chân núi Báu Đính. Dân gian gọi đây là đồi Ba Rau. Bên cạnh Ba Rau, có một hõm đồi lớn phía Tây là Xó Bếp - nơi ông cất các vật liệu và các thức để chế biến món ăn; Hõm đồi phía Tây Bắc nơi ông đựng cùi dun gọi là Đồng cùi. Cả khu đồng phía Đông, cạnh đường lên chùa Báu Đính mới có rất nhiều đồng đá xám, đen, người ta nói đó là tro than bếp của ông còi ra đến nay vẫn còn.

Ba Rau, Đồng Cùi, Xó Bếp - những quả đồi cao bên phía Đông Bắc núi Báu Đính - gắn với các huyền tích trên của đức Thánh Nguyễn - Ông Không Lồ của dân gian Ninh Bình, dân dân Việt Nam nay là khu vực xây dựng chùa báu Đính mới.

3. Sự tích Bàn Cờ - Ô Thuốc

Ông Không Lồ thường hay ngồi đánh cờ với Tiên trên các ngọn đồi quanh vùng Báu Đính. Nhất là những đêm sáng trăng, người ta thấy ông Không Lồ ngồi lùng lững đánh cờ với các Tiên tử trên trời xuống. Nơi ông ngồi

dánh cờ còn in hình hai mông của ông trên hòn Dá Tảng ở cánh đồng Bá¹. Trẻ chăn trâu muôn lần lấy cái may mắn của ông thường tranh nhau nắm vào hai lốt mông đó. Cạnh chỗ bàn cờ, ông đặt cối xay lúa và cối giã cua. Bã cua ông ném ra có màu xín và nâu lẫn lộn đầy khắp cả cánh Đồng Bái đến nay vẫn còn. Ông Phan Đình Hòe, Tuần phủ Ninh Bình viết bài thơ trên động Tiên núi Bái Đinh có câu: “*Bàn Cờ, Ô Thuốc hình như tác/ Đống Củi, Ba Rau dấu những truyền*” chính là nói về sự tích này.

4. Ông Không Lồ bắt lươn

Thuở sinh thời, ông Không Lồ nghèo lâm. Ông chỉ có cái khổ che thân. Ngày ngày ông thường bắt lươn, bắt cua ở các cánh đồng Gia Viễn để kiếm sống.

Đồng ruộng thường hay bị ngập lụt luôn. Nước lên mênh mông, lúa ngô mất trắng. Mọi người chỉ mò cua bắt ốc kiếm sống.

Ở vùng Gia Viễn có loại lươn núi và cua núi rất to, chúng thường ở sâu trong các hang động núi đá vôi. Loại lươn, cua núi này chỉ có ông Không Lồ mới bắt được. Đến nay, ở các núi của vùng Gia Viễn, Hoa Lư, Nho Quan có nhiều hang động là dấu tích những lỗ lươn, mà cua, do ông Không Lồ bắt. Ở Sơn Lai² còn hang núi là Lỗ Lươn, bên cạnh có hai hồ to tròn tròn là dấu tích vết dầu gối ông Không Lồ quỳ khi bắt lươn.

1. Đồng Bái nay thuộc xã Gia Sinh (Gia Viễn) và xã Sơn Lai (Nho Quan)
 2. Nay thuộc huyện Nho Quan.

Ít lâu sau, ông Không Lồ đi tu luyện đặc đạo, lấy hiệu là Minh Không.

Hôm ấy, trời đã gần tối, ông Không Lồ gặp một cô gái ngồi khóc nức nở trên bờ sông Hoàng Long. Ông hỏi: “Vì sao con khóc?”. Cô gái nói trong nước mắt: “Con mồ côi cha mẹ từ sớm, hàng ngày chỉ mò cua, bắt ốc để sinh sống, nhưng cua, cá, lươn đều to quá, con không thể bắt được”. Ông Không Lồ nói: “Ta sẽ giúp con”, rồi ông niệm thần chú. Tất cả cua, cá lươn... đều nhỏ bé lại.

Từ đó không ở đâu còn lại cua, cá, lươn... to như thời ông Không Lồ bắt nữa, mà chúng chỉ nhỏ bé như bây giờ.

5. Nút Đó và Lò Nước của ông Không Lồ

Hồi ấy, sông Hoàng Long rất nhiều cá tôm. Ông Không Lồ thường đặt một cái đúc rất lớn để đơm cá ở nga ba sông. Lúc bấy giờ, rừng lại hiếm cái ăn nên hùm đói lắm, chỉ nhăm nhăm đồ trộm đó của ông Không Lồ để ăn. Có lần, ông vừa đặt đó được một lúc thì hùm đã mò ra đồ đó. Chi loáng một cái là người ta đã thấy con hùm dốc ngược cả cái đúc vào miệng, bao nhiêu ~~tôm~~¹ cá đều vào bụng nó hết. Nên người ta nói “Ăn như hùm đồ đó” là vậy.

Bị hùm đồ trộm đó liên tục, ông Không Lồ vô cùng tức giận, liền nghĩ ra một cách, lấy một hòn đá to để nứt miệng đó lại. Hùm vẫn không chịu. Chúng gầm gừ cả đàn

1. Núi Nút Đó ở ngã ba sông Hoàng Long thuộc thôn Vân Trinh, xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình

đè tháo nút đó. Thành ra ông Không Lồ vẫn bị hùm đè trộm đó. Ông phải ăn ngủ ngay tại chỗ đè coi đó. Ông đun nấu, ăn ngủ ngay trên bờ sông. Cà một cái suối lớn ông đun sôi sùng sục đè thịt gà và nấu nướng.

Cá ở khúc sông này đơm mãi cũng hết. Ông chuyển đó đi đơm nơi khác. Nút đó ông vứt lại thành quả núi một gọi là núi Nút Đó ở ngã ba sông¹. Suối ông Không Lồ đun sôi đè thịt gà, đến nay vẫn còn nóng, khói bốc nghi ngút, dân gian gọi là suối Canh Gà, lâu dần gọi là Kênh Gà¹.

6. Sự tích núi Con Mèo

Ông Không Lồ thường ngồi câu cá trên bờ sông Hoàng Long. Khi đi câu bao giờ ông cũng cho con mèo đi cùng và còn mang theo cà lợ mè để nấu dấm nữa. Chi có điều, con mèo này rất hay ăn vụng, ông đã đánh bao nhiêu lần rồi mà nó vẫn không chừa.

Dạo ấy, đang mùa nước to, nên câu được con cá cũng rất khó khăn.

Một hôm, ông ngồi từ sáng đến gần trưa mà chỉ giật được dăm con cá. Ông đè cá bên cạnh lợ mè bảo chú mèo coi, định bụng sẽ giật thêm vài ba chú cá nữa mới bô nấu dấm chua. Đã quá giờ Ngọ rồi mà ông chẳng câu thêm được con cá nào. Bụng đói, réo ầm ầm. Ông chống gối đứng dậy đè đi bắc bếp.

1. Kênh Gà nay thuộc xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Khi ông đến bên lợ mè chǎng thấy cá dâu, chỉ thấy chú mèo đang vuốt râu tém lưỡi liên hồi. Hiểu rõ sự tình, giận quá, ông dang tay tát cho chú ta một cái như trời đánh. Chú mèo chết ngay tức khắc, hóa thành núi đá, hình giống hệt con mèo đang ngồi nhìn về phía sông Hoàng Long. Dân gian gọi là núi Con Mèo¹. Khi ông Không Lồ tát con mèo, lỡ tay làm vỡ lợ mè, mè bắn tung tóe ra khắp cánh đồng. Bởi vậy đồng đất Gia Viễn đến bây giờ vẫn còn chua.

7. Một lời nguyền của ông Không Lồ

Ông Không Lồ đơn đó ở cạnh rừng bị hùm đồ trộm. Ông liền vứt nút đó đi để chuyển lên khúc sông hẹp bên trên đơn đó. Dân ở đây biết ông đơn lần nào cũng được đầy một đống cá, tôm, nên thường dậy từ tờ sáng để đồ trộm đó của ông. Ông tức giận lắm nhưng không bắt được ai đồ trộm đó của mình cả. Ông liền đọc một lời nguyền:

“Đứa nào trộm đó lão này
Đến mùa trẩy thuế đi may về nồm”.

Dân làng ấy không hiểu nên vẫn chẳng sợ, cứ tiếp tục đồ trộm đó của ông. Đến tháng Năm, tháng Sáu nhà vua thu thuế, cà làng phải chờ thuyền thóc lên Phù đê nộp. Thật là kỳ lạ, thuyền cứ đến khúc sông này cà đi và về đều ngược gió, đi lại vô cùng vất vả. Lúc ấy mọi người mới vỡ lẽ câu hát nghêu ngao của ông Không Lồ

1. Núi Con Mèo nay thuộc thôn Lỗ Sơn, xã Gia Phong, huyện Gia Viễn.

khi trước là lời nguyền trùng phạt làng đồ trộm đó của ông. Dân làng tim đê xin ông giải lời nguyền ấy nhưng chẳng thấy ông đâu. Người ta nói ông đã di tu trên núi Báu Đính, không còn di dời đó nữa. Lời nguyền của ông Không Lồ chưa giải được, nên đến nay, thuyền bè đi qua khúc sông này không bao giờ thuận buồm xuôi gió cả. Khúc sông ấy cách Báu Đính Sơn nơi ông Không Lồ tu hành chỉ độ mấy dặm đường.¹

8. Sự tích hòn đá Diều Công và hai con voi hóa thạch

Ông Không Lồ thường có thú chơi diều giấy. Cứ đom đó, câu cá ở đâu là ông lại mang theo cái diều giấy lớn thả lên trời xanh. Ông ngủ thiếp đi trong tiếng vi vu của sáo diều. Có lần ông buộc giấy diều vào một hòn đá to, uống rượu say rồi nằm ngủ. Bất ngờ một trận gió to, diều lôi tuột cả hòn đá buộc diều bay đi một quãng dài mới rơi xuống. Tinh dậy thấy diều bị gió thổi kéo theo cả hòn đá buộc giấy đã xa, ông Không Lồ liền đuổi theo. Đuối được gần tới nơi, nhìn thấy phía trước có hai con voi lớn đang húc nhau kịch liệt. Ông Không Lồ liền nhảy vào đẩy hai con voi ra. Hai con voi đang hăng máu lại xông vào húc nhau dữ dội. Ông Không Lồ giận quá liền vỗ vào mông mỗi con voi một cái mạnh như trời giáng. Tức khắc cả hai con voi hóa thành đá. Ông nhảy lên đầu một con voi đá

1. Khúc sông ngược giờ cho mọi thuyền bè qua lại nơi đây thuộc thôn Văn Trinh, xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Khúc sông này theo hướng Tây nam- Đông bắc nên cứ vào dịp tháng 5, 6 âm lịch, thuyền bè đi lại qua đây đều ngược giờ.

ngồi. Đến nay, hai con voi hóa đá là núi Nang và núi Quéo¹ ở thôn Vân Trinh. Gần hòn đá Nút Đỏ mà ông Khổng Lồ ném nút đó lại khi trước có hòn đá to, nặng hàng mấy chục tấn nằm chờ vơ gần bờ sông Hoàng Long, đó là hòn đá ông Khổng Lồ buộc diều rơi xuống, dân gian gọi là hòn đá Diều Công. Đến nay, núi hình hai con voi đang quay đầu vào nhau dáng định xông lên từ chiến và hòn đá Diều Công, hòn đá Núi Đỏ vẫn còn. Trên đầu một con voi đá có tên là núi Nang, dân làng Vân Trinh lập đền thờ ông Khổng Lồ - Thánh Nguyễn để nhớ ơn ông đã ngăn hai con voi không húc nhau, giữ yên làng xóm cho dân. Đền thờ này đến nay khói hương vẫn còn nghi ngút.

9. Động Long Ân - hang Ánh Nòi

Ở phía Đông núi Bá Dinh, cách núi khoảng 300m theo đường chim bay, có một thung lũng rộng gọi là thung Áng Nòi. Phía Nam thung có một cái ao lớn gọi là ao Áng Nòi, phía đông bắc thung, dưới chân núi cũng có một cái ao, đồng thời là cửa hang, gọi là hang Nước. Ao Áng Nòi và hang Nước quanh năm không bao giờ hết nước, đây là nơi ông Khổng Lồ tắm giặt và rửa nồi niêu, bát đĩa. Hang Nước là cửa hang phía tây của một đường hang động xuyên núi đẹp và dài nhất trong các hang động ở Tràng An, từ cửa hang này qua gần 2000m sẽ đến cửa phía bắc là hang Vồng.

Trước đây khi chưa đắp đê Hoàng Long, thường là từ ngày Phật Đản (8.4 Âm lịch) đến nước tiêu mặn

I. Thôn Vân Trinh nay thuộc xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình, cách núi Bá Dinh không xa.

(20.4 Âm lịch), mưa rào to, nước ngập tràn thung, tung dàn cá chép đò, cá trê, cá chè... từ hang Nước, ao Áng Nòi bơi ra nhiều vô kể như cá thả ao. Cá cuốn vào nhau đùa lấp lánh như những con rồng lớn nên người ta còn gọi hang Nước là hang Long Ân. Cá hóa rồng xuất hiện vào ngày Phật Đản, cũng là từ tích ông Không Lồ đưa đó đánh cá về để đây.

10. Lỗ Lùng - Ô Gà

Dưới chân núi Báu Đính về phía Tây Bắc, có một vụng nước bồn mùa luôn đầy ắp nước. Tương truyền, đây là giếng nước thuở sinh thời đức Thánh Nguyễn đào để lấy nước thôi cơn, nấu nước, đồ xôi cúng Phật và cũng lấy nước ở đây sắc thuốc chữa bệnh cho chúng sinh. Ông gọi là *Lỗ Lùng ô Gà*. Từ Lỗ Lùng này chảy thành dòng đến *Lỗ Lùng Quai Vạc* (thôn Đính Sơn, Gia Sinh), lên *Lỗ Lươn* (thôn Đính Chàng, Sơn Lai, huyện Nho Quan) là mạch “tiểu long”, nước không bao giờ cạn. Nước từ các khe núi Báu Đính chảy xuống, lọc qua khe đá, rễ cây rừng, qua mạch nước ngầm nên trong suốt, ngọt như nước mưa, tụ lại Lỗ Lùng. Nước Lỗ Lùng không bao giờ cạn, ngay cả những năm đại hạn. Mặc dù, Lỗ Lùng ở chân núi có độ cao hơn hẳn các vùng đất xung quanh từ 5 đến 7 mét. Người ta gọi đây là “*Mắt Rồng*” - điểm lộ thiên của lòng mạch Báu Đính.

Cạnh Lỗ Lùng có một khu đất hõm hõm xuống, dân gian truyền đây là ô gà áp của ông Không Lồ. Có một lần, ông Không Lồ thịt gà và đồ xôi cúng Phật. Đang làm dở,

có mấy người cảng bệnh nhân đến cấp cứu xin ông chữa gấp, ông vội vàng bò con gà đĩa xôi đầy để đi bốc thuốc cứu người bệnh. Đến nay ở làng Đồi, gần núi Báu Đính, có hai quả núi hình dáng giống hệt con gà và đĩa xôi. Dân gian truyền rằng đó là con gà và đĩa xôi của ông Không Lồ bỏ quên hóa thành.

11. Sinh Dược-Vườn thuốc của ông Không Lồ

Ông Không Lồ trong một lần vượt sông Hoàng Long lên núi Báu Đính du ngoạn. Ông đã phát hiện ra động đẹp kỳ lạ trên núi Báu Đính. Hang động đẹp như nơi tiên cảnh, núi lại hướng về phía tây như chầu về đất Phật tổ, rừng già mênh mông vô vàn cây thuốc quý. Ông đã dừng chân ở đây tu hành và hái thuốc để cứu độ chúng sinh. Không chỉ hái cây thuốc sẵn có trên núi, mà ông còn đưa nhiều loại thuốc quý về đây để trồng, biến thành một vườn thuốc lớn đặt tên là Vườn Sinh Dược, ở ngay dưới chân núi Báu Đính. Cũng chính từ ý nghĩa này mà cái tên Sinh Dược (thuốc sống) ra đời. Sinh Dược được đặt tên cho cả một vùng đất đai rộng lớn xung quanh núi Báu Đính.

Lúc bấy giờ, giặc dã, trộm cướp và thú rừng nhiều thường đến quấy nhiễu, phá phách vườn thuốc quý của ông. Ông Không Lồ liền đi gánh các quả núi các nơi về xếp xung quanh làm “hàng rào” cho vườn Sinh Dược. Ngoài khoanh ranh giới điền thô và vườn thuốc của mình: “*Thương chi Gành Gà, hạ chi núi Khoi, Đá Xè, Đá Soi, Lỗ Lươn vi giới*”. Đến nay, những địa danh này vẫn còn.

Cứ theo truyền thuyết và các địa danh này thì Vườn thuộc của ông Không Lồ ngày ấy rộng lớn bao trùm cả hai xã Sơn Lai (Nho Quan) và Gia Sinh (Gia Viễn) bây giờ. Nay ở xã Sơn Lai hiện nay vẫn còn tên Sơn Dược từ thời cổ, người ta bảo ông trồng thuốc cà trên các dải núi trong vùng mới có đủ thuộc chữa bệnh cứu muôn dân.

12. Truyền Thần y chữa bệnh hóa hổ cho vua Lý

Về việc chữa bệnh “hóa hổ” cho vua Lý Thần Tông của Nguyễn Minh Không, dân gian còn lưu truyền rằng: Khu vua Lý Thần Tông mắc bệnh lạ, mình mọc đầy lông vàng, tiếng như hổ gầm, quan quân vô cùng sợ hãi. Triều đình sai sứ già đi khắp nơi tìm thầy thuốc giỏi về chữa bệnh cho nhà vua. Trong dân gian có lũ trẻ chăn trâu hát: “*Bồng bồng bồng, tập tắm vóng, ở làng Diêm Xá, có Nguyễn Minh Không, chữa được bệnh cho đức Thần Tông*”. Nguyễn Minh Không đang tu ở chùa Bá Dinh được mời về kinh đô chữa bệnh cho nhà vua. Lúc này, xung quanh nhà vua đang có mặt hàng trăm thầy thuốc và pháp sư danh tiếng trong nước. Nguyễn Minh Không thấy mọi người nhìn mình bằng con mắt nghi ngờ, có người dè bỉu, ông liền lấy một cái đinh lớn đóng sâu vào chiếc cột lim bên cạnh rồi nói: “*Ai rút được chiếc đinh này ra thì người đó sẽ chữa được bệnh cho nhà vua*”. Tất cả các thầy lang và pháp sư thi nhau nhòe chiếc đinh đó nhưng không tài nào nhô được. Lúc đó, Nguyễn Minh Không chỉ dùng hai ngón tay kẹp lại, rồi nhẹ nhàng nhô nhẹ chiếc đinh ra khỏi cột trước con mắt thán phục của mọi người. Tiếp đó,

Nguyễn Minh Không nấu một vạc dầu sôi. Vứt một trăm chiếc kim vào đó. Ngài hỏi: “Có ai dùng tay lấy đủ 100 chiếc kim trong này ra không?”. Tất cả đều rùng mình lắc đầu. Nguyễn Minh Không liền quơ tay một cái, vớt đủ 100 chiếc kim ra khỏi vạc dầu sôi. Ngài lấy nước dầu sôi tắm cho nhà vua, lại lấy kim châm vào các huyệt, dầu dội đến đâu, lông vàng trút hết đi đến đó. Vua Trần Tông trở lại bình thường như trước. Nhà vua, các quan thần và mọi người có mặt ở đó vô cùng kinh phục phép lạ của Nguyễn Minh Không. Vua Lý Thần Tông phong tặng ông là Lý Quốc Sư. Nhân dân tôn vinh ông là Đức Thánh Nguyễn.

III. HUYỀN THOẠI VỀ ĐINH BỘ LĨNH GẮN VỚI VÙNG BÁI ĐINH VÀ SÔNG HOÀNG LONG

1. Truyện Con Rái Thần

Ông Đinh Công Trứ quê ở động Hoa Lư (nay thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn), giữ chức Thủ sứ châu Hoan (Nghệ An), về đời Dương Đình Nghệ. Một hôm, quân phản loạn nổi lên cướp phá doanh thự, kho tàng, khí giới bị đốt cháy trụi. Ông cùng vợ là bà Đàm Thị, khăn gói lánh về quê quán.

Trên đường về, hai vợ chồng ông rất mệt mỏi, buồn phiền. Nhưng điều phiền muộn hơn cả là ông bà lấy nhau đã mấy chục năm rồi mà chưa có một mụn con cho vui cửa, vui nhà. Bây giờ, cả hai ông bà đã luống tuổi, còn mong chi đường con cái. Họ thường than

thân, trách phận, sao trời ăn ở không công. Cả đời ông bà ăn hiền ở lành, làm điều phúc đức, mà không có con nối dõi tông đường.

Ông bà đi ròng rã gần tháng trời, nên rất mệt mỏi. Về đến núi Báu Đinh, gần làng, vợ chồng ông ngồi nghỉ dưới một bóng cây cổ thụ. Thấy dưới ruộng thỉnh thoảng lại có tiếng cá quẫy, bà Đàm Thị bảo chồng ngồi ngả lưng vào gốc cây cho đỡ mệt, còn mình xuống mò lấy ít cua, cá về nấu bát đầm ăn cho đỡ xót ruột.

Bà Đàm Thị càng bắt càng thấy lầm cua, cá, nên mải mê quá, chà mấy chốc đã cách xa chỗ chồng nghỉ, vào tới chân núi cuối đồng. Trời đang nắng to, bỗng một trận mưa rào ập đến. Bà Đàm Thị bèn lánh trong một hang núi trước mặt. Trước hang là một cái đầm rất to và sâu. Bà đứng trong hang núi, chụm hai tay hứng những giọt nước long lanh ngũ sắc từ một cây nhũ đá rò xuống. Uống xong, kỳ lạ thật, bà buồn ngủ nhíu mắt lại. Thấy giữa hang có một塊 đá to, nhẵn lỳ như một cái sập gu, bà ngả lưng xuống, rồi ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Còn mưa vừa tạnh, bà Đàm Thị cũng vừa tinh giấc. Bà giật mình thấy có một con rái cá hình nhân, to lớn như một người đàn ông nằm bên cạnh, một chân vắt qua bụng bà. Hoảng sợ quá, bà kêu la ầm ī, vùng ra khỏi con rái cá, cầm đầu cầm cổ chạy về phía chồng kêu cứu. Chồng bà và những người dân làm đồng xung quanh nghe tiếng la thất thanh, chạy đỗ xô về phía hang núi. Còn rái cá hình nhân thấy đoàn người

tay dao, tay gậy, tay liêm, âm âm kéo vào hang, nhưng nó vẫn đứng trên phiến đá trơ trơ như pho tượng, không hề chạy trốn. Đoàn người xông vào đánh, chém tới tấp con rái cá kỲ LẠ ấy. Ông Đinh Công Trú yếu mệt vì đi đường xa dài ngày, chạy đến cửa hang thì người ta đã đánh chết con rái cá, đang mổ thịt chia nhau. Ông chỉ xin bộ xương và tấm da con rái cá, gói lại cẩn thận, mang về để trên gác bếp.

Ít lâu sau, bà Đàm Thị thấy trong lòng nôn nao, rạo rực, bà biết mình đã có thai. Bà không biết nói với ông thế nào về giấc ngủ chốc lát như bị thần thối miên trong hang núi trú mưa. Bà cứ băn khoăn, do dự mãi, thành ra, dành giấu kín chồng. Ông Đinh Công Trú thấy vợ có thai thi mừng rỡ nói:

- Mai ngày sinh hạ, minh hãy đặt tên con là Bộ Linh để kỷ niệm chặng đượng bộ chạy loạn vất vả, gian nan và buổi trưa nghỉ dưới chân núi Báu Linh nhé!

Vợ chồng ông Đinh Công Trú về làng được hơn hai tháng thì ông mất dột ngọt. Bà Đàm Thị gào khóc thảm thiết. Dân làng ai cũng thương tình. Bà vất vả lắn hồi mò cua, bắt ốc kiềm sống, không hề nói với ai là mình đã có thai. Bụng bà mỗi ngày một to ra. Thế mà ông Đinh Công Trú mất đã tròn một năm rồi mà bà vẫn chưa sinh nở. Những lời thị phi trong làng bàn cứ truyền nhau, thêu dệt đủ điều xấu xa gán cho bà. Người em chồng là Đinh Dự ở sách Bông thấy vậy, cho là bà hoang thai, đến chui mảng, nghiếc móc xấu xa, tước hết nhà cửa, ruộng vườn, rồi đuổi bà đi. Bà Đàm Thị bụng chửa vượt mặt, phải bỏ làng vào ờ

trong động núi Kỳ Lân. Trong động có đền thờ Sơn Thần, cách làng không bao xa.

Hôm ấy, trời đang nắng chang chang, bỗng sấm chớp nổ lên ầm ầm, mây đen vần vũ. Bà Đàm Thị trở dạ, rồi sinh ra một cậu bé khôi ngô, tuấn tú. Bà bẩm đốt ngón tay, thế là đã mang thai mười bốn tháng trời. Nhìn con trai đẹp đẽ, khỏe mạnh, bà ôm con sung sướng đến rỉa nước mắt. Đứa bé thật ngoan ngoãn, không hề khóc quấy, nhưng lại rất hiếu động. Chưa đầy cữ mà cậu bé đã ngồi nhambi dậy được như đã mấy tuổi rồi; mắt sáng như sao, diện mạo phương phi khác thường. Ngay sáng hôm bà Đàm Thị sinh nở, những người vào động lễ Sơn Thần, thấy trên lá các cây sen núi, lá nào cũng có vệt sên bò thành chữ "*Thiên tử*". Dân làng kéo nhau vào động xem, thấy diêm lạ, bao nhau rước mẹ con bà về làng, làm một túp lều cho hai mẹ con bà ở tạm. Chỗ này, sau gọi là gò Bồ Đề ở sách Bông. Chuyện bà Đàm Thị có thai mười bốn tháng mới sinh, lại có những diêm lạ như vậy, truyền đi khắp nơi. Làng trên, ban dưới, người đến thăm, kè đến xem tấp nập. Lúc bấy giờ, có một ông thầy tường đến nhìn cậu bé rồi nói với mọi người: "Thằng bé này lớn lên, tất không phải là người thường, sẽ đứng đầu thiên hạ!". Bà Đàm Thị vô cùng phấn khởi. Nhớ tới lời dặn của chồng trước khi mất, bà đặt tên con là Bộ Lĩnh. Lên năm tuổi, Bộ Lĩnh đã phải di mò cua, bắt ốc để lấy tiền thuốc thang và nuôi mẹ, nuôi thân. Bộ Lĩnh có biệt tài về bơi lặn. Dòng sông chảy qua làng rất lớn, sâu và chảy xiết. Chỉ có Bộ Lĩnh mới bơi được ra giữa dòng, lặn xuống sâu, bắt đầy vành dây lung cá mới chịu ngoi lên bờ. Sông này có rất

nhiều ba ba to. Ai muốn mua ba ba to chừng nào, chỉ cần lấy tay vẽ lên cát, đứng chờ một lát, Bộ Linh sẽ bắt lên đúng như hình vẽ. Thấy vậy, dân làng nói với nhau: “Đúng là dòng giống tinh ranh của rái Thần! Chỉ có giống rái cá mới bơi lặn, mò hụp giỏi như vậy, chứ người trần, từ thượng cổ đến giờ có ai được như thế đâu!”. Thế là bí mật về câu chuyện giấc ngủ bị thôi miên trong hang đá, giao cảm với Rái Thần mà có thai, bà Đàm Thị chẳng kể ra với ai, ngay cả với chồng mình, mà người đời cứ tộc mạch, soi mói, chắp vá, thêu dệt ly kỳ, cứ y như là họ đã biết tường tận vậy. Bà Đàm Thị cũng thấy lạ. Thỉnh thoảng có ai trêu chọc bảo: “Mày là con của rái cá”. Bộ Linh chạy về nhà khóc tức tưởi, bà Đàm Thị kéo con vào lòng âu yếm: “Con là con mẹ, con cha!”

Huyền tích này về Đinh Bộ Lĩnh đã ngàn năm nay mà vẫn lưu truyền trong dân gian Ninh Bình. Núi Báu Linh, còn gọi là Báu Đinh, mang tên đức Vua Đinh thuở thiếu thời và hồ Đàm Thị, nơi bà mẹ vua Đinh mò cua bắt cá rồi giao cấu với Rái Thần trong động Long Ân, sinh ra Vua Đinh, các địa danh đó đến nay vẫn còn, thuộc thôn Sinh Dược, xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn, nơi có chùa Báu Đinh lớn nhất Việt Nam. Núi Báu Linh/ Đinh sát bên Đông Nam chùa. Hồ Đàm Thị ngay trước cửa chùa Báu Đinh.

2. Mả táng Hòn Rồng

Một hôm Đinh Bộ Lĩnh xuống đáy sông Đại Hoàng, một con sông lớn chảy qua làng mình, chỗ sâu nhất,

nước xoáy tròn trên mặt sông như một chiếc cối xay khổng lồ. Khi lên bờ, Bộ Lĩnh kể lại với mọi người, nơi thăng vực nước xoáy, dưới lòng sông sâu thăm áy, có một ngầm đá lớn như miệng một con rồng, nước xoáy tròn quanh một quả cầu lung linh bày sắc cầu vòng ở giữa miệng rồng. Chuyện lạ đó đồn đại đi khắp nơi. Nhưng ngoài Bộ Lĩnh ra, không ai có thể lặn xuống để xem kỳ lạ, hư thực thế nào. Ít lâu sau, có một người khách lạ đến ngồi trên bờ sông Đại Hoàng xem Bộ Lĩnh mò cá. Người khách gọi cậu lên bờ rồi hỏi: Cậu giỏi lặn thế, liệu có dám lặn xuống vực xoáy kia không?

- Sao lại không? Dòng sông này chỉ có bên dưới lòng đất đá là tôi không xuống được thôi, còn chỗ nào mà chẳng có dấu tay tôi mò bắt ba ba! Bộ Lĩnh thản nhiên trả lời. Người khách lạ lại hỏi có vẻ thăm dò:

- Thế dưới vực xoáy kia, cậu có thấy gì lạ không?

Bộ Lĩnh kể đúng như những điều đã thấy, lại còn bị thêm nơi áy cậu đang nuôi một đôi ba ba giống, chuyên sinh sành, để mình lấy ba ba con đem bán. Người khách lạ thẽ thợt:

- Cậu hãy đặt giúp ta chiếc chĩnh sành này vào giữa miệng rồng, xong việc ta sẽ thường cho năm lạng vàng.

Bộ Lĩnh tò mò hỏi trong chĩnh đựng gi thì người khách không nói. Vốn là người thông minh, Bộ Lĩnh nghĩ, chắc phải có điều gì hệ trọng nên ông khách mới cố giấu giếm

mình, lại thuê hậu hĩnh như vậy. Cậu lặn xuống, nhưng không đặt cái chính đúng như lời dặn của người khách, mà để chiếc chĩnh ra ngoài miệng rồng, rồi bơi lên bờ lĩnh thường. Người khách tỏ ra cẩn thận và hào phóng:

Ta cho cậu thêm một nén bạc nữa, không được nói với ai chuyện này!

Bộ Linh về nhà thuật lại chuyện đó rồi tò mò hỏi mẹ. Bà Đàm Thị đang bị ôm nặng, chỉ nói: “Người ta bảo có phúc mà táng hàm rồng, chẳng phát đê cũng phát vương”. Bộ Linh liền hỏi: “Thế mà bố con ở đâu?”. Vì đang mệt quá, bà Đàm Thị buột miệng trả lời con cho qua chuyện: “Mà bố đang bọc gác trên gác bếp ấy!”.

Bộ Linh chẳng nói chẳng rằng, leo lên gác bếp, tìm thấy bộ xương bọc trong tấm da bám đầy bồ hóng, gói lại cẩn thận, rồi lặn xuống sông, bò hái cốt của người khách thuê đặt ra ngoài chĩnh, lấy gói da bọc xương rái thần cho vào chĩnh, đặt giữa miệng rồng. Bỗng sấm chớp nỗi lên àm àm, nước sông sôi sùng sục như người nấu. Chiếc hàm rồng nhậm chặt lấy bộ hái cốt rái thần.

Cũng từ đây, Bộ Linh lớn nhanh như thổi, tính tình táo tợn, thông minh, lạnh lợi hơn người. Cậu tụ tập trẻ chăn trâu làng mình lại, kéo đi đánh trẻ chăn trâu các làng khác, đến đâu chúng cũng đều sợ, phục, tôn lên làm trưởng. Đến năm hai mươi tuổi, Bộ Linh phất cờ, tụ nghĩa, chiêu mộ anh hùng, nghĩa sĩ bốn phương, lấy động Hoa Lư xây thành, đắp lũy, hùng cứ một phương. Sau khi nhà Hậu

Ngô mất, Bộ Lĩnh xuất quân đánh dẹp các xứ quân cát cứ, thống nhất non sông về một mối, lên ngôi Hoàng Đế.

Đinh Tiên Hoàng lên ngôi được năm năm. Một hôm, có một thầy địa lý người Tàu đến kinh đô Hoa Lư xin vào yết kiến vua Đinh. Thầy địa lý Tàu nói: “Thần đã đi khắp nước Đại Cồ Việt, quả là đất này có nhiều long mạch quý, nhưng chỉ có long mạch ở cửa Đại Hoàng Giang là phát kết đế vương. Nhưng hiềm một nỗi, đại mạch này đang bị các tiêu mạch khác chi phối, lấn át, nên ngôi chủ đang chông chênh, không vững”.

Vua Đinh hỏi:

- Ông có phép gì không?

Thầy địa lý Tàu già suy nghĩ, lấy la bàn trong túi ra, xoay xoay mấy cái rồi nói:

- Nếu Hoàng Đế tin thì tiêu thần xin hết lòng!

Vua Đinh vui mừng nói:

- Ta tin tưởng và trông mong ở ông!

Thầy địa lý Tàu nói:

- Muốn cho long mạch Đại Hoàng vẫn giữ ngôi chủ soái, xin Hoàng Đế cầm hai thanh gươm bạc hai bên đầu rồng, vừa giữ được vẻ uy nghi, lại vừa trấn trị được các long mạch khác lấn át.

Vua Đinh tin lời thầy địa lý Tàu, bèn nhờ ông ta mua cho hai thanh gươm bạc để trang hoàng hai bên đầu rồng. Chỉ mươi hôm sau, thầy địa lý Tàu lại đến kinh đô Hoa Lư dâng vua Đinh hai thanh gươm bạc rất đẹp. Vua Đinh lấy làm hài lòng lắm, trọng thưởng cho người khách Tàu mười nén vàng, mười nén bạc, rồi cho cắm hai thanh gươm đó vào hai bên đầu rồng như lời thầy địa lý Tàu chỉ dẫn.

Chỗ đầu rồng đặt hài cốt rái thần nước xoáy rất xiết. Hai thanh gươm cứ theo làn nước xoáy, ngày này qua ngày khác, cửa mãi vào đầu rồng bị đứt làm đôi. Nước sông Đại Hoàng đò ngầu như máu suốt ba tháng ròng. Khi vua Đinh biết rõ sự thật thì muộn. Cũng trong thời gian ấy, vua Đinh và Nam Việt Vương Dinh Liễn bị sát hại. Cơ nghiệp đế vương của nhà Đinh cũng mất từ đây.

Mọi chuyện xảy ra đã rồi, sau này người ta mới biết duyên do là chính thầy địa lý Tàu ấy là người khách lạ trước đây thuê Bộ Lĩnh để mờ bồ mình vào hầm rồng, nhưng bị Bộ Lĩnh đánh tráo, đặt hài cốt rái thần vào, nên ông ta nghĩ kế đặt hai thanh gươm cưa đứt đầu rồng để báo thù. Hai thanh gươm ấy ông ta đã yểm bùa “doàn mệnh” để dâng cho vua Đinh.

Khi triều đình nhà Đinh biết rõ mưu kế thâm độc, lợi hại đó của thầy địa lý và cũng là một phù thủy cao tay người Tàu, liền cho quân bùa vây, truy nã. Nhưng ông ta đã cài trang thành lái buôn, trốn chạy về phương Bắc. Triều đình và thần dân Đại Cồ Việt vô cùng căm giận hắn.

Sau này, khi lập đền thờ vua Đinh ở Trường Yên, Hoa Lư, người ta cho khắc bốn đại tự ở trước cổng đền là “*Bắc môn tòa nhược?*”, nghĩa là, “Khóa chặt cửa Bắc”, hàm ý nhắc nhở đời sau về bài học cảnh giác vô cùng đau lòng của nhà Đinh.

Đến nay, bốn đại tự đó vẫn còn trước cổng đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng ở Trường Yên. Và câu chuyện *Mà táng hàm rồng* vẫn còn lưu truyền đến bây giờ.

3. Sự tích sông Hoàng Long

Đinh Bộ Lĩnh lúc còn nhỏ đã mồ côi cha mẹ, phải đi ở chăn trâu cho chú là Đinh Dị ở Sách Bông¹.

Hàng ngày, Bộ Lĩnh cùng trẻ chăn trâu trong làng tụ tập ở động Hoa Lư², bẻ hoa lau làm cờ, xếp hàng hai, chồng kiệu nghênh rước Bộ Lĩnh như nghi lễ triều đình. Bốn người bạn “đồng lân³ đồng giáp thân⁴” là Đinh Điện, Nguyễn Bắc, Lưu Cơ, Trịnh Tú được Bộ Lĩnh giao cho làm “Tứ trụ triều đình”. Đinh Bộ Lĩnh thường bày trận ở động Hoa Lư, lấy trâu làm ngựa cưỡi, lấy tre nứa làm cung đao, lấy hoa lau làm cờ, lấy mõ trâu, tù và làm hiệu lệnh. Khi tiến đánh trẻ trâu Nga My thì trâu cho bơi dọc sông, còn người thi cưỡi trên lưng trâu như cưỡi trên thuyền chiến. Sau đó thấy quân Nga My có thuyền thúng lợi hại, Bộ Lĩnh lại cho đan thuyền lá tre để giành chiến thắng.

1. Sách Bông nay thuộc xã Gia Phương, huyện Gia Viễn

2. Động Hoa Lư nay thuộc xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn

3-4. Nghĩa là cùng làng, cùng tuổi Giáp Thân (924)

Danh tiếng của Bộ Lĩnh và quân Hoa Lư nổi khắp vùng. Phụ lão các động, các sách nói với nhau “Dứa trẻ này khí độ như thế, lớn lên tất sẽ làm nên tướng soái, nếu không cho con em mình về theo, sau này hồi cung không kịp”. Bởi vậy, mọi người cho con em đến rất đông, rồi lập Đinh Bộ Lĩnh là trường động Hoa Lư.

Sau khi đánh thắng được trẻ chăn trâu các làng khác, cả một vùng rộng lớn thuộc trẻ Hoa Lư làm chủ, Đinh Bộ Lĩnh liền bắt con trâu to nhất đàn của chú để khao quân. Chiếc nồi lớn làm bằng da trâu trát bùn, cẩn trên bốn chiếc cọc, rồi đổ nước vào đun. Khi nước sôi, lũ trẻ dùng lưỡi hái cắt thịt trâu luộc chín, vớt ra bày trên lá chuối rừng. Gạo tẻ, gạo nếp do lũ trẻ góp lại được bỏ vào trong các ống hương, ống luồng tươi chứa nước, trát đất kín, nướng trên ngọn lửa. Cỗ được bày ra trên các tấm lá chuối rừng làm mâm, rồi đặt trên phiến đá to làm bàn thờ. Hai bên cắm hai hàng cờ lau, hương là những đoạn cây trầm đốt nghi ngút. Đinh Bộ Lĩnh cho quân xếp thành mười hàng, tượng trưng cho mười đạo quân tiên tử, trước bàn thờ tuyên thệ:

- Chúng ta nguyện sống chết có nhau, quyết lấy nương đồng, bài có bốn phương để người động Hoa Lư làm chủ!

Tiếng thề, tiếng reo hò của lũ trẻ ầm vang vách núi. Chúng công kênh Bộ Lĩnh rồi vác cờ lau, khi giới bằng tre gỗ, đi hàng hai như rước ông hoàng.

Khao quân xong, để đối phó với chủ, Bộ Lĩnh lấy đuôi trâu cắm xuống lỗ nè ở ruộng, chạy về nói dối chủ là trâu đã chui xuống dưới đất. Người chủ tưởng thật, hốt hải

chạy ra, dè chân chèo, cỗ sức nắm đuôi trâu kéo lên. Trâu chà thấy đâu chú ngã chóng gọng ra giữa ruộng. Biết cháu thịt mắt trâu, lại bày trò lừa mình, Đinh Dự nổi giận dùng dùng, vác gươm đuổi cháu để trị tội. Bộ Lĩnh ráng sức chạy, chạy mãi, chạy mãi mà cháu vẫn đuổi riết đằng sau. Đến bờ sông Cái, cùng đường không còn lối chạy, Bộ Lĩnh chợt nhớ trong số trẻ chăn trâu có đứa tên là Long, nhà ở bãi sông, bố làm nghề chở đò ngang trên sông, liền gọi lớn:

- Long ơi Long, cứu ta với, nhanh chở ta qua sông!

Bộ Lĩnh vừa dứt lời, chẳng thấy Long đâu, khúc sông bỗng nổi sóng cồn, một con rồng lớn hiện lên, hụp đầu ba lần như vái chào, vâng lệnh ghé lưng vào bờ đón Bộ Lĩnh. Bộ Lĩnh ung dung ghé lưng bước lên lưng rồng qua bờ sông bên kia. Người cháu thấy vậy, vừa kinh sợ, vừa cảm phục cháu, lúc ấy mới biết cháu mình là Thiên tử giáng sinh. Chú cảm thanh gươm bên chân núi, quỳ trên bờ sông vái lạy cháu như tế sao, đến lúc ngang đầu lên không thấy cháu đâu nữa mới lững thững quay về nhà thì trời đã chập choạng tối.

Dến nay con đường cháu đuổi cháu gọi là đường Tiến Yết. Hàng năm mở hội, nhân dân vẫn rước hiệu, tế cờ, tế kiềm từ động Hoa Lư về gò Bồ Đề¹, qua sông Cái về đền vua Đinh ở Trường Yên. Dòng sông Cái có rồng vàng nổi

1. Gò Bồ Đề ở xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tương truyền là nền nhà Đinh Bộ Lĩnh hồi còn nhỏ.

lên cứu vua từ đó gọi là sông Hoàng Long (rồng Vàng). Núi chúa cắm gươm lạy cháu gọi là núi Cẩm Gươm. Dải ruộng dưới chân núi Cẩm Gươm gọi là Kiếm Điện¹.

IV. CÁC HUYỀN THOẠI KHÁC

1. Sự tích núi Văn, núi Võ, đồi Voi

Bái Linh là cả một vùng núi đồi trùng điệp ba mặt núi một mặt sông chảy dài từ Trường Yên qua Gia Sinh đến Sơn lai, Quỳnh Lưu, Sơn Thành, Gia Phong, Gia Lạc án ngữ con đường thương đạo từ Thanh - Nghệ ra Bắc theo đường núi. Vì vậy, theo Thần phà Quý minh Đại vương lưu tại đình làng Lỗi Sơn, xã Gia Phong (huyện Gia Viễn) thi tại nơi đây, vào thời Hùng Vương thứ 18, đức Thánh Cao Sơn đã về đây lập phòng tuyến chống nhau với nhà Thục. Đến đầu thế kỷ X, Dương Đình nghệ, Ngô Quyền và sau này, vua Đinh Tiên Hoàng cũng chọn nơi đây làm địa bàn tập kết quân binh. Sách Đại Nam nhất thống chí và “Ninh Bình toàn tình đại chí khảo biên” còn chép nơi đây vua Đinh thường tập luyện binh sĩ nên đến nay còn núi gọi là núi vua Đinh (thuộc xã Sơn Lai, huyện Nho Quan). Đến thời Lê Lợi dấy binh đánh đuổi quân Minh xâm lược, vua Quang Trung kéo đại binh từ Phú Xuân ra Thăng Long đánh giặc Mãn Thanh cũng đều lấy đây là một địa bàn xuất phát. Thế kỷ XVI, đây là địa bàn tranh chấp quyết liệt giữa hai tập đoàn phong kiến Lê-Trịnh và Mạc. Vốn là đất

1. Núi Cẩm Gươm và ruộng Kiếm Điện nay thuộc xã Gia Tiên, huynh Gia Viễn

chiến lược về quân sự, núi sông hiểm yếu, nên nơi đây in dấu bao cuộc hành tinh của bao triều đại hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của ông cha ta. Đó là: Núi Vua Đinh: tượng truyền noi Vua Đinh đóng đại hành doanh để tập luyện binh mã. Núi Văn: trị sở của các quan văn. Núi Võ¹: trị sở của các quan võ. Đồi Voi: nơi tập kết tượng binh. Núi án Mã: Núi tập kết ngựa chiến. Sông Mo: nơi binh sĩ tiến quân ra nghỉ lại, ăn cơm nắm, vứt mo cau lại. Đồi Lèu²: nơi nghĩa binh đóng quân dựng lều trại. Nhưng đó là dấu ấn của thời đại nào thì chưa có bằng chứng xác đáng. Chỉ biết những địa danh đó đã tồn tại từ rất lâu đời trên vùng núi đồi kỳ tú, hiểm yếu và ken đầy vết chân lịch sử này. Trên vùng đất Báu Linh này còn diễn ra bao cuộc tế Trời-Đất xuất quân của các đạo hùng binh và lễ phong hầu, báu tướng, khao thưởng ba quân sau những trận chiến thắng oai hùng, mang tên chung là Báu Linh Sơn.

2. Sự tích cầu Độn

Theo gia phả họ Trần Đức ở làng Sinh Dược, đêm 30 Tết Mậu Thân, 1788, một cánh quân Quang Trung do Đô Ty Trần Đức Vy chỉ huy đóng ở khu vực Báu Đính được lệnh tấn công đánh úp đồn tiền tiêu Gián Khẩu của quân Thanh. Quân thùy từ cánh đồng Thủ Hà (cạnh núi hàm Rồng-Sinh Dược), quân bộ từ bên Bối phía trong Phú Lãng (Xuân Trì, xã Gia Sinh) tiến qua Đông Khê (xã Gia

-
1. Núi Vua Đinh, núi Văn, núi Võ nay thuộc xã Sơn Lai, huyện Nho Quan.
 2. Các địa danh này thuộc xã Gia Sinh, huyện Gia Viễn.

Trung) để đánh lên Gián Khẩu. Từ Sinh Dược sang Đông Khê phải vượt qua quãng đầm lầy dài trên 2000 mét. Quân Tây Sơn đã chặt các loại cây gỗ từ núi rừng Sinh Dược vận chuyển đến để độn xuống đầm lầy này cho người và voi, ngựa vượt qua dễ dàng, bí mật bất ngờ tập kết đánh vỗ sau lưng địch ở đồn Gián Khẩu. Bị đánh bất ngờ từ phía sau trong đêm tối, quân Thanh ở đây không kịp trở tay, bị tiêu diệt gọn. Đường vượt qua đầm lầy trên băng cách độn các loại cây rìng sau dân địa phương gọi là Cầu Độn. Những năm 1962-1963, khi làm công trình thủy lợi sông Hoàng Long, người ta đào ở độ sâu trên một mét thấy xuất lộ vô số cây gỗ lớn xếp dọc theo hướng đông-tây là hướng tiến binh của nghĩa quân Tây Sơn trong đêm Giao Thừa lịch sử đó.

3. Chuyện mẹ con nhà Ngọc

Sườn phía Đông núi Báu Dính có mảng đá trắng, những ngày nắng đẹp trời hoặc những đêm trăng sáng, nhìn đá lấp lánh như ngọc dát khắp sườn núi.

Những người đi rừng hoặc đi đâu về muộn, vừa mới chập tối đã thấy đàn lợn đồng đến mây chục con, quây quần, ríu rít bên lợn mẹ. Con lợn mẹ vàng óng như dát toàn bằng vàng ròng. Đàn lợn con thì vừa vàng, vừa bạc lấp la lấp lánh hoa cà mắt. Thấy người, đàn lợn cứ sán quẩn vào chân người. Nhưng thật lạ, cứ cúi xuống định bắt thì lợn lại chạy tan ra, không thể nào tóm được. Một con lớn nhất đàn lại què lê ra, cứ tưởng quờ tay và bắt được. Nhưng tay vừa chạm vào mình con lợn, con lợn đã lết

nhanh mẩy cái rồi tuột khỏi tầm tay với. Có người tham, đuôi bắt cà đêm, mệt bờ hơi tai mà chẳng bắt được con nào. Cứ nghe tiếng gà gáy là cà dàn lợn theo mẹ chạy tản vào mán đá ngọc rồi biến mất. Người ta gọi dàn lợn ấy là mẹ con nhà Ngọc, nhà vàng.

Các cụ cao niên thì bảo trong núi có vàng có ngọc của vua chúa từ thời xưa thời xưa cất giấu, lâu năm biến thành mẹ con nhà Ngọc như thế. Lại có cụ bảo, ngày xưa, người Khách Tàu lấy được vàng bạc vô khối của nước ta không kịp mang về nước, cất giấu vào hang động núi Báu Đính rồi yểm lấp kín lại, lâu không sang lấy nên vàng bạc đã biến thành mẹ con nhà Ngọc.

Dân trong vùng nói bây giờ thì mẹ con nhà Ngọc vẫn ra lấp lóà cà sườn núi những đêm không trăng, không sao, nhưng có vẻ ít ra hơn xưa nhiều. Hễ hôm nào mẹ con nhà Ngọc hiện ra, là hôm ấy trời trời.

4. Kho vàng đụn bạc ở đâu?

Ở vùng Báu Đính, hàng ngàn đời nay lưu truyền không ngớt về một kho vàng đụn bạc khổng lồ với hàng trăm hàng ngàn thỏi vàng, thỏi bạc cất giấu trong hang động của các thung Uí, thung Lang, thung Cùng và nhiều thung khác trong dãy trường sơn trùng điệp phía đông nam núi Báu Đính. Đường vào đến thung Uí gập ghềnh, khó khăn vô cùng. Có người giải thích địa danh “Uí” chính là tiếng “Ôi” nói trêch mà thành. Chả là vào được đến thung Uí phải kêu trời lên bao nhiêu lần mới đến được. Còn thung

Lang chinh là nơi cất giấu lương thực của các triều đại khi dựng hành cung trên đất này. (Lang=Lương). Truyện về kho vàng, kho bạc cất giấu trong những hang động nơi đây làm cho bao đời nay không biết bao nhiêu người, thậm chí cả hàng đoàn người tốn công khai sơn phá thạch, săn tìm già phả, giải mã hàng chục gia phả sưu tầm các nơi về nhằm khám phá và làm chủ kho vàng bạc không lồ nơi đây nhưng chẳng ai đạt được mục đích. Không ít người đã bỏ mạng nơi núi rừng hiểm trở này, trước khi chết vẫn lầm bầm đọc câu truyền:

“*Thung Cùng cho chí thung Lang
Hàng trăm thời vàng ta đê trong hang*”.

5. Bí mật hai ngôi mộ của hai Công chúa triều Trần

Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, bắt chuyển đô từ Thăng Long về Vĩnh Lộc Thanh Hóa. Nhiều quan lại, thân tộc nhà Trần bè ngoài tò ra thuần phục nhà Hồ, nhưng trong lòng đều căm giận, ngầm xây dựng lực lượng để chờ thời cơ khởi binh khôi phục họ Trần. Vùng Báu Lĩnh là địa bàn hiểm trở, có vị trí chiến lược, vừa che giấu được lực lượng, vừa tiện lợi liên lạc với các địa phương khác từ Thanh Hóa trở ra Bắc nên được các tôn thất nhà Trần chọn làm địa bàn xây dựng lực lượng. Hai Công chúa nhà Trần là Duyên Khang Công Chúa và Trường Quốc Công Chúa mất ở Tây Đô (Thanh Hóa) được nghĩa quân phục Trần bí mật đưa về Báu Lĩnh mai táng. Để bảo đảm bí mật, một ông thầy địa lý xem nơi để mộ hai Công chúa và mai táng xong, những người di mai táng không thấy trở về. Sau

người ta chỉ thấy thầy địa lý ghi lại cho người trong họ Trần biết địa điểm an táng hai công chúa như sau:

"Nam sơn tượng

Bắc thủy Long

Song ngư luồng tượng

Nhật nguyệt vô phong"

Tạm dịch nghĩa là: Phía Nam núi Voi, Phía Bắc sông Long. Đôi cá và hai voi (châu). Ngày tháng không có gió thổi.

Dịch nôm là như vậy, nhưng ý nghĩa sâu xa và nghĩa bóng của bốn câu trên như thế nào, giải mã ra sao thì không ai làm được. Vì vậy, bí mật về hai ngôi mộ của hai Công chúa nhà Trần với sự trấn yểm bao nhiêu vàng bạc, đồ trang sức quý giá vẫn không ai tìm ra được.

Sau khi an táng hai Công chúa ở Báu Đính xong, người ta lập miếu thờ hai nàng trên một mòm đồi hình như một con rùa không lồ xứ Đồng Mô, bên đường Thượng đạo gọi là Phù Lăng, thuộc làng Xuân Trì, xã Gia Sinh (huyện Gia Viễn). Miếu có tiếng linh thiêng. Xưa kia, từ vùng Trường Yên đi lên Phụng Hóa (Nho Quan), đi qua đây là cùa rừng, quan lại phải xuống ngựa, khách bộ hành phải vào tầu lè thì đi mới an toàn.

Làng Xuân Trì thuở khai sơn lập ấp vốn có tên là Ao Hạ, ở giáp bờ sông Hoàng Long, thường bị bọn cướp dưới

sông lên cướp phá. Dân làng làm lễ ở Phù Lăng cầu Hai Công chúa phù hộ, che chở. Hai bà Chúa hiền linh đuổi bọn giặc cướp, khiến bọn chúng sợ hãi bỏ chạy, từ đó giặc cướp không dám vào quấy phá nữa, nên làng chuyển về ở cạnh Phù Lăng, lấy tên là Xuân Trì (Ao Xuân).



tr168

KẾT LUẬN

Khu du lịch tâm linh Báu Ðính nằm gần khu di tích Cố đô Hoa Lư, áp quần thể du lịch sinh thái Tràng An, gần khu nước khoáng dưỡng sinh Kênh Gà, khu sinh thái ngập nước Vân Long, rừng Cúc Phương nguyên sinh và hầu hết các di tích, danh thắng của cả vùng: Động chùa Báu Ðính có trên đỉnh núi, đền thờ Đức Thánh Nguyễn, đền Bóng, đình Trung làng Sinh Dược, Văn Chi, Đền Tư, Đền Phú Vinh, lăng thờ Duyên Khang Công chúa và Trưởng Quốc Công chúa, Đền Mẫu Bà chúa hang Tiên, hồ Đàm Thị, động Long Ân... đều nằm trong vùng tâm linh và phụ cận, rất thuận lợi tham quan, du lịch liên hoan.

Báu Ðính tân tự - Chùa Báu Ðính mới - Ngôi chùa lớn nhất Việt Nam, sự tiếp nối tâm linh ngàn năm trước sự chuyền tiếp tâm linh cho trăm ngàn năm sau.

Chùa Báu Ðính tọa lạc trên dãy núi đặc các cổ tích và huyền thoại. Cõi tâm linh hôm nay là sự tiếp nối và thăng hoa ở mức độ kỳ vĩ của dấu ấn Tâm linh ngàn năm trước của cha ông ta. Đó là sự tiếp nối liên tục mặc dù trên dài đất thiêng này đã từng trải qua, đã từng chứng kiến bao

thăng trầm của lịch sử dân tộc. Chính nơi đây đã từng là chiến trường, một thời thảm đầy máu và nước mắt.

Núi Báu Định - nơi có Cột cờ của hành doanh Tân Viên Sơn thánh. Cột cờ từ thời nhà Đinh-Tiền Lê dựng phía tây kinh thành Hoa Lư của nước Đại Cồ Việt xây nền độc lập tự chủ, sánh ngang với triều đình phương Bắc hùng cường. Cột cờ của người Anh hùng dân tộc Lê Lợi tế trời khi “Khôi huyện quân không một đội”. Cột cờ của cha con Mỵ Quận công Bùi Văn Khuê bờ nhả Mạc đã ruỗng nát, theo phò nhà Lê để mưu dựng trung hưng. Cột cờ của nghĩa quân Tây Sơn tế trời đất đêm Giao thừa Tết Kỷ Dậu 1789 phát xuất đánh úp đồn tiền tiêu Gián Khẩu, mở màn cuộc tập kích như vũ bão vào kinh thành Thăng Long đánh đuổi quân Thanh xâm lược ra khỏi cõi bờ. Cột cờ của những người nông dân “rù bùn đứng dậy sáng lò” theo Đảng giành chính quyền trong Cách mạng Mùa Thu, tháng Tám năm 1945 lịch sử.

Phật Thích Ca, Thánh Cao Sơn, Mẫu Liễu Hạnh đã ngự trên đỉnh núi trăm năm, ngàn năm, biểu tượng của lòng từ bi, hỷ xả, niềm tin vào cõi thiêng liêng con người tu tâm, tích đức vươn đến Chân-Thiện-Mỹ của nhân dân ta ngàn đời nay lại gặp “*thiện duyên*” của thời mờ cưa, của những tấm lòng đi theo Bồ Tát, biểu tượng đất Phật, cõi Phật, hình tượng Phật lại hiện hiện với những công trình kỳ mĩ, như người xưa nói “*tranh công cùng Tao hóa*”. Đức Trần Nhân Tông, vị vua hùng, lãnh đạo quân dân Đại

Việt đập tan mộng bành trướng bá quyền của đế chế Nguyên Mông thế kỷ thứ XIII, lại từ bỏ vương quyền lên tu Yên Tử, lập nên Thiền phái Trúc Lâm. Ngài nói, không có Phật, Phật tại tâm. Thật đúng như vậy! “*Linh tại ngã, bất linh tại ngã*” (Thiêng do ta, không thiêng do ta). Ấy là cái tâm quán xuyến tất cả vậy! Không có cái tâm Phật, không thể có lòng từ bi bác ái. Không có tâm Phật và “nhất tâm chí thành” theo đức Phật thì không thể có đức Thánh Nguyễn lặn lội núi sông, tìm thuốc, trồng thuốc cứu dân, cầu Phật độ dân. Đức Phật hỷ xả từ bi, cứu khổ cứu nạn muôn dân là gốc của nhân văn muôn thế. Bởi thế, đạo Phật du nhập vào nước ta, nhanh hòa nhập và có sức mạnh lôi cuốn người Việt từ ngàn đời nay. Không có tâm hướng về Phật, không thể có những công trình sáng tạo kỳ vỹ như khu Tâm linh Báu Dinh được.

Cảm tạ những chủ trương, những tấm lòng hướng Phật đã tạo nên một quần thể kiến trúc nguy nga, những pho tượng nghệ thuật đặc sắc, tạo dấu ấn kiến trúc, chạm khắc, đúc, đột vừa thù công tia tót tinh vi, vừa công nghệ cao của thời đại cách mạng kỹ thuật, nhất là kỹ nghệ đúc đồng, tạc đá, điêu khắc gỗ mỹ nghệ tài tình tuyệt thế đầu thế kỷ XXI để lại muôn đời cho cháu con. Tạo cho hôm nay và mai sau **một vùng đất Phật** mà mỗi khi bước chân vào cõi thiêng, người người thư thái, tâm thanh, lòng sáng, hướng tới cái Chân-Thiên-Mỹ, cho đời bớt cái ác, bớt cái oan, bớt gian tham, bạo ngược hơn!

Khu Tâm linh Báu Ðính hình thành đã tạo nên sự đăng đối, cân bằng địa thái tâm linh của ba đạo giáo lớn trên đất Ninh Bình và trong khu vực là Phật Giáo - Thiên Chúa Giáo và Ðạo Giáo.

Núi có Phật - Thần - Tiên thêm linh. Người nhờ Phật - Thần - Tiên thêm cứu rỗi và càng thêm hướng Thiện.

Báu Ðính Tâm Linh. Báu Ðính Huyền thoại! Ngàn năm trước đến hôm nay và ngàn ngàn năm sau nữa! Sông núi trường tồn cùng Tâm Đức Phật. Tâm Đức Phật trường tồn cùng núi sông.

Mọi sáng tạo, mọi kỳ tích đều thuộc về nhân dân. Nhân dân là chủ nhân, chủ thể của mọi sự sáng tạo. Khu Tâm linh Báu Ðính mọc dậy là một minh chứng cho chân lý ấy! Dưới ánh sáng của Đặng, sự sáng tạo và kỳ tích càng có sức thăng hoa, càng kỳ mỹ đền vô cùng!

Tết Trung Thu Mậu Tý, 2008

T-Ð-T

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- Đại Việt sử ký toàn thư, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998
- Đại Nam nhất thống chí, T3, NXB Thuận Hóa, Huế, 1992
- Lịch sử Việt Nam, T1, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội,
- Vào chùa thăm Phật, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 1991
- Trang Trinh Nguyễn Bình Khiêm: Thái át thần kinh, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2001.
- Lê quý dật sù, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1987.
- Lê quý kỷ sự, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974
- Nguyễn Đăng Duy: Văn hóa tâm linh, NXB Văn hóa - thông tin, Hà Nội, 2002
- Hà Văn Tấn: Chùa Việt Nam, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
- Nguyễn Từ Mẫn: Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
- Đặng Văn Lung: Tam tòa Thánh Mẫu, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 1991.

- Vũ Quỳnh-Kiều Phú: Lĩnh Nam chích quái, NXB Văn học, Hà Nội, 1990.
- Vũ Ngọc Khanh: Đạo thờ Thánh ở Việt Nam, NXB Văn hóa Thông tin, HN, 2006.
- Tượng Phật: Sự tích và cách bài trí tiêu biểu, NXB Thế giới, Hà Nội, 2008.
- Nguyễn Hoàng Phương: Tích hợp đa văn hóa Đông Tây cho một chiến lược giáo dục tương lai, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1996.
- Lưu Bá Ôn: Địa lý toàn thư, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2001.
- Thích Thanh Từ: Thiền sư Việt Nam, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1999.
- Tài liệu điện tử: Chi Hội KHLS Việt Nam tỉnh Ninh Bình.
- Thiều Chửu: Hán Việt từ điển, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2002.
- Viện KHXH Việt Nam: Từ điển Hán Việt, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007.

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam

Tel: 0084.4.38253841 - Fax: 0084.4.38269578

Email: thegioi@hn.vnn.vn

Website: www.thegioipublishers.com.vn

BÁI ĐÍNH
NGÀN NĂM TÂM LINH
& HUYỀN THOẠI

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN ĐOÀN LÂM

<i>Biên tập</i>	:	Đông Vĩnh
<i>Bìa</i>	:	Phạm Tuấn
<i>Trình bày</i>	:	Trung tâm Chế bản và In
<i>Sửa bản in</i>	:	Tú - Phương
<i>Ảnh</i>	:	Bùi Duy Tư

CÁC TÁC PHẨM CHÍNH ĐÃ XUẤT BẢN

1. **Truyền thuyết Hoa Lư:**
Sở VH - TT Hà Nam Ninh, 1988
2. **Nước cờ Tam Đệp:**
Kịch thơ lịch sử (1989)
3. **Tiên Chúa nương đâu:**
NXB Văn hóa dân tộc, 1995
4. **Truyện cổ dân gian Ninh Bình:**
NXB Văn hóa dân tộc, 1995
5. **Những nhân vật lịch sử thời Đinh - Lê:**
NXB Văn hóa dân tộc, 1998
6. **Truyền thuyết Đinh - Lê:**
NXB Văn hóa dân tộc, 2000
7. **Lời ru ngọt cổ (thơ):**
NXB Văn học, 2000
8. **Cát bụi (thơ):**
NXB Hội Nhà văn, 2002
9. **Địa chí VHDG Ninh Bình (chủ biên):** NXB Thế giới, 2004
10. **Báu Đính, ngàn năm tâm linh và huyền thoại:** NXB Thế giới, 2008
11. **Hoa xương rồng (thơ):**
NXB Hội Nhà văn, 2008
12. **Đền Dâu - Quán Cháo, sự tích & huyền thoại:** NXB Thế giới, 2009

Nhiều bài viết nghiên cứu lịch sử, văn hóa, lý luận phê bình văn học, hội thảo K.H toàn quốc & địa phương; thơ đăng trên Văn nghệ, Văn nghệ Trẻ, Diễn đàn Văn nghệ VN, Văn nghệ QĐ, Giáo dục thời đại...

TRƯỜNG ĐÌNH TƯỜNG

Bái Đính

NGÀN NĂM TÂM LINH
VÀ HUYỀN THOẠI



Giá: 40.000đ